

1208

:

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

YẾU MỤC

126

THÁNG 9 - 1969

- ★ CÁC VĂN KIỆN VỀ LỄ TANG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.
- ★ BÁC SỐNG MÃI MÃI TRONG LÒNG CHÚNG TA, TRONG DÂN TỘC ANH HÙNG CỦA CHÚNG TA, TRONG NON SÔNG HÙNG VĨ CỦA CHÚNG TA, TRONG SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI CỦA CHÚNG TA.
- ★ VỀ TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ CỦA HỒ CHỦ TỊCH.

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT - NAM

VIỆN SỬ HỌC

Tạp chí NGHIÊN: CỨU LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng của Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam

Chủ nhiệm : NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Thư ký Tòa soạn : VĂN TÂN

Số 126

Tháng 9-1969

MỤC LỤC

★ Lời di chúc của Chủ tịch HỒ CHÍ MINH.	4
★ Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam.	6
★ Tiêu sử tóm tắt của Chủ tịch HỒ CHÍ MINH.	8
★ Điều văn của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất, đọc tại lễ truy điệu trọng thể HỒ CHỦ TỊCH.	11
NGUYỄN KHÁNH TOÀN — BÁC sống mãi mãi trong lòng chúng ta, trong dân tộc anh hùng của chúng ta, trong non sông hùng vĩ của chúng ta, trong sự nghiệp vĩ đại của chúng ta.	14
TRẦN HUY LIỆU — Một vài suy nghĩ bước đầu về tư tưởng quân sự của HỒ CHỦ TỊCH.	18
NGUYỄN KHÁNH TOÀN — Vị trí và ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Tám.	37
TRẦN CUNG — Khởi nghĩa ở Đệ tứ chiến khu (hồi ký).	44
ĐẶNG TRẦN CẦU — Thông tin liên lạc từ sau Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1945—1951).	58



**ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI !**



CHU TICH HO CHI MINH VI BAN!
DOI DOI MHO ON

10.3.69

Cuộc chiến Mỹ, cứu nước của
nhân ta nhất định thắng lợi hoàn toàn.
Đó là 1 điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngay đó, tôi sẽ đi khám,
2 miền Nam Bắc, để thăm hỏi đồng bào, công
và chiến sĩ ^{và bạn} ^{mình} ^{đồng} ^{quân}
châu thổ. Máu và nhũ trong yên lặng của sự tàn.

Ông Đỗ Xuân là người làm thủ tục xin tòng và ở quê
thị trấn Đình, là con rể, nhân sinh thật thà là
họ Nguyễn là "họ th. 70, làm ngay hôm",

nam nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lưỡng "hạ
mang hời" nhưng tình thần, tâm óc vẫn sáng
như như thường, tuy sức khỏe, có hạn so với các
người tuổi này. Tâm trí vẫn không đang thần. Khi
ng. ta đã ngoài 70 tuổi, thì tuổi tác càng cao.
sức khỏe càng thối.

Nhưng tôi đã sẵn lòng này, mong khi tôi ^{được} đi
gặp ở các nơi, và cũng là các vị c. m. thật gần nhau
thì đừng bao giờ quên, đ. c. h. t. đ. đ. và bài học khắp nơi
đ. k. h. i. v. n. t. h. t. đ. đ.

LỜI DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

CƯỚC chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, đề chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kể theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

∴

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng « Nhân sinh thất thập cổ lai hy », nghĩa là « người thọ 70, xưa nay hiếm ».

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người « xưa nay hiếm » nhưng tình thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa ?

Vì vậy, tôi đề sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng dân anh hùng, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

Trước hết nói về Đảng—Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ còn phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Đoàn viên và thanh niên ta rồi chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa «hồng» vừa «chuyên».

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

*Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn
mười ngày nay!*

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Về phong trào cộng sản thế giới - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công

nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

Về việc riêng - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diễu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Cuối cùng, tôi đề lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969



LỜI KÊU GỌI

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Gửi các cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đồng
bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài,

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

BAN chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam vô cùng đau đớn báo tin về các đồng chí, các chiến sĩ, đồng bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài biết:

Đồng chí HỒ CHÍ MINH
Chủ tịch Ban chấp hành
trung ương Đảng
Lao động Việt Nam,

Chủ tịch nước Việt Nam
dân chủ cộng hòa,

sau một thời gian bị bệnh và sau một cơn đau tim rất nặng, đã từ trần hồi 9 giờ 47 phút ngày 3 tháng 9 năm 1969 tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Đồng chí HỒ CHÍ MINH là người sáng lập Đảng ta và Nhà nước ta, người sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất và lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, lãnh tụ vĩ đại vô cùng kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân ta, của toàn thể dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Người mất đi là một tổn thất rất lớn đối với Đảng ta và dân tộc ta:

Là một nhà yêu nước vĩ đại, một người học trò trung thành của Các Mác và V.I. Lênin, đồng chí HỒ CHÍ MINH đã nêu cao tinh thần triệt để chống chủ nghĩa đế quốc, đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng dân tộc và giải phóng loài người, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Người đã nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Người thể hiện sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam với tư tưởng cách mạng triệt để của thời đại chúng ta, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cuộc đời của Người là một tấm gương chói lọi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của tinh thần đoàn kết chiến đấu, của đạo đức giản dị, khiêm tốn, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Tên tuổi của Người gắn liền với những thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ta ra đời đến nay và tượng trưng cho thời đại hiện đại nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

HỒ CHỦ TỊCH vĩnh biệt chúng ta. Nhưng Người đã bồi dưỡng cho cách mạng Việt Nam những nhân tố cơ bản bảo đảm thắng lợi hoàn toàn. Sự nghiệp và đạo đức cách mạng của Người sống mãi với toàn Đảng,

toàn dân ta, sống mãi cùng non sông, đất nước ta.

Trước cái tang chung vô cùng đau đớn này, Ban chấp hành trung ương Đảng kêu gọi cán bộ và đảng viên toàn Đảng, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, đồng bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài, triệu người như một *hãy biến đau thương thành hành động cách mạng, dũng cảm tiến lên, tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của HỒ CHỦ TỊCH, thực hiện thắng lợi lý tưởng và hoài bão của Người; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ; ra sức học tập tư tưởng, đạo đức và tác phong của Người.*

HỒ CHỦ TỊCH dạy chúng ta « Không có gì quý hơn độc lập, tự do »... « Nước ta là một, dân tộc ta là một »... « Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi ». Khi còn sống, ngày đêm Người tưởng nhớ đến đồng bào miền Nam ruột thịt, chăm lo sự nghiệp thống nhất nước nhà. Chúng ta phải kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc.

HỒ CHỦ TỊCH dạy chúng ta : « Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mà đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ». Chúng ta hãy ra sức đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tăng cường lực lượng của miền Bắc về mọi mặt, bảo vệ miền Bắc và làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

HỒ CHỦ TỊCH dạy chúng ta : trong khi hoàn thành nhiệm vụ dân tộc, phải đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Chúng ta hãy cùng với nhân dân các nước anh em ra sức tăng cường và củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa, tiếp tục kiên quyết ủng hộ phong trào cách mạng ở các nước, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

HỒ CHỦ TỊCH thường xuyên phấn đấu để

tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng và trong nhân dân ta. Trung thành với người thầy vĩ đại của mình và giữ vững truyền thống quý báu của Đảng, những người cộng sản Việt Nam chúng ta phải hết sức giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Tin tưởng ở đường lối đúng đắn của Đảng, ở sức mạnh của quần chúng và ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng, toàn Đảng hãy siết chặt hàng ngũ chung quanh Ban chấp hành trung ương, phấn đấu đến cùng vì độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Các cán bộ và đảng viên hãy phát huy vai trò tiên phong và gương mẫu của mình, ra sức công tác, học tập và rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ chính trị và năng lực chuyên môn, giữ gìn sự trong sạch và vững mạnh của Đảng, đề kế tục xứng đáng nhất sự nghiệp cách mạng của HỒ CHỦ TỊCH.

Các đoàn viên thanh niên lao động hãy hăng hái công tác và học tập, ra sức phấn đấu để trở thành những chiến sĩ cộng sản chân chính, xứng đáng là những người thuộc thế hệ do BÁC HỒ bồi dưỡng, dũng cảm kế tục sự nghiệp của Đảng và của BÁC, quyết tâm thực hiện lý tưởng cao đẹp của BÁC.

Toàn dân và toàn quân ta hãy làm theo lời dạy của HỒ CHỦ TỊCH, ra sức thi đua yêu nước, giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là cách thiết thực nhất để tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn Người.

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đã và đang giành được những thắng lợi to lớn. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta hãy phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi hoàn toàn, thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh dưới lá cờ bách chiến bách thắng của HỒ CHỦ TỊCH!

Ngày 3-9-1969

Tiểu sử tóm tắt của Chủ tịch HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (lúc nhỏ tên là Nguyễn Tất Thành, trong nhiều năm hoạt động cách mạng trước đây lấy tên là Nguyễn Ái Quốc) sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và mất ngày 3-9-1969 tại Hà Nội.

Người sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, nguồn gốc nông dân và lớn lên ở một địa phương mà nhân dân có truyền thống anh dũng chống ngoại xâm, trong một thời kỳ phong trào cứu nước ở Việt Nam rất sôi nổi.

Cuối năm 1911, với ý muốn học tập lý luận và kinh nghiệm cách mạng của các nước để về giải phóng nước nhà khỏi ách thực dân, **HỒ CHỦ TỊCH** ra nước ngoài, làm công nhân, tham gia cuộc vận động cách mạng của nhân dân nhiều nước, đồng thời không ngừng đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình. Là người Việt Nam đầu tiên ủng hộ cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại và tìm thấy ở chủ nghĩa Mác — Lê-nin con đường giải phóng của giai cấp công nhân và nhân dân

các nước thuộc địa, năm 1920, Người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp tại Đại hội Tua. Từ một người yêu nước chân chính, Người đã trở thành một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc. Người nói: « Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản » (1).

Để kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, Người tham gia thành lập **Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa Pháp** (1921), xuất bản tờ báo **Người cùng khổ ở Pháp** (1922). Năm 1923, Người được bầu vào Ban chấp hành Quốc tế nông dân. Năm 1924, Người tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản và được chỉ định là Ủy viên thường trực Bộ Phương Đông, trực tiếp phụ trách Cục Phương Nam. Năm 1925, Người tham gia thành lập **Hội**

(1) Lời tựa viết cho quyển **HỒ CHÍ MINH, những bài viết và nói chọn lọc** xuất bản ở Liên Xô năm 1959.

liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở châu Á, xuất bản hai cuốn sách nổi tiếng : **Bản án chế độ thực dân Pháp** (1925) và **Đường cách mạng** (1927).

Đề chuẩn bị tiến tới thành lập đảng của những người cộng sản Việt Nam, năm 1925, Người thành lập **Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở Quảng Châu (Trung Quốc) và tổ chức « Cộng sản đoàn » làm nòng cốt cho Hội đó, đào tạo cán bộ cộng sản để lãnh đạo Hội và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào nước ta. Năm 1929, những tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời ở Việt Nam. Ngày 3-2-1930 được sự ủy nhiệm của Ban chấp hành trung ương Quốc tế cộng sản, Người triệu tập « Hội nghị hợp nhất » để thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam thành **Đảng Cộng sản Việt Nam** sau đổi tên là **Đảng Cộng sản Đông Dương** và ngày nay là **Đảng Lao động Việt Nam**. Trong « Hội nghị hợp nhất », Người vạch rõ đường lối cách mạng ở nước ta là trước làm cách mạng dân tộc dân chủ, sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1930 đến năm 1940, Đồng chí **HỒ CHÍ MINH** tiếp tục hoạt động cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc Việt Nam và của các dân tộc bị áp bức khác trong những điều kiện vô cùng gian khổ và khó khăn.

Năm 1941, Người về nước, triệu tập Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, quyết định đường lối cứu nước, thành lập **Việt Nam độc lập đồng minh hội** (Việt Minh), tổ chức lực lượng vũ trang giải phóng, xây dựng căn cứ địa, lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa từng phần và chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Cách mạng tháng Tám (1945) thắng lợi, Người tuyên bố thành lập nước **Việt Nam dân chủ cộng hòa** (2-9-1945), tổ chức tổng tuyển cử tự do trong cả nước, bầu Quốc hội và thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta.

Quốc hội khóa I đã bầu Người làm Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946).

Cùng với Trung ương Đảng, **HỒ CHỦ TỊCH** lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phá tan âm mưu của bọn đế quốc, giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng. Ngay sau Cách mạng tháng Tám, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, Người kêu gọi cả nước kháng chiến bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng tháng Tám. Người nói : « ... Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ (1) ».

Tại Đại hội lần thứ hai của Đảng (1951), Người được bầu làm Chủ tịch Ban chấp hành trung ương Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là **HỒ CHỦ TỊCH**, cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược đã giành được thắng lợi to lớn, kết thúc vẻ vang bằng chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ (1954).

Sau khi miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng (1955), Trung ương Đảng và **HỒ CHỦ TỊCH** đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời đấu tranh để giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Đại hội lần thứ ba của Đảng (1960) quyết định đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta và đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Đại hội

(1) Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 20-12-1946.

nhất trí bầu lại đồng chí **HỒ CHÍ MINH** làm Chủ tịch Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Cùng với Ban chấp hành trung ương Đảng, **HỒ CHỦ TỊCH** lãnh đạo cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân ta chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Người nói : « Nước ta là một, dân tộc ta là một » (1)... « Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được » (2). Người khẳng định : « Không có gì quý hơn độc lập, tự do » (3).

Cùng với Ban chấp hành trung ương Đảng, Người lãnh đạo sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Người nói : « Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mà đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa » (4).

HỒ CHỦ TỊCH luôn luôn dạy chúng ta phải kết hợp nhiệm vụ cách mạng trong nước với nhiệm vụ cách mạng quốc tế. Người chỉ thị cho toàn Đảng và toàn dân ta phải tích cực góp phần bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa, khôi phục đoàn kết, nhất trí trong phe ta và trong phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, ra sức góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

HỒ CHỦ TỊCH đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đề ra đường lối đúng đắn, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Người kết hợp tài tình truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam với tư tưởng cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, tư tưởng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu

nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và của **HỒ CHỦ TỊCH** đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt-nam, thời đại nhân dân Việt Nam đánh thắng các thế lực đế quốc xâm lược, giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Người tin tưởng mạnh mẽ vào lực lượng vĩ đại của quần chúng nhân dân, suốt đời tận tụy phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Người là tấm gương trong sáng của tinh thần, tập thể, ý thức tổ chức và đạo đức cách mạng: trung với Đảng, hiếu với dân, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, chân thành, khiêm tốn và giản dị.

Sự nghiệp của **HỒ CHỦ TỊCH** thật là vĩ đại. Người đã sáng lập ra đảng mác-xít—lê-ni-nít ở Việt Nam, sáng lập ra Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, sáng lập ra các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam và sáng lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, góp phần tăng cường đoàn kết quốc tế.

HỒ CHỦ TỊCH là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ xuất sắc, một nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Tên tuổi của Người sống mãi trong lòng mỗi người Việt Nam yêu nước và sự nghiệp cách mạng của Người nhất định sẽ được kế tục thắng lợi!

(1) Thư gửi Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn chủ tịch, và các vị trong Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (5-6-1967).

(2) Diễn văn chúc mừng năm mới và nhân dịp Trung ương Đảng và Chính phủ về thủ đô (1-1-1955).

(3) Lời kêu gọi của **HỒ CHỦ TỊCH** (17-7-1966).

(4) Ba mươi năm hoạt động của Đảng.

DIỀU VẦN

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
LAO ĐỘNG VIỆT NAM DO ĐỒNG CHÍ LÊ DUẦN,
BÍ THƯ THỨ NHẤT, ĐỌC TẠI LỄ TRUY ĐIỆU
TRỌNG THỀ HỒ CHỦ TỊCH

Thưa đồng bào và chiến sĩ cả nước,
Thưa các đồng chí và các bạn,

HỒ CHỦ TỊCH kính yêu của chúng ta không còn nữa !

Tồn thất này vô cùng lớn lao !

Đau thương này thật là vô hạn !

Dân tộc ta và Đảng ta mất một vị lãnh tụ thiên tài và một người thầy vĩ đại.

Phong trào cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và cả loài người tiến bộ mất một chiến sĩ lỗi lạc, một người bạn chiến đấu kiên cường và thân thiết.

Đồng bào và chiến sĩ cả nước ta thương nhớ Người khôn xiết ! Anh em và bầu bạn khắp năm châu cùng chia sẻ nỗi đau buồn sâu sắc của chúng ta.

Hơn 60 năm qua, từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, Hồ Chủ tịch đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh,

vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ.

Với tấm lòng yêu nước nồng nàn, Hồ Chủ tịch đã sớm đến với chủ nghĩa Mác—Lê-nin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác—Lê-nin ánh sáng soi đường cứu dân, cứu nước. Hồ Chủ tịch là người Việt Nam đầu tiên đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Hồ Chủ tịch là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, là người xây dựng nền Cộng hòa dân chủ Việt Nam và Mặt trận dân tộc thống nhất, là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Người là linh hồn, là ngọn cờ chói lọi, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, viết nên những trang sử vẻ vang nhất của Tổ quốc ta.

Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người

đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta
và non sông đất nước ta.

..

Người là tượng trưng cho tinh hoa
của dân tộc Việt Nam, cho ý chí kiên
cường, bất khuất của nhân dân Việt
Nam suốt bốn nghìn năm lịch sử. « Không
có gì quý hơn độc lập, tự do ». « Chúng
ta thù hờ sinh tất cả, chứ nhất định
không chịu mất nước, nhất định không
chịu làm nô lệ ». Đó là lời kêu gọi cứu
nước khẩn thiết hiện nay của Tổ quốc,
là lời hịch của ông cha ta vang vọng từ
ngàn xưa, là nghĩa vụ thiêng liêng của
chúng ta đối với muôn đời con cháu.
Người nói : « Nước ta là một, dân tộc ta
là một », « Miền Nam là máu của máu
Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam ». Lúc
còn sống, Người luôn luôn theo sát từng
bước đi của cách mạng giải phóng miền
Nam, ngày đêm Người tưởng nhớ đến
đồng bào và chiến sĩ miền Nam với tấm
lòng thương yêu không bờ bến.

Vĩnh biệt Người, chúng ta thề :

Giương cao mãi mãi ngọn cờ, độc lập
dân tộc, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ
xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ
miền Bắc, thống nhất đất nước để thỏa
lòng mong ước của Người.

..

Hoài bão lớn nhất của Hồ Chủ tịch
là Tổ quốc được giải phóng, nhân dân
được hạnh phúc. Người nói : « Tôi chỉ
có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là
làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc
lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng
bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai
cũng được học hành ». Người còn nói :
« Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ
nghĩa xã hội ».

Lúc còn sống, Người dành tất cả lòng
hiền từ ấm áp cho đồng bào, con cháu,
già, trẻ, gái, trai, miền Bắc, miền Nam,
miền xuôi, miền ngược. Khi mất đi,
Người còn « để lại muôn vàn tình thân
yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn
thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và
nhì đồng ».

•Vĩnh biệt Người, chúng ta thề :

Đem hết sức mình tiếp tục phấn đấu thực
hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản
chủ nghĩa cao đẹp mà Người đã vạch ra cho
giai cấp công nhân và nhân dân ta, đem lại
phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho
đồng bào.

..

Hồ Chủ tịch hằng quan tâm và dày
công xây dựng Đảng ta thành một khối
đoàn kết, thống nhất vững mạnh. Người
dạy : « Sức mạnh của Đảng là ở sự
đoàn kết nhất trí ». Hồ Chủ tịch là hiện
thân của khối đoàn kết dân tộc, là hiện
thân tình ruột thịt Bắc — Nam. Người
nói : « Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.
Thành công, thành công, đại thành công ».
Người luôn luôn căn dặn chúng ta phải
giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn
kết và tình thương yêu đồng bào,
đồng chí.

Vĩnh biệt Người, chúng ta thề :

Hết lòng hết sức giữ gìn sự đoàn kết
nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của
mắt mình, tăng cường sức chiến đấu của
Đảng, làm hạt nhân cho khối đoàn kết toàn
dân bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng của giai
cấp công nhân và dân tộc Việt Nam hoàn
toàn thắng lợi.

..

Hồ Chủ tịch là tượng trưng cao đẹp của
chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp
nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản.
Trái tim, khối óc của Người dành cho
dân tộc Việt Nam ta cũng hướng về giai
cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên
toàn thế giới. Là người học trò trung
thành của Các Mác và Lê-nin, Hồ Chủ
tịch chẳng những là một nhà yêu nước
vĩ đại, mà còn là một chiến sĩ xuất sắc
trong phong trào cộng sản quốc tế và
phong trào giải phóng dân tộc của thế kỷ
20. Hồ Chủ tịch thường dạy chúng ta phải
chăm lo bảo vệ sự đoàn kết quốc tế, vì
sự nghiệp to lớn của cách mạng Việt
Nam, vì nghĩa vụ cao cả đối với cách
mạng thế giới.

Vĩnh biệt Người, chúng ta thờ :

Luôn luôn phát huy tinh cảm quốc tổ trong sáng của Hồ Chủ tịch, hết lòng góp sức vào việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và giữa các Đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản ; thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc Đông Dương ; ra sức ủng hộ phong trào cách mạng của nhân dân các nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cả cuộc đời vĩ đại của Hồ Chủ tịch là tấm gương mãi mãi sáng ngời chỉ lối cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng yêu nhân dân thâm thiết, đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị. Hồ Chủ tịch dạy chúng ta : « Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân ».

Vĩnh biệt Người, chúng ta thờ :

Suốt đời học tập đạo đức, tác phong của Người, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, không sợ gian khổ, không sợ hy sinh, rèn luyện mình thành những chiến sĩ trung thành với Đảng, với dân, xứng đáng là đồng chí, là học trò của Hồ Chủ tịch. Noi gương Người, toàn thể nhân dân ta, thanh niên ta nguyện ra sức trau dồi mình thành những con người mới, làm chủ đất nước, làm chủ xã hội mới, mang lá cờ bách chiến bách thắng của Hồ Chủ tịch tới đích cuối cùng.

Hồ Chủ tịch đã qua đời ! Nhưng Người để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Toàn thể dân tộc Việt Nam ta, mỗi người Việt Nam ta mãi mãi ghi lòng tạc dạ công ơn trời biển của Người.

Trước anh linh của Hồ Chủ tịch, chúng ta nguyện suốt đời trung thành với Người, đem hết tâm hồn và nghị lực, đoàn kết thành một khối sắt thép, phấn đấu quên mình, quyết làm tròn nghĩa vụ cao cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân ta và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Hồ Chủ tịch đã qua đời ! Nhưng Người luôn luôn dẫn dắt chúng ta. Chúng ta vẫn cảm thấy có Người luôn luôn bên cạnh. Bởi vì chúng ta vẫn đi theo con đường của Người, tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của Người. Bởi vì Người vẫn sống mãi với non sông đất nước, tên tuổi và hình ảnh của Người ngày càng khắc sâu trong trái tim, khối óc của mỗi chúng ta.

Các đồng chí và đồng bào thân mến !

Vĩnh biệt chúng ta, Bác Hồ có để lại cho Đảng ta, cho toàn thể đồng bào và chiến sĩ hai miền Nam — Bắc, một bản di chúc lịch sử. Đó là những lời căn dặn cuối cùng của Bác, là những tình cảm và niềm tin của Bác đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau.

Chúng ta hãy xứng đáng với Bác hơn nữa !

Hãy nén đau thương, anh dũng phấn đấu, hăng hái vươn lên, đập bằng mọi trở lực, chống gai, quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, thực hiện lời thề danh dự trong giờ phút vĩnh biệt thiêng liêng này !

HỒ CHỦ TỊCH, LÃNH TỰ VĨ ĐẠI, NGƯỜI THẦY KÍNH YÊU CỦA ĐẢNG TA, CỦA DÂN TỘC TA, ĐỜI ĐỜI SỐNG MÃI !

BÁC SÔNG MÃI MÃI

TRONG LÒNG CHÚNG TA,
TRONG DÂN TỘC ANH HÙNG CỦA CHÚNG TA,
TRONG NON SÔNG HÙNG VĨ CỦA CHÚNG TA,
TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VĨ ĐẠI CỦA CHÚNG TA.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

CA nhân không làm ra lịch sử. Sông, có những giờ phút, những lúc, những thời kỳ mà hành động của cá nhân có thể có ảnh hưởng quyết định đến hướng phát triển của thời cuộc, đến vận mệnh của một dân tộc, mở ra một trang mới, một kỷ nguyên mới trong lịch sử của đất nước. Như HỒ CHỦ TỊCH.

Từ khi bắt đầu hoạt động cách mạng, từ buổi thiếu thời cho đến giờ chót của cuộc sống của mình, mỗi một ý nghĩ, tình cảm, hành động của Người đều hướng sự diễn biến của lịch sử Việt-nam vào quỹ đạo của công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng loài người.

Nhưng đó phải là những con người tượng trưng cho những cái gì cao quý nhất của dân tộc và của loài người, của thời đại, kết tinh ở mình những nguyện vọng, những hoài bão, những lý tưởng cao đẹp của hàng trăm, nghìn triệu người bị áp bức, bóc lột trên toàn thế giới. Đó là độc lập, tự do, no ấm, hạnh phúc, hòa bình, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, một chủ nghĩa nhân đạo bao la như trời bể. Những con người như thế tượng trưng cho lương tri của loài người đang tiến lên.

HỒ CHỦ TỊCH chính là người như thế.

Nhưng đó phải là những con người mà trái tim cháy rục nhiệt tình cách mạng, có một tinh cương nghị phi thường, một tinh thần dũng cảm vô song, một khí phách anh hùng vô tận, kết hợp với đức trung hậu, lòng bao dung quảng đại, một tình yêu nồng nàn cao như núi, rộng như biển đối với nhân dân, đồng bào, đồng chí, từ các cụ già đến trẻ thơ, vì hạnh phúc của họ mà chiến đấu, đức tinh cương trực, giản dị, chân thật như ánh sáng mặt trời.

HỒ CHỦ TỊCH là người như thế.

Nhưng đó phải là những con người đã được tôi luyện trong muôn vàn thử thách, đã trải qua bao nhiêu đau thương, thống khổ, đã qua bao nhiêu cửa ải của cuộc đời đầy hy sinh của một chiến sĩ, một người cầm lái con thuyền cách mạng, luôn luôn đứng mũi chịu sào, ở đầu sóng ngọn gió, đã bao phen vào sinh ra tử mà lòng trung trinh, ý chí phấn đấu không một giây phút nào bị nao núng, hướng mình đi không bao giờ bị đảo lộn, biểu dương đến cực độ tinh thần cảm tử để cho nhân dân, cho nhân loại quyết sinh.

HỒ CHỦ TỊCH là người như thế.

Nhưng đó phải là những con người có một niềm tin sắt đá, một tinh thần lạc quan

cách mạng không gì lay chuyển nổi đối với thắng lợi của chính nghĩa, đối với tương lai tươi sáng của dân tộc, đối với mùa xuân đất sẽ đến cho cả loài người. Lòng tin tưởng đó là bí quyết để vượt qua mọi thử thách, chiến thắng mọi khó khăn gian khổ. Có lạc quan cách mạng thì không bao giờ thoái chí nản lòng vì những khó khăn, thất bại tạm thời, cũng không tự mãn, tự kiêu bởi những thắng lợi bước đầu, với ý thức của một lãnh tụ cách mạng, người học trò và người kế tục xứng đáng sự nghiệp của Mác — Lê-nin, rằng cách mạng là lâu dài và gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

HỒ CHỦ TỊCH, trong hơn 60 năm hoạt động cách mạng, dù là trong nước hay là trên trường quốc tế, dù là đối với dân tộc mình và các dân tộc bị áp bức hay là đối với giai cấp vô sản thế giới, đã nêu cao gương sáng của chủ nghĩa lạc quan cách mạng.

Nhưng đó phải là những con người suốt đời trung với Đảng, hiếu với dân, suốt đời lấy việc phục vụ nhân dân, làm đầy tớ trung thành của nhân dân làm nghĩa vụ quang vinh nhất của mình, mỗi một ý nghĩ, tình cảm, hành động là vì Đảng, vì nhân dân, vì cách mạng, vì Tổ quốc, hiến dâng cả trái tim và khối óc, mình cho Đảng, cho cách mạng, cho nhân dân.

HỒ CHỦ TỊCH suốt đời đã nêu cho chúng ta tấm gương sáng ngời và đời đời bất diệt của lòng trung với Đảng, hiếu với dân, tinh thần phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân không điều kiện, như là một nhà yêu nước vĩ đại nhất của dân tộc, một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào công nhân và phong trào cộng sản thế giới.

Nhưng đó phải là những con người luôn luôn gắn liền cuộc đấu tranh vì chính nghĩa với cuộc đấu tranh để đoàn kết tất cả những lực lượng chiến đấu vì một mục đích, một lý tưởng chung. Đấu tranh vì chính nghĩa và đấu tranh cho sự đoàn kết và nhất trí xung quanh ngọn cờ của chính nghĩa là không tách nhau. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công”. Đoàn kết tất cả những lực lượng cách mạng, tiến bộ trước kẻ địch, để chiến thắng kẻ địch, đoàn kết của chính nghĩa trước phi nghĩa. Đoàn kết trong toàn Đảng, trong toàn dân, trong cả nước, trên thế giới.

Nhưng để rèn luyện cho mình tinh thần đoàn kết thì mỗi một cá nhân trước hết phải rửa sạch chủ nghĩa cá nhân trong đầu óc, tâm hồn, trong cử chỉ, hành động, lấy tinh

thần dân chủ, bình đẳng, tương trợ, tăng cường chủ nghĩa tập thể, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, liên hệ khăng khít với quần chúng, hòa mình với quần chúng, khiêm tốn học hỏi quần chúng; đối với các nước xã hội chủ nghĩa và bạn khắp nơi thì thật chặt tình hữu nghị và giúp đỡ anh em, với tinh thần khó khăn của bạn là khó khăn của ta, thắng lợi của bạn cũng là thắng lợi của ta.

Hoạt động cách mạng của HỒ CHỦ TỊCH trên 60 năm là một tấm gương chói lọi của cuộc phấn đấu không mệt mỏi để thực hiện và tăng cường sự đoàn kết chiến đấu và nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân và trên toàn thế giới.

Bởi vậy cho nên dư luận của loài người tiến bộ, khi biết tin HỒ CHỦ TỊCH từ trần, đều nói lên một chân lý chung rằng “Ở Người có một cái gì đó không thể chết được và không bao giờ chết được”, bởi vì “nó tượng trưng cho những giá trị cao quý nhất của nhân loại ngày nay”, rằng HỒ CHỦ TỊCH là một trong những vĩ nhân của thế giới và của các thời đại, dấu ấn mà Người để lại mãi mãi sẽ lưu truyền trong lịch sử thế giới.

Vì HỒ CHỦ TỊCH là kết tinh và biểu tượng siêu việt của những tư tưởng và đạo đức nói trên, cho nên Người đã tạo nên những nhân tố cơ bản, cái nền tảng kiên cố trên đó, cách mạng Việt-nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, những thắng lợi ngày càng lớn, và sự nghiệp quang vinh mà Người để lại — đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, thống nhất Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, nhất định sẽ hoàn thành vẻ vang, như HỒ CHỦ TỊCH đã tỏ niềm tin tưởng trong bản Di chúc thiêng liêng của Người.

Cái nền tảng kiên cố và huy hoàng nhất mà Người đã xây nên, nó là nhân tố quyết định của những thắng lợi của Cách mạng Việt-nam, đó là đảng. Đảng ta do Người sáng lập ra, do Người xây dựng, củng cố, giáo dục, lãnh đạo trong suốt 40 năm nay, thành một đội tiên phong mác-xít lê-ni-nít mà truyền thống tốt đẹp nhất, xứng đáng với Người sáng lập ra nó, là sự đoàn kết nhất trí không ngừng được củng cố. Như vậy trước hết là nhờ Người đã rèn luyện nên những người bạn chiến đấu, những đồng chí lãnh đạo theo hình ảnh của Người, — một tập thể lãnh đạo xứng đáng của một Đảng mà sự tồn tại và phát triển trong gần nửa thế kỷ này là một quá trình liên tục

glành cho cách mạng Việt-nam những thắng lợi lịch sử vô cùng vẻ vang.

Có một Đảng như vậy, có một tập thể lãnh đạo của Đảng như vậy, sự nghiệp mà HỒ CHỦ TỊCH để lại — sự nghiệp to lớn của cách mạng Việt-nam và nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới, nhất định sẽ thành công tốt đẹp, đúng như lời thề do đồng chí Bí thư thứ nhất của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam, thay mặt toàn Đảng và toàn dân, đọc trước anh linh của HỒ CHỦ TỊCH.

HỒ CHỦ TỊCH, vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của chúng ta đã từ trần. Nhưng Người là bất diệt, Người vẫn sống và vẫn tiếp tục lãnh đạo Đảng ta trong cái tập thể lãnh đạo của Đảng. Tất cả chúng ta, lớp người cũ cũng như lớp người mới, để tưởng nhớ Bác và chân thành phát huy sự nghiệp bất diệt mà Người để lại, nguyện càng tập hợp, càng xiết chặt hàng ngũ, đoàn kết keo sơn xung quanh Đảng, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, như Bác suốt đời đã làm và lúc còn sống, hàng ngày dạy dỗ chúng ta.

HỒ CHỦ TỊCH—vị Cha già vô cùng yêu quý của cả dân tộc ta—đã từ trần. Nhưng, sự nghiệp bất hủ, nghìn thu chói lọi của Người là đã làm cho dân tộc ta được tái sinh. Trong cuộc tái sinh ấy, lớp người mà đối với họ công ơn của Người là công ơn sinh thành, dưỡng dục với ý nghĩa đầy đủ và sâu sắc nhất, đó là thế hệ HỒ CHÍ MINH, thế hệ của chúng ta ngày nay, thế hệ mang cái trách nhiệm nặng nề và quang vinh làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh mình, đang giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một thế hệ hiên ngang, chỉ biết tiến lên, quyết chiến quyết thắng, một thế hệ được Đảng tiếp tục giáo dục và bồi dưỡng theo tư tưởng, đạo đức, tác phong và hình ảnh của Bác. Chúng ta được cái may mắn vô song thuộc thế hệ ấy, ra sức chiến đấu, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, một lòng một dạ và suốt đời phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, để ngày càng lớn mạnh, góp phần càng lớn vào sự nghiệp cách mạng, để xứng đáng với vị Cha già mà thế hệ của chúng ta được vinh dự mang tên.

HỒ CHỦ TỊCH, Người thầy vĩ đại của Đảng, của nhân dân ta, đã từ trần. Nhưng Người để lại cho chúng ta một nền đạo đức mà cả thế giới kính phục, vì nó tiêu biểu cho phẩm giá cao quý của loài người, nó là phẩm giá của những người làm chủ, của những kẻ chiến thắng và có sứ mạng cao cả cải tạo xã hội, cải tạo con người. Đó là đức *cần, kiệm,*

liêm, chính, chí công vô tư. Chúng ta, những người sinh ra và lớn lên trong lòng Bác, trong thời đại HỒ CHÍ MINH, không một mỗi tự rèn luyện mình và rèn luyện con em chúng ta để thật sự xứng đáng là con cháu thương yêu của BÁC HỒ, những con cháu mà đến hơi thở cuối cùng Người vẫn quan tâm và âu yếm săn sóc.

Lãnh tụ vĩ đại, người thầy kính mến, Cha già thương yêu của chúng ta mất đi, để lại cho chúng ta một nỗi đau đớn vô cùng tận.

Nhưng nỗi thương tiếc đó càng sâu sắc, thống thiết bao nhiêu thì nó lại càng phải biến thành hành động cách mạng, đó là lời thề từ đáy lòng của hàng triệu người, của toàn Đảng và toàn dân ta, cùng với đồng chí Bí thư thứ nhất của Ban chấp hành trung ương Đảng, vang lên trong giờ phút thiêng liêng vĩnh biệt HỒ CHỦ TỊCH.

Lời thề ấy đã bắt đầu thực hiện trên khắp đất nước ta, bởi các chiến sĩ trên tiền tuyến lớn, bởi những người công nhân, nông dân tập thể, các đơn vị chiến đấu, thanh niên xung phong, anh chị em trí thức, cán bộ và công nhân viên các ngành ở hậu phương lớn.

Lời thề đó cũng đã được các Đảng anh em, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, bầu bạn ta khắp năm châu nhiệt liệt hưởng ứng, bằng quyết tâm càng đầy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thắt chặt tình đoàn kết quốc tế chiến đấu và ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn.

Các ngành khoa học xã hội được Bác và Trung ương Đảng quan tâm, dành cho một cương vị xứng đáng, giao cho một trách nhiệm lớn trên mặt trận tư tưởng, văn hóa.

Khoa học HỒ CHÍ MINH là khoa học Mác — Lê-nin vận dụng thiên tài, sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt-nam, từ việc lớn đến những việc bình thường trong đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bao hàm các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội, đối nội, đối ngoại, từ lý trí, tư tưởng đến tình cảm, đạo đức, tác phong.

Khoa học HỒ CHÍ MINH là khoa học hiện đại của dân tộc Việt-nam để chiến thắng mọi trở ngại, nghịch cảnh, mọi thử thách, mọi kẻ thù. Khoa học HỒ CHÍ MINH là khoa học của nhân dân Việt-nam để làm chủ đất nước, làm chủ số phận mình, để tiến lên những đỉnh cao của sự nghiệp xây dựng một thế giới mới. Khoa học HỒ CHÍ MINH là bộ phận quan trọng của khoa học bách chiến bách thắng

của Mác — Lê-nin để thực hiện những lý tưởng cao cả của nhân loại.

HỒ CHỦ TỊCH là nhà kiến trúc sư thiên tài và bất hủ đã xây đắp nền móng cho một thời kỳ mới, thời kỳ oanh liệt nhất trong các thời kỳ oanh liệt của lịch sử 4.000 năm của dân tộc. HỒ CHỦ TỊCH là người cải tạo tài giỏi và tinh vi dân tộc Việt-nam, xã hội Việt-nam, là nhà kỹ sư tâm hồn kiệt xuất của con người Việt-nam, là người thầy vĩ đại của khoa học Việt-nam nói chung, của khoa học xã hội Việt-nam nói riêng.

Di sản của HỒ CHỦ TỊCH là một kho tàng vô giá và vô tận đối với chúng ta, cán bộ nghiên cứu lý luận khoa học xã hội, bởi vì nó kết tinh những giá trị cao quý của dân tộc và của loài người hiện nay. Để thừa hưởng xứng đáng di sản ấy, không những cho bản thân ta, mà cho cả con em chúng ta và cho các thế hệ mai sau, nhiệm vụ quan trọng vào bậc nhất của chúng ta trước mắt là phải ra sức tìm tòi, học tập, suy tầm, nghiên cứu, đúc kết di sản ấy về mọi mặt.

Tất nhiên, trong công tác này chúng ta không đơn thương độc mã. Chắc chắn là có nhiều cơ quan hữu quan, nhiều trung tâm nghiên cứu lý luận khác của Đảng và Nhà nước cùng nhận trách nhiệm ấy. Nhưng chúng ta là những trung tâm nghiên cứu lý luận cơ bản của các ngành khoa học xã hội, chúng ta phải có phần đóng góp tích cực, cụ thể và thiết thực, theo chức năng và vị trí của chúng ta, vào sự nghiệp chung ấy.

Nhưng, muốn thực hiện được nhiệm vụ ấy, điều kiện tiên quyết là chúng ta phải nghiêm chỉnh học tập lời Di chúc của Bác, Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam nhân dịp Bác từ

trần, và bài Điều trần của Ban chấp hành trung ương Đảng do đồng chí Bí thư thứ nhất của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam đọc trong buổi lễ truy điệu Bác.

Điều kiện tiên quyết thứ hai để thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra là học tập và thực hiện phương pháp tư tưởng và lề lối làm việc của Bác, cũng như của các vị thầy và lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản thế giới, là học đi liền với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, nói một cách cụ thể, là công việc nghiên cứu phải dựa trên đường lối của Đảng, xuất phát từ những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đề ra, và soi vào cuộc đấu tranh cách mạng mà nhân dân cả hai miền Nam Bắc đang tiến hành để đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Điều kiện tiên quyết thứ ba để thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra là học tập và thực hiện điều mà Bác đã từng thực hiện và không ngừng củng cố trong suốt cả đời hoạt động cách mạng của mình, mà cho đến hơi thở cuối cùng, Bác vẫn kêu gọi chúng ta, mà toàn dân ta, cùng với Ban chấp hành trung ương Đảng trước anh linh của Bác, đã có lời thề tiếp tục và phát huy, là *thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu*. Điều thiết thực để thực hiện lời thề ấy, về phía chúng ta, là đoàn kết chặt chẽ trong hàng ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội của các đơn vị của chúng ta, đoàn kết với tất cả các lực lượng nghiên cứu khoa học xã hội ở các nơi khác, ở cả hai miền Bắc Nam, với anh em trí thức Việt kiều ở hải ngoại.

Dưới ngọn cờ HỒ CHÍ MINH vĩ đại, bất diệt, toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội hãy tiến lên!

MỘT VÀI SUY NGHĨ BƯỚC ĐẦU VỀ TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ CỦA HỒ CHỦ TỊCH

TRẦN HUY LIÊU

Hồ Chủ tịch là hình ảnh tiêu biểu nhất của cách mạng Việt-nam và của dân tộc Việt-nam. Đời hoạt động của Người và lịch sử cách mạng Việt-nam trong hơn một nửa thế kỷ nay gắn bó chặt chẽ với nhau. Đạo đức và khí tiết cao quý của Người biểu hiện rõ tinh hoa cổ truyền của dân tộc hòa hợp với nhân sinh quan trong sáng của giai cấp công nhân ngày nay. Đường lối chiến lược, chiến thuật quân sự của Người đã kế thừa được truyền thống vẻ vang của dân tộc trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc. Nhờ ánh sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, Người đã nâng trình độ khoa học quân sự Việt-nam lên kịp với yêu cầu của thời đại. Người đã lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện Quân đội nhân dân Việt-nam thành một quân đội có truyền thống yêu nước, bất khuất, có đạo đức « trỉ, dũng, liêm, trung, nhân, tín », có đường lối tổ chức và đường lối chiến lược, chiến thuật hiện đại, đủ để đánh bại mọi kẻ thù xâm lược.

Tư tưởng của Hồ Chủ tịch về quân sự cũng như về các mặt khác, vì cũng nằm trong hệ tư tưởng Mác—Lê-nin, nên không phải là những giáo điều chết cứng, mà là đầy sức sống và sáng tạo. Chúng ta không thể cứ học thuộc lòng những lời dạy của Người là đủ, mà phải thấm nhuần nội dung sinh động của nó để vận dụng tốt trong công tác thực tiễn. Vì vậy những cán bộ, chiến sĩ trong quân đội nhân dân chúng ta, bên chỗ trau dồi lý luận Mác—Lê-nin, đều thấy cần phải học tập tư tưởng Hồ Chí Minh qua các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các tác phẩm do Người viết ra.

Năm 1966, đồng chí Trần Huy Liệu đã viết bài « Một vài suy nghĩ bước đầu về tư tưởng quân sự của Hồ Chủ tịch ».

Việc nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chủ tịch về quân sự cũng như về các mặt khác là một công tác trọng yếu của khoa học xã hội Việt-nam. Nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chủ tịch, thực chất là nghiên cứu sự kết hợp chủ nghĩa Mác—Lê-nin với truyền thống và đặc điểm của dân tộc Việt-nam, sự vận dụng chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam. Nó đòi hỏi phải có một công sức tập thể và lâu dài.

Trong luận văn này đồng chí Trần Huy Liệu mới sơ bộ gợi ra một số ý kiến về tư tưởng quân sự của vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc để các đồng chí tham khảo. Các ý kiến này có thể còn phải nghiên cứu thêm

Tập chí N.C.L.S.

HỒ CHỦ TỊCH thường nói « Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng » (1). Điều đó đến nay đã trở thành một chân lý lịch sử, không những được hệ bạn chúng ta công nhận,

mà cả đến kẻ thù của chúng ta cũng không thể phủ nhận được. Dân tộc ta anh hùng, không

(1) « Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân ». Quân đội nhân dân xuất bản, 1962, tr.174.

phải chỉ ở chí kiên cường bất khuất mà chủ yếu là ở chỗ chúng ta đã biết đánh và biết thắng mọi kẻ thù xâm lược, kẻ cả những kẻ thù hung hãn nhất trên thế giới như quân xâm lược Mông-cổ thế kỷ thứ 13 và bọn đế quốc xâm lược Mỹ hiện nay.

Như chúng ta đã biết, từ thế kỷ thứ 13, quân và dân ta đời Trần đã ba lần đại phá quân Nguyên xâm lược. Nói đến nguyên nhân của thắng lợi đó, chúng ta không thể không kể đến tinh thần quật cường của dân tộc thể hiện ở lòng quyết tâm của các bộ lão trong hội nghị Diên-hồng, ở tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, ở tinh thần bất khuất của Trần Bình Trọng v.v...; nhưng điều chủ yếu quyết định thắng lợi là ở chỗ chúng ta đã biết đánh và biết thắng quân thù. Dưới sự lãnh đạo của Trần Hưng Đạo, quân và dân ta lúc đó đã biết *“đem binh đoản đánh lại trường trận”* (1) biết lấy ít địch nhiều, lấy yếu địch mạnh, biết đoàn kết toàn dân *“vua tôi cùng lòng, anh em hòa mục, cả nước đều sức lại mà đánh”* (2), biết lúc thương thì *“khoan sức cho dân làm kẻ sâu rễ bền gốc”* (3), biết vận dụng cách đánh lâu dài, thực hiện vườn không nhà trống (*thanh dã*), vận dụng du kích chiến, kết hợp du kích chiến với vận động chiến và trận địa chiến, biết lợi dụng triệt để các điều kiện thiên thời, địa lợi và nhân hòa để đánh địch, nhằm giữ gìn độc lập và củng cố hòa bình lâu dài cho đất nước. Vì vậy mà quân xâm lược Mông-cổ, kẻ đã chiến thắng lấy lòng từ Á sang Âu, từ Cao-ly ở phía Đông đến tận Hung-ga-ri ở phía Tây, từ lục địa Trung-quốc đến tận miền Si-ri ở tiểu Á, đã phải chịu thất bại thảm hại ở Việt-nam và từ bỏ mộng xâm lược ở Đông nam Á.

Đến thế kỷ thứ 16, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã đứng lên đánh đuổi quân nhà Minh xâm lược. Thắng lợi của nghĩa quân Lam-sơn là thắng lợi của đường lối chiến tranh nhân dân của dân tộc ta thời đó. Các nhà lãnh đạo khởi nghĩa đã biết kết hợp một cách tài tình chiến lược quân sự *“đánh lâu dài”* với chiến lược chính trị *“đánh vào lòng người”*. Từ chỗ nhận thức được rằng *“mến người có nhân là dân”*, mà *“chở thuyền lật thuyền cũng là dân”*, Nguyễn Trãi và Lê Lợi đã biết bồi dưỡng sức dân, dựa vào dân để kháng chiến, đã tiến hành xây dựng căn cứ địa, thực hiện tự cấp tự túc, vừa sản xuất vừa chiến đấu, cướp lương, thực vũ khí của giặc để giết giặc, đã phát huy được truyền thống du kích chiến của dân tộc, kết hợp du kích chiến với vận động chiến, từ

chỗ đánh tiêu hao địch đến chỗ công đồn diệt viện, bức địch dụ hàng Đặc biệt là nghĩa binh đã biết kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị với binh vận, vận dụng chiến thuật vừa đánh vừa đàm, tạm thời hòa hoãn để tiếp tục tấn công, đã dùng thư từ mà lời lẽ *“có sức mạnh như 10 vạn quân”* (4) để thuyết minh nhân nghĩa, phân tích lợi hại, kêu gọi tướng tá binh lính địch ra hàng. Kết quả là sau 10 năm chiến đấu, nhân dân ta đã đánh bại được quân Minh đô hộ, giành được độc lập cho Tổ quốc.

Đến thế kỷ thứ 18, Nguyễn Huệ lại chiến thắng quân xâm lược Mãn Thanh trong một tình thế mới, với một chiến lược quân sự khác, không phải trường kỳ kháng chiến mà là tốc quyết, tốc thắng. Cuộc đánh mau, thắng mau này cũng dựa vào một phong trào toàn dân kháng chiến mà Nguyễn Huệ đã biết phát động và lãnh đạo. Trước khi tuyên thệ binh mã, tập trung quân để tiến ra Bắc, Nguyễn Huệ đã lên ngôi vua, nắm chính quyền, trưng cho sự thống nhất đất nước, đáp ứng được lòng mong mỏi của quần chúng đã chịu hàng trăm năm sống trong tình trạng đất nước bị chia cắt, Nam Bắc bị phân tranh. Nguyễn Huệ đã đề ra quyết tâm thắng địch trong một thời gian có hạn định, gây cho nhân dân một lòng tin tưởng vững chắc vào thắng lợi cuối cùng. Nhờ được nhân dân tiếp tế lương thực, giữ gìn bí mật quân sự nên Nguyễn Huệ đã thực hiện được chủ trương hành quân thần tốc, đánh địch bất ngờ, hăm địch vào thế *“sét đánh không kịp bưng tai”* chỉ trong 5 ngày đã phá tan được 20 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.

Những kỳ công lịch sử đó đã nói lên truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm vẻ vang của dân tộc ta mà ngày nay chúng ta đang kế thừa và phát triển.

Hồ Chủ tịch, lãnh tụ của giai cấp công nhân Việt-nam, đồng thời là lãnh tụ của dân tộc Việt-nam, đã luôn luôn dạy chúng ta phải biết kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp ấy của dân tộc. Người đã từng nhấn mạnh: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.”*

(1), (2), (3) Lời Trần Quốc Tuấn nói với Trần Nhân Tông.

(4) Lời đánh giá của nhà sử học Phan Huy Chú.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung v.v... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng» (1).

Trong việc phát huy truyền thống dân tộc, trước hết Hồ Chủ tịch khẳng định sự cần thiết phải đấu tranh vũ trang chống chủ nghĩa đế quốc, giành thống nhất và độc lập thực sự cho Tổ quốc. Nếu Lê-nin, Người thầy vĩ đại của vô sản thế giới đã dạy rằng: « Một giai cấp bị áp bức, nếu không cố gắng học tập sử dụng vũ khí, thì giai cấp bị áp bức ấy chỉ đáng được đối xử như nô lệ mà thôi » (2), thì lãnh tụ Hồ Chí Minh của chúng ta, người học trò trung thành của Lê-nin, cũng đã dạy dân tộc Việt-nam và giai cấp vô sản Việt-nam « quyết không chịu làm vong quốc nô » (3), quyết đứng lên vũ trang tranh đấu trường kỳ để giành thắng lợi.

Năm 1941, từ nước ngoài Người đã kêu gọi : « Hơn hai mươi triệu con cháu Lạc Hồng quyết không chịu kéo dài cuộc đời nô lệ cho người... Thời cơ đã đến! Hãy phát cáo cờ khởi nghĩa!... » (4).

Đến khi thực dân Pháp xâm lược đất nước ta một lần nữa, Người lại nhấn mạnh « Để bảo vệ Tổ quốc, chúng ta còn phải chiến đấu nhiều. Chỉ có chiến đấu mới vượt được những trở lực, khó khăn, chỉ có chiến đấu mới đưa lại vẻ vang cho Tổ quốc » (5). Và ngày nay, khởi nghĩa vũ trang đã được Người tổng kết thành một trong « ba điều không thể thiếu được đối với bất cứ một cách mạng phân để nào ở một nước thuộc địa » (6). Trong đấu tranh vũ trang Người chú trọng đề cao việc học tập truyền thống, lấy tinh thần yêu nước, chí khí quật cường của dân tộc làm nguồn động lực để diệt thù. Tháng 1-1947, trong thư gửi đội Quyết tử quân Người nói « Các em là đội quyết tử. Các em quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu các tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua hai bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó để truyền lại cho nòi giống Việt-nam muôn đời về sau » (7). Việc phát huy tinh thần quật cường của dân tộc mà Hồ Chủ tịch dạy bảo chúng ta luôn luôn được gắn liền với việc học tập kinh nghiệm đấu

tranh, và chiến lược và chiến thuật của các bậc tiền bối. Người thường nhắc nhở đến tinh thần đoàn kết quyết chiến của Hội nghị Diên-hồng đời Trần, đến chiến lược đánh lâu dài trong cuộc khởi nghĩa Lê Lợi, v.v... Những truyền thống đó của dân tộc đã được Hồ Chủ tịch kế thừa và phát triển trong quá trình vận dụng lý luận quân sự của chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào hoàn cảnh Việt-nam. Người thường dạy cán bộ và đảng viên phải học tập chủ nghĩa Mác-Lê-nin và vận dụng nó một cách có sáng tạo mới có thể kế thừa và phát triển được tốt truyền thống của dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Người nói : « Chủ nghĩa Lê-nin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt-nam, không những là cái « cẩm nang » thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là một trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản » (8). Đồng thời bản thân Người đã là mẫu mực cho toàn Đảng và toàn dân ta noi theo trong việc kết hợp truyền thống đấu tranh của dân tộc với lý luận khoa học quân sự hiện đại của giai cấp vô sản.

Như chúng ta đã rõ, truyền thống đoàn kết toàn dân của dân tộc ta đã được Hồ Chủ tịch phát triển lên thành đường lối mặt trận dân tộc thống nhất, xây dựng trên một nguyên tắc khoa học về đoàn kết dân tộc và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Phương châm đánh lâu dài của các nhà khoa học quân sự tiền bối của dân tộc đã được Người phát triển lên thành đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân và toàn diện. Cách đánh du kích đã được Người nâng lên hàng chiến lược trong đấu tranh cách mạng. Sự kết hợp chặt chẽ giữa hai mặt đấu tranh quân sự và chính trị của Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi... đã được Người phát huy đến một đỉnh cao trong Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến. Ngày nay, trong cách mạng miền Nam, sự kết hợp chặt chẽ giữa hai mặt đấu tranh quân sự và chính

(1) « Hồ Chí Minh tuyển tập », Sự thật, 1960, tr. 366.

(2) Lê-nin « Vấn đề chiến tranh cách mạng », Sự thật 1953 tr. 14.

(3) « Hồ Chí Minh tuyển tập », tr. 269.

(4) « Hồ Chí Minh tuyển tập », Sự thật, 1960, tr. 198—199.

(5) Hồ Chí Minh, sách đã dẫn, tr. 21.

(6) Hồ Chí Minh tuyển tập, Sự thật 1960, tr. 553.

(7) « Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trang nhân dân », Quân đội nhân dân xuất bản 1962, tr. 26.

(8) « Hồ Chí Minh tuyển tập », tr. 794.

trị đã để ra "Ba mũi giáp công" thần kỳ để chiến thắng đế quốc Mỹ cướp nước và bè lũ tay sai bán nước.

Nhìn lại trong hơn hai chục năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam đứng đầu là Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã liên tục chiến thắng phát-xít Nhật, thực dân Pháp, và ngày nay đang chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược, kẻ thù hung hãn nhất của nhân loại tiến bộ. Chẳng những nhân dân ta rất tự hào về những thành tích vẻ vang đó, mà cả bạn bè của chúng ta ở khắp năm châu bốn biển cũng đều vui mừng trước những thắng lợi to lớn của chúng ta. Trong "Hội nghị chính trị đặc biệt" tháng 3-1964 Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: "Trước đây 10 năm, chiến thắng Điện-biên-phủ đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ và anh dũng của nhân dân cả nước ta chống thực dân Pháp xâm lược và sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Đó là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, mà cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chiến thắng Điện-biên-phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác—Lê-nin trong thời đại ngày nay: chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng của các dân tộc nhất định thành công" (1). Đặc biệt là về cuộc chống Mỹ cứu nước của quân và dân ta ở miền Nam ngày nay, Người nhấn mạnh: "Chúng ta vô cùng tự hào với miền

Nam anh hùng của dân tộc ta. Mười năm qua ở miền Nam là 10 năm đấu tranh oanh liệt, 10 năm thắng lợi vẻ vang. Suốt 20 năm trời đồng bào miền Nam ta đã không ngừng đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Hết chống thực dân Pháp lại chống đế quốc Mỹ, lực lượng yêu nước miền Nam đã vượt mọi gian khổ khăn, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng" (2). Những thắng lợi đó sở dĩ có được, là nhờ quân và dân ta ở miền Nam đã biết phát huy truyền thống chiến tranh nhân dân của dân tộc trong hoàn cảnh mới, theo những phương châm, đường lối mà Hồ Chủ tịch đã để ra.

Tóm lại trong quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chủ tịch đã vận dụng lý luận quân sự của chủ nghĩa Mác Lê-nin và kinh nghiệm cách mạng trên thế giới vào hoàn cảnh Việt-nam, nâng truyền thống đấu tranh vũ trang của dân tộc lên ngang tầm của thời đại, đủ sức để tiêu diệt mọi kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế dồi dào hơn ta, có vũ khí hiện đại hơn ta. Tư tưởng quân sự của Người đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng nên nền khoa học quân sự Việt-nam, tức đường lối chiến tranh nhân dân bách chiến, bách thắng của dân tộc Việt-nam. Dưới đây chúng ta đi vào nghiên cứu và học tập một số quan điểm cơ bản trong tư tưởng quân sự của người.

I

TIẾN HÀNH VŨ TRANG KHỞI NGHĨA TRƯỜNG KỲ VÀ KHÁNG CHIẾN TRƯỜNG KỲ

Một trong những điểm cơ bản quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh vũ trang là quyền chủ động về chiến lược, giành ưu thế về chiến lược. Hồ Chủ tịch đã dạy cho quân và dân ta biết giành quyền chủ động về chiến lược, giành ưu thế về chiến lược trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Người chỉ rõ: "Địch âm mưu đánh chớp nhoáng, chúng muốn đánh mau, thắng mau, giải quyết mau, thì Đảng và Chính phủ ta nêu khẩu hiệu: trường kỳ kháng chiến.

Địch âm mưu chia rẽ, thì ta nêu lên khẩu hiệu: đoàn kết toàn dân.

Thế là ngay từ lúc đầu, chiến lược ta đã thắng chiến lược địch" (3). Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, chủ trương đấu tranh vũ trang lâu dài đã là một trong những đường lối chiến lược cơ bản thông suốt cả ba quá trình đấu tranh

của dân tộc ta non 30 năm qua. Trước Cách mạng tháng Tám, chúng ta tiến hành vũ trang khởi nghĩa trường kỳ, từ khởi nghĩa từng phần đến khởi nghĩa toàn quốc. Sau Cách mạng tháng Tám, chúng ta tiến hành kháng chiến trường kỳ và ngày nay chúng ta lại trường kỳ đấu tranh để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

1. Vũ trang khởi nghĩa trường kỳ.

Đặc điểm của khởi nghĩa vũ trang ở Việt-nam là từ khởi nghĩa từng phần đến khởi nghĩa toàn quốc. Nếu cách mạng Nga là khởi nghĩa giành chính quyền toàn quốc trong một

(1) Báo Nhân dân số 3651 ngày 28-3-1964.

(2) Báo Nhân dân số 3651 ngày 28-3-1964.

(3) "Hồ Chí Minh tuyển tập", đã dẫn, tr. 359.

thời gian ngắn, cách mạng Trung-quốc là tiến hành nội chiến trường kỳ giữa quân đội cách mạng và quân đội phản cách mạng, thì cách mạng Việt-nam lại từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa, lật đổ ách thống trị của đế quốc xâm lược.

Vũ trang khởi nghĩa lâu dài ở Việt-nam được tiến hành bắt đầu từ việc xây dựng căn cứ địa và khởi nghĩa từng phần, cuối cùng đi tới khởi nghĩa toàn quốc.

Khi nhận định về cách mạng Nga 1905, Lê-nin cũng đã có đề cập tới vấn đề thành lập căn cứ địa. Người nói: « Cuộc đấu tranh kiên trì của công nhân, những cuộc bãi công lâu dài, những cuộc tuần hành thị uy, những cuộc khởi nghĩa từng bộ phận, tất cả những cuộc chiến đấu và tấn công có thể nói là để thử thách đó không tránh khỏi lôi kéo quân đội vào đời sống chính trị » (1) và « Chính từ trong bản thân quân đội đã xuất hiện những bộ đội của quân đội cách mạng. Nhiệm vụ của bộ đội đó là tuyển bổ khởi nghĩa, trao cho quân chúng quyền lãnh đạo quân sự cần thiết cho cuộc nội chiến cũng như mọi cuộc chiến tranh khác, thành lập những căn cứ địa (Till. nhấn mạnh) của cuộc đấu tranh công khai của toàn dân (chuyển khởi nghĩa sang công khai dần dần, bảo đảm một nền tự do chính trị hoàn toàn — dù lúc đầu chỉ ở một khu vực đất đai nhỏ bé trong nước — dùng biện pháp cách mạng bắt tay vào việc cải tạo chế độ đã mục nát... » (2). Đó là xuất phát từ tình hình cách mạng Nga 1905, khi mà các cuộc khởi nghĩa của công nhân, binh lính có sự ủng hộ của nông dân đã nổ ra lẻ tẻ và kéo dài suốt từ mùa thu năm 1905 đến mùa xuân năm 1906 và đã bị Nga hoàng dập tắt. Tình hình cách mạng lúc đó đề ra yêu cầu và khả năng khởi nghĩa bộ phận và xây dựng căn cứ địa như Lê-nin đã nhận định. Nhưng cách mạng Nga tháng 2-1917 và tháng 10-1917, do tình hình mới, đã không diễn ra như vậy. Cách mạng tháng 2-1917 diễn ra rất nhanh chóng, ngày 25-2 tổng bãi công chính trị ở Pê-tơ-rô-gơ-rát chuyển thành khởi nghĩa, thì ngày 27-2 sáu vạn binh lính ở Pê-tơ-rô-gơ-rát đã đi theo quân khởi nghĩa và chính quyền xô-viết đã được thiết lập ở thủ đô; tiếp đó chính quyền xô-viết các tỉnh và hầu hết các huyện lỵ cũng được thành lập (3). Cách mạng tháng 10-1917 cũng vậy. Ngày 11-10 Hội nghị đại biểu toàn Pê-tơ-rô-gơ-rát họp thông qua quyết nghị khởi nghĩa thì ngày 25-10 (tức 7-11 theo lịch mới) cách mạng đã giành được thắng lợi ở thủ đô, và sau đó ít ngày là ở Mát-scơ-va và trong toàn quốc. Tình hình đó chỉ rõ, ở nước Nga, nơi công nghiệp phát triển, công

nhân là lực lượng cách mạng chủ yếu đều tập trung ở đô thị, lực lượng phản cách mạng cũng tập trung ở đô thị để đàn áp công nhân và binh lính cách mạng. Cho nên đô thị là địa bàn chủ yếu của cuộc khởi nghĩa. Nếu khởi nghĩa bộ phận của công nhân binh lính không nổ ra đúng lúc, phối hợp chặt chẽ với phong trào toàn quốc thì cách mạng sẽ dễ dàng bị dập tắt. Ở đây ta thấy cách mạng không có điều kiện và cũng không đề ra yêu cầu xây dựng căn cứ địa, tiến hành vũ trang đấu tranh lâu dài như ở Trung-quốc và Việt-nam.

Ở Trung-quốc hình thái cách mạng lại diễn ra một khác. Lúc đầu là Quốc-Cộng hợp tác, có bộ chỉ huy chung, có quân đội chung, có trường quân chính chung. Nhưng sau khi phe phản động trong Quốc dân đảng gây chia rẽ, làm phản biến thì lực lượng cách mạng thoát ra, bám rễ trong quần chúng, tiến hành chiến tranh cách mạng lâu dài. Lực lượng cách mạng đã lợi dụng được mâu thuẫn giữa chính quyền trắng ở các địa phương, xây dựng nên các căn cứ địa ở vùng biên khu các tỉnh. Trong các thời kỳ nội chiến cách mạng, hai hình thái chiến tranh và khởi nghĩa đều tồn tại. Quân đội cách mạng vẫn tiến hành chiến tranh lâu dài chống chính quyền trắng. Trong khi đó thì ở trong vùng Quốc dân đảng thống trị vẫn có những cuộc khởi nghĩa bộ phận thành lập các chiến khu du kích hoặc các căn cứ địa nhỏ khác. Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật cũng vậy, hình thái kháng chiến có xen lẫn cả hình thái khởi nghĩa ở vùng sau lưng địch. Nhưng về cơ bản thì mỗi thời kỳ cũng chỉ có một hình thái đấu tranh chủ yếu hoặc là nội chiến cách mạng lâu dài chống chính quyền phản động Quốc dân đảng, hoặc là chiến tranh kháng Nhật cứu nước, chứ không có hình thái khởi nghĩa từng phần tiến đến Tổng khởi nghĩa như ở Việt-nam. Một đặc điểm nữa là, do ở tính chất nội chiến và do Đảng cộng sản Trung-quốc đã tồn tại công khai nên trong các thời kỳ Quốc-Cộng hợp tác hay ở những vùng chính quyền trắng suy yếu, việc xây dựng cơ sở quần chúng được tiến hành thuận lợi. Do đó quân đội cách mạng có thể dựa vào quần chúng tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài. Các căn cứ địa mới xây dựng cũng có thể bắt đầu ngay bằng việc xây dựng lực lượng vũ trang.

(1) V.I. Lê-nin « Thắng lợi đầu tiên của cách mạng », Quân đội nhân dân, 1962, tr. 110.

(2) V.I. Lê-nin « Quân đội cách mạng và chính phủ cách mạng » Quân đội nhân dân, 1963, tr. 31.

(3) « Lịch sử Đảng cộng sản Liên-xô ». Sự thật, 1960, tr. 281.

Còn ở Việt-nam, đất nước nhỏ hẹp, chính quyền thuộc địa và lực lượng vũ trang phản cách mạng được củng cố xuống đến tận thôn xã. Lực lượng cách mạng phải xây dựng từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ phân tán đến tập trung, từ bộ phận đến toàn quốc. Do đó khởi nghĩa từng phần đi đến khởi nghĩa toàn quốc là một hình thái thích hợp.

Ngay từ năm 1941 Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ Tám do Hồ Chủ tịch triệu tập và chủ trì đã nhận định là một khi cuộc chiến tranh Thái-bình-dương và cuộc kháng chiến của nhân dân Trung-quốc phát triển có lợi cho cuộc cách mạng Đông-dương thì... « với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn » (1). Để tạo ra « lực lượng sẵn có » đó, toàn Đảng ta đã xúc tiến công việc chuẩn bị khởi nghĩa bao gồm cả công tác vận động chính trị, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, vận động quần chúng công nhân, nông dân, binh lính đấu tranh dưới những hình thức công khai, hợp pháp, xây dựng căn cứ địa ở miền rừng núi, trung du, xây dựng các an toàn khu của Trung ương và Xứ ủy ở những vùng nông thôn sát đô thị, đồng thời xây dựng cả cơ sở quần chúng trong các đô thị và trong binh lính.

Nếu ở Trung-quốc do tình hình kể trên nên « điều kiện cơ bản để xây dựng khu căn cứ là phải có một bộ đội vũ trang » và « ... trước hết là vấn đề bộ đội vũ trang » (2), thì ở Việt-nam điều kiện xây dựng căn cứ địa trước tiên là phải xây dựng cơ sở quần chúng, xây dựng được chỗ dựa chính trị cho quân đội cách mạng. Hồ Chủ tịch đã đề ra chủ trương này và bản thân Người đã thực hiện chủ trương này. Từ năm 1941 khi về tới Cao-bằng, Hồ Chủ tịch đã chú trọng xây dựng các tổ chức quần chúng cơ sở của Mặt trận dân tộc thống nhất. Từ trong các tổ chức quần chúng đó, những phần tử trung kiên đã được tuyển lựa ra để lập nên những đội tự vệ bí mật ở địa phương, những tổ chức vũ trang quần chúng đầu tiên của phong trào. Khi uy thế của cách mạng đã lên cao, các tổ chức mặt trận ở địa phương có thể khống chế chính quyền địch ở thôn xã, sử dụng những phần tử tốt trong chính quyền địch làm việc cho ta dưới hình thức chính quyền hai mặt: « Các chức địch ngả theo cách mạng vào hội cứu quốc, làm việc thường hỏi ý kiến của ban Việt minh xã. Thực tế chính quyền của ta đã giải quyết hầu hết các việc trong nhân dân, từ những việc cưới xin, đến kiện tụng

tranh chấp ruộng đất... » (3). Nếu nội dung cơ bản của khởi nghĩa là dùng bạo lực để đánh đổ chính quyền địch xây dựng chính quyền cách mạng, thì những công việc trên đây đều có thể coi là những hoạt động bước đầu của phong trào khởi nghĩa từng phần. Khởi nghĩa từng phần có thể giành chính quyền ở đơn vị hành chính nhỏ nhất tiến lên giành chính quyền ở những đơn vị hành chính lớn hơn. Tuy vậy đến khi giành chính quyền ở châu, huyện, tỉnh thì việc sử dụng lực lượng vũ trang là cần thiết và vấn đề lựa chọn thời cơ là vô cùng quan trọng; phải lựa khi thời cơ đã chín muồi khởi nghĩa nổ ra mới thắng lợi. Vì vậy năm 1943, tuy không khí chuẩn bị khởi nghĩa ở Cao Bắc Lạng đã sôi sục nhưng thời cơ chưa đến, Hồ Chủ tịch đã ra chỉ thị hoãn lệnh khởi nghĩa và đề ra tiếp tục gây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang bí mật, phát triển phong trào quần chúng. Đến năm 1944 Người mới ra chỉ thị lập đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân với phương châm hoạt động là « chính trị trọng hơn quân sự ». Thắng lợi đầu tiên của Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân ở Phai-khắt, Nà-ngàn đều có thể coi là những thắng lợi vũ trang đầu tiên của khởi nghĩa từng phần ở căn cứ địa Cao-bằng. Tuy chưa giành được chính quyền ở các châu và tỉnh, nhưng thắng lợi đó đã củng cố được lòng tin của quần chúng vào cách mạng, làm cho chính quyền địch ở địa phương lung lay. Ở các làng, bản, chính quyền cách mạng đã có điều kiện tốt để lấn át chính quyền địch, khống chế, sử dụng chính quyền địch hoặc hoàn toàn giành lấy chính quyền từ trong tay địch.

Hình thái liên tục tấn công của khởi nghĩa vũ trang ở đây thể hiện dưới hình thức đấu tranh để phát triển « con đường quần chúng » dưới hình thức « Nam tiến » và « Bắc tiến » của Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân và du kích quân Bắc-sơn Đình-cả. Trên con đường « Nam tiến », « Bắc tiến » các đội quân cách mạng đều tiến hành phát triển cơ sở quần chúng, xây dựng chính quyền cách mạng bí mật hay công khai hoặc bán công khai ở các làng, bản. Đến tháng 3-1945 Nhật đảo chính Pháp, thời cơ đã chín

(1) « Văn kiện Đảng (1939—1945) », ST. 1963 tr 213.

(2) « Mao Trạch Đông tuyển tập », tập 11. Sự thật 1959, tr. 124.

(3) Báo Nhân dân số 2248 ; Võ Nguyên Giáp « Hồ Chủ tịch, người cha già của quân đội cách mạng Việt-nam ».

hướng cho khởi nghĩa từng phần nổ ra, Hồ Chủ tịch mới đề ra chủ trương « *quân sự và chính trị đi đôi* ». Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân và du kích quân mới tiến lên giành chính quyền ở các châu, huyện trong toàn khu căn cứ Cao Bắc Lạng. Sau khi giành được chính quyền địa phương, quân đội cách mạng lại phải bắt tay ngay vào việc chống các cuộc tấn công của phát-xít Nhật và tay sai, bảo vệ khu căn cứ, bảo vệ chính quyền cách mạng (1). Như vậy là khởi nghĩa vũ trang đã kết hợp với kháng chiến, vừa khởi nghĩa vừa kháng chiến. Tại các chiến khu khác như khu Ba-tơ, khu Hòa Ninh Thanh, khu Đông-triều v.v... hình thái khởi nghĩa từng phần cũng diễn ra như vậy; từ chỗ gây cơ sở quần chúng đến chỗ giành chính quyền ở một địa phương rồi phát triển rộng ra các vùng xung quanh, kết hợp khởi nghĩa vũ trang với chiến tranh cách mạng để bảo vệ khu căn cứ.

Ở đây chúng ta thấy lý luận Mác Lê-nin về khởi nghĩa vũ trang đã được Đảng ta và Hồ Chủ tịch vận dụng một cách linh hoạt vào hoàn cảnh Việt-nam.

Mác đã đề ra cho nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang một số quy tắc chủ yếu:

1) Không bao giờ được đùa với khởi nghĩa cả, và một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì cần phải biết nắm chắc một điều là phải tiến hành cho đến cùng.

2) Phải tập hợp ở một địa điểm quyết định, trong một thời cơ quyết định, những lực lượng thật nhiều hơn lực lượng của địch, nếu không thì địch được chuẩn bị hơn và có tổ chức hơn, sẽ tiêu diệt những người khởi nghĩa.

3) Một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì phải hết sức quyết tâm hành động và dù sao cũng tuyệt đối phải chuyển sang tấn công. « Phòng ngự là con đường chết của khởi nghĩa vũ trang ».

4) Phải cố gắng đánh bất thình lình vào địch, cố gắng nắm đúng thời cơ khi quân đội địch còn phân tán.

5) Mỗi ngày phải thu được thắng lợi, dù là thắng lợi không được to lớn lắm (nếu là ở thành phố, thì có thể nói là: từng giờ), đồng thời nhất thiết phải giữ cho bằng được « *ru thể về tinh thần* ».

Nhìn vào chủ trương mà Hội nghị Trung ương lần thứ Tám đã đề ra ở trên và công việc chuẩn bị khởi nghĩa của toàn Đảng, chúng ta có thể thấy rõ là Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã nắm chắc được vấn đề « *phải tiến hành cho đến cùng* » cuộc khởi nghĩa

giành chính quyền theo hoàn cảnh của Việt-nam, phải khởi nghĩa vũ trang lâu dài từ khởi nghĩa từng phần đến khởi nghĩa toàn quốc, kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng. Trong quá trình khởi nghĩa từng phần tiến tới khởi nghĩa thắng Tám, các nguyên tắc như: lựa chọn thời cơ, lựa chọn địa điểm, tập trung lực lượng nhiều hơn địch, quyết tâm hành động, liên tục tấn công v.v... của nghệ thuật khởi nghĩa mà Mác đã đề ra, đều được Đảng ta và Hồ Chủ tịch nghiêm chỉnh chấp hành. Nhưng điều sáng tạo của cách mạng Việt-nam là ở chỗ:

1) Chúng ta đã tiến hành cách mạng theo phương châm là từ « *Chính trị trọng hơn quân sự* », gây dựng cơ sở quần chúng, rồi mới tiến lên « *Quân sự và chính trị đi đôi* ».

2) Trước khi khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở châu, huyện, tỉnh và toàn quốc, chúng ta đã giành chính quyền ở thôn xã tại các khu căn cứ bằng công tác chính trị, bằng áp lực của quần chúng.

3) Trong khởi nghĩa, lực lượng mà ta tập trung được nhiều hơn địch không phải chỉ là lực lượng vũ trang chính quy mà là lực lượng vũ trang quần chúng, với vũ khí ít ỏi, thô sơ nhưng tinh thần, khí thế và sức chiến đấu thì hơn hẳn địch, đủ sức đề áp đảo quân địch.

4) Trong khi tiến hành đấu tranh vũ trang, đột phá nhất định, đầu là nhỏ nhất, như phá một đội quân của xã đoàn, tổng đoàn, châu đoàn v.v... chúng ta cũng phải lựa chọn thời cơ, địa điểm, tấn công địch bất ngờ, giành thắng lợi mau chóng và sau đó phải liên tục tấn công, phát huy thắng lợi. Tuy vậy tính chất tấn công liên tục của khởi nghĩa từng phần có khác tính chất tấn công liên tục của tổng khởi nghĩa, vì sau khởi nghĩa từng phần đôi khi chúng ta còn phải kháng chiến chống địch tấn công như trên đã nói. Cho nên nếu nhìn riêng ở một địa điểm thì như vậy là chúng ta có chiến đấu phòng ngự. Nhưng nhìn chung trong toàn cục thì cách mạng vẫn liên tục tấn công chứ không phải là phòng ngự. Khởi nghĩa từng phần vẫn tiếp tục nổ ra ở những nơi có điều kiện. Cách

(1) Tỉ như cuộc chống Nhật tấn công vào khu căn cứ Tân-trào tháng 5-1945, do đồng chí Song Hào chỉ huy chẳng hạn.

(2) V. I. Lê-nin « Chiến lược và chiến thuật quân sự trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười ». Sự thật 1959, tr.281.

mạng vẫn đột phá hết điểm này đến điểm khác. Thậm chí ngay ở vùng đồng bằng và chỉ trong một thôn, xã (1), Đảng bộ địa phương cũng đã dùng áp lực của quần chúng để tịch thu bằng triệu của tổng lý, lập chính quyền cách mạng. Đó cũng là một hình thức khởi nghĩa từng phần phối hợp với các chiến khu, một hình thức tấn công liên tục của cách mạng Việt-nam.

Tóm lại từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa ta vẫn phải tranh thủ thời gian tấn công liên tục; tuy đôi khi ta phải thực hiện phòng ngự về chiến thuật, như chống địch tấn công, càn quét khu căn cứ, nhưng tuyệt đối không thể có phòng ngự về chiến lược. Phòng ngự vẫn là con đường chết của khởi nghĩa vũ trang, kể cả khởi nghĩa từng phần. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khởi nghĩa trường kỳ và kháng chiến trường kỳ.

Do đó mặc dầu trước Cách mạng tháng Tám chúng ta có tiến hành khởi nghĩa từng phần kết hợp với kháng chiến chống địch tấn công, nhưng hình thái cơ bản vẫn là khởi nghĩa. Còn trong kháng chiến, chúng ta phải đề cả một giai đoạn phòng ngự. Mặc dầu khi địch lần chiếm rộng ra, chúng ta có tổ chức những đội quân đi vào hậu địch gây dựng cơ sở quần chúng theo những phương châm mà những đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân trước đây đã vận dụng, tỉ như những đội vũ trang tuyên truyền đi vào Tây Bắc năm 1948, hay những đại đội độc lập đi vào vùng sau lưng địch xây dựng các căn cứ du kích... đều là hoạt động theo phương châm khởi nghĩa từng phần; nhưng hình thức đấu tranh cơ bản trong thời kỳ này vẫn là kháng chiến trường kỳ chứ không phải khởi nghĩa trường kỳ.

Ngày nay trong cuộc chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, nhân dân ta đã kết hợp chặt chẽ được hai mặt đấu tranh quân sự và chính trị, vận dụng được đường lối khởi nghĩa trường kỳ mà Hồ Chủ tịch đã lãnh đạo thực hiện trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám, dựng lên phong trào đồng khởi. Đây cũng là một hình thức khởi nghĩa từng phần, dựa vào bạo lực chính trị của quần chúng, có kết hợp với vũ trang thô sơ, dùng sức mạnh và mưu trí của quần chúng áp đảo quân địch để cướp chính quyền. Tỉ như trong cuộc khởi nghĩa ở xã Định-thủy quận Mỹ-cày ngày 17-1-1960, mở đầu cho phong trào đồng khởi ở tỉnh Bến-tre, lực lượng cách mạng chỉ có 3 khẩu súng và 12 viên đạn còn toàn là súng đồ

hàng thân cau và bắp dừa sơn đen. Nhưng quân cách mạng đã dùng áp lực và mưu trí của quần chúng để cướp súng của tề xã, tiến lên tiêu diệt tổng đoàn, lấy vũ khí đi giải phóng nhiều nơi khác (2).

Phong trào đồng khởi rõ ràng đã mang tính chất khởi nghĩa từng phần kết hợp với hình thái kháng chiến trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống Mỹ, cứu nước ngày nay.

2) Kháng chiến trường kỳ.

Năm 1946, thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn cõi Việt-nam. Hồ Chủ tịch đã đề ra chủ trương kháng chiến trường kỳ, toàn diện và tự lực cánh sinh. Người chỉ cho nhân dân ta thấy rõ những kinh nghiệm lịch sử như « cách mạng giải phóng của Mỹ 8 năm mới thành công, cách mạng Pháp 5 năm, cách mạng Trung hoa 15 năm mới thành công. Tổ tiên ta chống ngoại xâm đời Trần 5 năm, đời Lê 10 năm mới thắng lợi » (3) và gây cho nhân dân ta một lòng tin vững chắc rằng « cuộc kháng chiến của ta là trường kỳ gian khổ nhưng nhất định thắng lợi » (4).

Đối với cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ ngày nay, Hồ Chủ tịch cũng đề ra cho toàn dân ta quyết tâm kháng chiến trường kỳ: « dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn (5), và người khẳng định tính tất yếu của thắng lợi: « Lịch sử đã và đang chứng minh rằng vũ lực của bọn xâm lược không thể nào khuất phục nổi nhân dân một nước đã đứng lên làm chủ vận mệnh của mình. Những thủ đoạn dã man, thâm độc của đế quốc Mỹ chỉ càng nung nấu thêm chí căm thù và càng thúc đẩy nhân dân Việt-nam kiên quyết chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng » (6).

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, nếu tính chất trường kỳ của cuộc đấu tranh vũ trang đã là truyền thống lịch sử từ lâu đời của dân tộc, thì tính chất toàn dân, toàn diện cũng đã có tiền đề nảy sinh từ trong quá trình 80 năm đấu tranh chống thực dân Pháp.

(1) Tỉ như ngày 2-4-1945 dân xã D.D. huyện Tiên-du Bắc-ninh đã bắt buộc hội đồng kỳ hào cũ tề chức và lập một ban hành chính mới gồm 11 đại biểu do dân bầu ra (Báo Cứu quốc số 21 ra ngày 25-5-1945).

(2) Báo Nhân dân. Cơ quan của Đảng nhân dân miền Nam số 1 ngày 1-10-64.

(3) « Hồ Chí Minh tuyên tập », tr. 281

(4) « Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân », tr. 120.

(5) Báo Nhân dân số 4125. Ngày 20-7-65.

(6) Báo Nhân dân số 4073 Ngày 29-5-65.

Như chúng ta đã rõ, trong hơn 80 năm đấu tranh chống thực dân Pháp, nếu những cuộc khởi nghĩa vũ trang của Trương Công Định, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Hoa Thám, cùng hàng trăm cuộc nổi dậy của văn thân, thổ hào ở các địa phương đã là những đợt tập dượt vũ trang khởi nghĩa từng phần, vũ trang khởi nghĩa trường kỳ, thì các phong trào chống đi phu, chống nộp thuế ở Trung kỳ (1908), Đông kinh nghĩa thực (1907) v.v... lại là những cuộc tập dượt đấu tranh chính trị, văn hóa để kết hợp với đấu tranh quân sự, hoặc chuẩn bị cho cuộc đấu tranh quân sự. Nếu cuộc đầu độc của binh lính Hà-nội (1908), cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái-nguyên (1917) v.v... đã lôi cuốn được anh em binh lính tham gia, thì phong trào đề tang Phan Chu Trinh, đòi thả Phan Bội Châu lại lan rộng cả thành thị từ Nam chí Bắc thu hút cả tư sản, tiểu tư sản, trí thức v.v... xuống đường đấu tranh bên cạnh công nông. Đó là những tiền đề bảo hiệu cho cuộc đấu tranh toàn dân và toàn diện và nó chỉ có thể thực hiện đầy đủ một khi quyền lãnh đạo cách mạng được đặt vào tay Đảng của giai cấp công nhân mà Cách mạng tháng Tám đã là một hiện thực.

Trong cuộc trường kỳ kháng chiến, Hồ Chủ tịch đã phát huy cao hơn nữa truyền thống đấu tranh toàn dân và toàn diện của dân tộc. Người chủ trương phải:

« Làm cho :

*Mỗi quốc dân là một chiến sĩ,
Mỗi làng xóm là một pháo đài.*

« Làm cho :

Quân đội giặc đến đâu cũng bị khuấy, bị phá, bị diệt. Bộ đội ta đến đâu cũng được giúp đỡ đầy đủ về vật chất và tinh thần » (1). Phải kháng chiến về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự.

Tư tưởng kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện của Hồ Chủ tịch đã vượt xa tư tưởng kháng chiến của các bậc tiền bối của Người trong cuộc đấu tranh chống Pháp về mấy điểm chủ yếu dưới đây:

a) Người đã thấy rõ nông dân là đội quân chủ lực của cuộc cách mạng.

Nếu Phan Bội Châu trong lời kêu gọi 10 giới đồng tâm còn đặt nông dân ở dưới lực lượng « của các nhà phú hào, của các quan lại chức, của con em các nhà quyền quý » và mới nhìn thấy nông dân lần vào « những giáo đồ Thiên chúa giáo, thủy lục quân, phụ nữ, bồi bếp và các con em những nhà bị giặc

tàn sát v.v... » (2); nếu Việt-nam quốc dân đảng còn nặng chú ý đến tầng lớp trên trong nông dân thì Hồ Chủ tịch đã thấy rõ nông dân mà chủ yếu là bần cố nông, là quân chủ lực của cuộc cách mạng. Người đã coi những chỉ thị của Lê-nin về cách mạng thuộc địa và vấn đề nông dân là « đặc biệt quý báu » (3) đối với cách mạng Việt-nam. Lê-nin viết: «... Trước mắt các bạn đang có một nhiệm vụ mà trước kia những người cộng sản toàn thế giới không có: dựa vào lý luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, áp dụng vào những điều kiện đặc biệt, không có ở các nước châu Âu, các bạn phải biết vận dụng lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện, khi nông dân là quân chủ cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải chống tư bản, mà chống những tàn tích của thời trung cổ » (4). Từ những bước đầu tiên khi mới trở về nước, Hồ Chủ tịch đã chủ trương dựa vào nông thôn để xây dựng căn cứ địa cách mạng và tuyển lựa những đội quân du kích đầu tiên từ hàng ngũ nông dân. Trong thư gửi cán bộ nông vận tháng 11-1949, Hồ Chủ tịch đã nhấn mạnh: « Trong vệ quốc quân và bộ đội địa phương, dân quân du kích, số đông là nông dân. Tăng gia sản xuất để nuôi bộ đội, nuôi công nhân và công chức, là nông dân. Công việc phá hoại để chống giặc, công việc sửa đường giao thông, vận tải: phần lớn do nông dân làm. Nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến kiến quốc thành công, muốn độc lập thống nhất thật sự ắt phải dựa vào nông dân » (5). Vì vậy Hồ Chủ tịch luôn luôn chú trọng bồi dưỡng cho nông dân. Từ phong trào thi đua « diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm », chia công điền công thổ, chia ruộng đất của Việt gian phản quốc, đến phong trào giảm tô, cải cách ruộng đất, đẩy mạnh cách mạng văn hóa, tư tưởng, kỹ thuật trong nông thôn... đều là nhằm bồi dưỡng cho nông dân, nâng trình độ và đời sống của nông dân từ chỗ chìm ngập trong những tàn dư lạc hậu của thời trung cổ lên một đời sống ấm no, hạnh phúc. Vì vậy nông dân đã thiết tha với cách

(1) « Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân », tr. 74.

(2) « Phan Bội Châu niên biểu », Văn Sử Địa xuất bản 1957, tr. 76.

(3) (4) « Hồ Chí Minh tuyên tập », Sự thật 1960, tr. 528.

(5) « Hồ Chí Minh tuyên tập », Sự thật 1960, tr. 316.

mạng, tích cực đứng lên võ trang đấu tranh, bảo vệ đất nước, làm cho cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của dân tộc có một cơ sở vững chắc.

b) *Kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và binh vận.*

Trong lịch sử cận đại Việt-nam, nhìn chung các mặt đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận đều đã được thực hiện nhưng lại phát triển không đều trong từng thời kỳ. Trong thời kỳ văn thân cần vương, mặt đấu tranh quân sự đã được đặc biệt coi trọng. Các phong trào Ba-đình, Bãi Sậy, Hùng-lĩnh, Hương-sơn... đều đã kế thừa được truyền thống đấu tranh vũ trang lâu dài của dân tộc. Đến đầu thế kỷ thứ 20, đấu tranh quân sự tạm thời xẹp xuống thì đấu tranh chính trị có tính chất quần chúng lại chớm nở mà tiêu biểu là phong trào xin xâu ở Quảng-nam năm 1908. Kế đó là phong trào binh vận được phát triển, thể hiện qua các cuộc: Hà thành đầu độc (1908), chuẩn bị khởi nghĩa của vua Duy tân (1916), khởi nghĩa Thái-nguyên (1917) v.v... Tuy vậy cũng chỉ đến khi Đảng của giai cấp vô sản Việt-nam ra đời nắm quyền lãnh đạo cách mạng thì ba mặt đấu tranh: quân sự, chính trị và binh vận mới dần dần kết hợp được chặt chẽ với nhau. Qua kinh nghiệm khởi nghĩa vũ trang có tính chất quần chúng của phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh 1930—1931, qua kinh nghiệm đấu tranh công khai hợp pháp của thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936—1939, Đảng của giai cấp vô sản Việt-nam đứng đầu là Hồ Chủ tịch đã kết hợp được ba mặt đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận trong Cách mạng tháng Tám, đưa cách mạng đến thành công.

Tiếp đến thời kỳ kháng chiến, kinh nghiệm kết hợp ba mặt đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận lại được vận dụng một cách linh hoạt hơn và ở một trình độ cao hơn. Bên mặt đấu tranh quân sự, Hồ Chủ tịch đã chú trọng đến việc đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng trong vùng tạm bị địch chiếm đóng. Cuối năm 1947, trong thư gửi đồng bào vùng bị địch chiếm, Người đã biểu dương lòng yêu nước của nhân dân địch hậu và đề ra những hiện pháp đấu tranh: “*Dù địch có thể cướp của cải của ta, hành hạ thân thể ta, nhưng chúng không bao giờ ngăn trở được lòng yêu nước, chí dũng cảm của ta.*”

Địch quyết không đủ người để cạnh gác tất cả các phố, các làng, các nhà, vậy ta nên tìm đủ mọi cách giúp đỡ quần du kích của ta trong công việc trừ gian giết địch.” (1). Người đặc

biệt chú trọng đến lực lượng phụ nữ, một lực lượng có khả năng vô tận và có rất nhiều sáng kiến trong phong trào đấu tranh chính trị chống quân thù. Người chỉ thị: “*Phụ nữ trong vùng tạm bị chiếm thì ra sức chống địch bắt chồng con, anh em đi lính, phá mưu mó đích dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*” (2). Tuân theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch, cuộc vận động đấu tranh chính trị lan rộng khắp vùng tạm bị chiếm, từ thành thị đến nông thôn. Phong trào được đẩy mạnh từ 1918 trở đi, sau khi thực dân Pháp thua trận ở Việt Bắc buộc phải chuyển từ thế tấn công ồ ạt sang thế bình định, chiếm đóng; và nhất là từ 1951 trở đi, khi chúng dùng thủ đoạn dồn làng, tập trung dân, lập vành đai trắng để đối phó với chiến tranh du kích ở vùng chúng tạm chiếm. Hàng nghìn, hàng vạn lượt người tham gia đấu tranh công khai, trực diện với quân thù, với khẩu hiệu chống bắt phu, bắt lính, chống dồn làng tập trung dân, lập vành đai trắng v.v... và đã đem lại nhiều kết quả. Báo Nhân dân đã nêu rõ, năm 1953—54 nhiều địa phương đấu tranh chống bắt lính rất khả. Đồng bào đã giăng co, vật lộn với giặc, nằm ra đường cản xe giặc, biểu tình lên tận vị trí của giặc đòi chồng con về; thanh niên bị bắt thì kiên quyết không tập quân sự, tìm cách trốn v.v... Có cuộc đấu tranh của đồng bào kéo dài 17 ngày (như ở Sơn-tây). Ngoài những cuộc đấu tranh lẻ tẻ, nhiều nơi đã huy động được quần chúng nhân dân đông đảo tham gia. Như ở hai huyện Ý-yên và Vụ-bản (Nam-định) một lúc hơn 2.000 người xông vào giăng co với giặc, đu bắt chúng phải thả 1.300 thanh niên. Ở thị xã Đồ-sơn và một thôn cạnh thị xã, trên 3000 đồng bào đã không sợ giặc khủng bố, kiên quyết đấu tranh buộc giặc phải thả hơn 200 thanh niên. 120 thanh niên ở xã X (Sơn-tây) đã đoàn kết đấu tranh, 115 người trốn thoát...” (3). Giặc dồn làng, bắt dân tập trung không cho về cây cấy, làm cho ruộng vườn phải bỏ hoang rậm. Nhưng nhờ khéo phối hợp các hình thức hoạt động vũ trang và không vũ trang, nhân dân đã đánh bại được mưu mó đó. Gần 2 vạn mẫu ruộng ở một số huyện thuộc Ninh-bình, Sơn-tây, Hải-dương và Hưng-yên trước đây phải bỏ hoang, nay hầu hết lại được cây cấy” (4). Ở đô thị thì phong trào

(1) “*Hồ Chí Minh tuyển tập*”, tr. 275.

(2) — nt — tr. 408.

(3) “*Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt-nam*”. Sự thật, 1960, tập IV, tr. 265 — 266.

(4) — nt — tập III, tr. 418.

hải công của công nhân liên tiếp nổ ra, nhất là từ 1950 trở đi. Riêng năm 1951 đã có 86 cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra trong vùng tạm bị chiếm (1). Phong trào học sinh, sinh viên, trí thức cũng lên cao tiêu biểu như các cuộc đấu tranh của sinh viên, học sinh Huế, Sài-gòn năm 1949—1950, như kiến nghị của 928 nhà trí thức (80% tổng số trí thức ở Nam-bộ) “chống Pháp không chịu điều đình hợp chính nghĩa với chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh” (2) v.v... Các sự kiện kể trên cho ta thấy rõ mặt đấu tranh chính trị đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc trường kỳ kháng chiến. Song song với đấu tranh chính trị là công tác binh vận. Hồ Chủ tịch chú trọng đầy mạnh công tác binh vận lên thành một phong trào quần chúng.

Riêng đối với quân đội thì Người coi bản thân công tác binh vận cũng là một công tác chính trị. Trong thư gửi hội nghị chính trị viên, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “Đối với quân địch: gồm cả binh lính Pháp cũng như người ngoại quốc và người Việt-nam trong quân đội Pháp, chính trị viên phải biết cách tuyên truyền khôn khéo, thiết thực để giác ngộ họ, lôi kéo họ về phía ta” (3). Trong phương châm chiến lược nói chung, Người coi công tác binh vận, ngụy vận “Cũng là một cách tiêu diệt sinh lực địch” (4). Hồ Chủ tịch cũng thường xuyên tự mình làm công tác binh vận. Người đã dùng những lời lẽ khoan từ, độ lượng thức tỉnh lòng yêu nước của binh lính, kêu gọi binh lính quay về với Tổ quốc. Trong lời kêu gọi binh lính địch, Người đã từng nói: “Tôi biết rằng: các người đều là con dân nước Việt, song vì giặc Pháp bắt buộc, hoặc bị chúng lừa gạt, cho nên đi lính cho chúng, chứ thật không ai muốn « công rắn bắt gà nhà »... Tôi tha thiết kêu gọi các người mau mau về với Tổ quốc, các người sẽ được đối đãi tử tế” (5). Công tác binh vận được Hồ Chủ tịch phát động và lãnh đạo đã biến thành một phong trào quần chúng rộng lớn, đem lại nhiều kết quả. « Chỉ riêng ở Bắc-bộ, từ tháng 1-1951 đến tháng 3-1952, đã có 40 vạn gia đình tham gia đấu tranh chống bắt lính, 18.638 ngụy binh đòi giải ngũ, 176 vị trí bị tiêu diệt bằng nội ứng » (6).

Ngày nay, trong cuộc chống Mỹ cứu nước ở miền Nam, sự kết hợp giữa ba mặt đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận mà Hồ Chủ tịch đã đề ra đã được phát triển lên thành phương châm “Ba mũi giáp công” thần kỳ, tấn công một cách có hiệu quả vào kẻ thù xâm lược. Mũi đấu tranh chính trị

ngày nay đã trở thành một phong trào đấu tranh quần chúng rộng lớn chưa từng có. Chỉ trong 3 năm kể từ khi Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời đã có 77 triệu 899 ngàn lượt đồng bào ở vùng nông thôn, và 2 triệu lượt đồng bào ở các đô thị tham gia đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai (7).

Đặc biệt là trong các cuộc đấu tranh có sự tham gia đông đảo của phụ nữ; đôi khi toàn là phụ nữ. Tỉ như trong cuộc đấu tranh chính trị tháng 7-1962 ở quận Mỏ-cày tỉnh Bến-tre, « Đội quân tóc dài » gồm 12.000 phụ nữ đã chia thành 4 cánh tiến vào quận lỵ Mỏ-cày với các khẩu hiệu:

Phải tăng lương cho binh sĩ!

Quân đội Mỹ rút về nước!

Bãi bỏ áp chiến lược!

Trả chồng con chúng tôi về!... » (8).

Cuộc đấu tranh đã đem lại thắng lợi: Tên quân trưởng, với cả một tiểu đoàn lính và một đại đội thanh niên cộng hòa mà không dám đàn áp phong trào. Các cuộc đấu tranh chính trị đều có kết hợp chặt chẽ với công tác binh vận. Kết quả là trong hơn 4 năm, từ năm 1961 đến tháng 10-1965 đã có 217.400 binh lính ngụy đào ngũ rã ngũ (9). Phong trào binh vận hiện nay đang phát triển tới một đỉnh cao là khởi nghĩa binh lính mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của binh sĩ yêu nước trong trung đoàn xe bọc thép số 1 của ngụy quân miền Nam đêm 23-3-1966 vừa qua (10). Tình hình đó đã chứng tỏ lời nhận định của Hồ Chủ tịch trong Hội nghị chính trị đặc biệt tháng 3-1964 là đúng đắn: “Đế quốc Mỹ đổ lỗi cho quân đội miền Nam không muốn chiến đấu. Đúng như vậy. Quân đội miền Nam cũng là nòi giống Việt-nam, lẽ nào lại theo lệnh giặc Mỹ mà bắn giết đồng bào của mình! Hàng ngày họ cùng giặc ngộ và tìm cơ hội quay súng lại chống bọn cướp nước và bán nước” (11).

(1) « Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt-nam ». Sự thật, 1960, tập 111, tr. 432.

(2) — nt — tập 11, tr. 301.

(3) Hồ Chủ tịch, sách đã dẫn, tr. 51.

(4) Hồ Chủ tịch, sách đã dẫn, tr. 138.

(5) Hồ Chí Minh tuyên tập, tr. 383.

(6) « Cuộc kháng chiến thần thánh... » sách đã dẫn, tập 111, tr. 390.

(7) « Ngọn cờ chiến thắng của miền Nam anh hùng » Nhà xuất bản Khoa học, 1964, tr. 119.

(8) Báo Nhân dân số 2245 ngày 18-11-1965.

(9) Báo Nhân dân số 4276 ngày 19-12-65.

(10) Báo Nhân dân số 4376 ngày 30-3-66.

(11) Báo Nhân dân số 3651 ngày 28-3-64.

tuy có mang màu sắc dân tộc nhưng không chút nào hạ thấp quan hệ giữa cán bộ và chiến sĩ xuống chế độ huynh trưởng, gia trưởng hay chủ nghĩa binh quân. Bởi vì tư tưởng dân chủ và bình đẳng đó luôn gắn liền với ý thức tổ chức và kỷ luật. Như Hồ Chủ tịch đã nhấn mạnh là trong quân đội « kỷ luật phải nghiêm như sắt » (1). Tự tay Hồ Chủ tịch đã thảo ra 12 điều kỷ luật cho quân đội mà điều chủ yếu nhất là « mỗi việc đều phải theo mệnh lệnh của cấp trên » (2) Ngoài 12 điều kỷ luật Người còn đề ra 12 điều răn, 6 điều nên và 6 điều không nên. Những điều kỷ luật và điều răn đó đều chứa đựng cả tinh thần cách mạng lẫn đặc điểm dân tộc. Bên nguyên tắc cách mạng là do dân, vì dân còn có đặc điểm dân tộc là tôn trọng phong tục tập quán dân tộc, giữ lễ phép, kính già, yêu trẻ, không xúc phạm đến tín ngưỡng, phong tục của dân v.v...

Đạo đức và tác phong mà Hồ Chủ tịch bồi dưỡng cho quân đội ta cũng đem màu sắc dân tộc. Chữ trung mà bây tôi xưa phải giữ đối với vua đã có nội dung mới về trung của quân đội đối với nước. Chữ hiếu của người con trong chế độ phong kiến đã mang nội dung mới về nhiệm vụ người chiến sĩ đối với dân. Ngày nay, trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước, khẩu hiệu « Trung với nước, hiếu với dân » đã được Hồ Chủ tịch cụ thể hóa thêm bằng ba yêu cầu: « Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù

nào cũng đánh thắng ». Người nhấn mạnh rằng người chiến sĩ thì phải có đạo đức « Tri, dũng, liêm, trung » (3). Người cán bộ thì phải có thêm hai điều « nhân và tin » (4). Kẻ địch cậy ở vũ khí nên chủ quan, kiêu ngạo. Ta biết sức mình và tin ở sức mình nên « thắng không kiêu, bại không nản », « bền bỉ, khiêm tốn, giản dị, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn ». Kẻ địch thường dùng tiền tài, địa vị để mua chuộc. Ta chiến đấu trong gian khổ, thiếu thốn, nhưng kiên quyết: « Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khổ không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục ».

Ở Hồ Chủ tịch, 6 đức « tri, dũng, liêm, trung, nhân, tin » của người cán bộ, chiến sĩ phải đi đôi với tinh thần quyết tâm cách mạng. Theo kinh nghiệm của Người thì « Bất kỳ việc gì, to hay nhỏ, mình có quyết tâm thì làm được, mà còn lời cuốn người khác cũng quyết tâm như mình » (5). « Nếu chúng ta cố gắng quyết

tâm thì thuận lợi sẽ phát triển, khó khăn sẽ được khắc phục » (6). Lòng quyết tâm của Người đã biến thành ba quyết tâm của quân đội: « Quyết tâm tiêu diệt địch

Quyết tâm giữ vững chính sách

Quyết tâm giành nhiều thắng lợi (7).

Người cũng nhắc nhở quân đội phải nâng cao quyết tâm, đồng thời phải cần thận. Quyết tâm và cần thận phải đi đôi với nhau chứ không phải quyết tâm là mạo hiểm (8). Trong những trường hợp Đảng ta, nhân dân ta gặp khó khăn, Người thường gây cho quân đội một niềm tin vững chắc vào sự quyết tâm của toàn quân, toàn dân và toàn Đảng: « Trung ương quyết tâm, toàn Đảng quyết tâm, Chính phủ quyết tâm, toàn quân quyết tâm, nhất định chúng ta sẽ được nhân dân nhiệt liệt ủng hộ, nhất định chúng ta sẽ sửa chữa được sai lầm, phát huy được thắng lợi... » (9).

Hồ Chủ tịch nêu cao những gương sáng về đạo đức, đồng thời Người cũng kiên quyết chống các tư tưởng thủ địch như chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng công thần, tham ô, lãng phí, hủ hóa, quan liêu, địa vị. Một mặt Người đề cao tác dụng của vũ khí tự phê bình và phê bình, mặt khác Người chú trọng phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng để khắc phục các tư tưởng lệch lạc.

Như chúng ta đã biết, Hồ Chủ tịch thường ca ngợi: « Nhân dân ta rất anh hùng ». Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng đã thấm sâu vào mọi mạch sống của nhân dân ta. Những gương hy sinh, bất khuất, những chiến công oanh liệt, những sáng kiến giết giặc, chống ngoại xâm không những được nhân dân ta ca ngợi trong văn học, nghệ thuật mà còn được nhân dân ta sùng bái. Truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc như Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám v.v... còn sống mãi trong tâm trí mọi người. Công lao của Hồ Chủ tịch là ở

- (1) « Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân » Sách đã dẫn, trang 42
 (2) — nt —, trang 29
 (3) Hồ Chủ tịch... Sách đã dẫn, trang 43
 (4) — nt —, trang 65
 (5) — nt —, trang 136
 (6) — nt —, trang 169
 (7) — nt —, trang 150
 (8) Hồ Chủ tịch..., sách đã dẫn, tr. 207.
 (9) — nt —, tr. 181.

chỗ Người đã gạn lọc trong chủ nghĩa anh hùng cũ lấy tinh thần yêu nước, chí kiên cường, bất khuất, lòng hy sinh dũng cảm, gạt bỏ chủ nghĩa cá nhân và thay vào đó bằng tinh thần tập thể cách mạng. Trong khi khuyến khích quân đội ta « noi theo tinh thần quyết khởi tử sinh tử dưới sự lãnh đạo của Trần Quốc Tuấn » (1), Người cũng chỉ rõ sự khác nhau giữa chủ nghĩa anh hùng cá nhân với chủ nghĩa anh hùng cách mạng: « Các anh hùng chiến sĩ .. trong khi làm nhiệm vụ đều không nghĩ tới trở nên anh hùng. Nữ-phá-luân đọc ngang trời đất. Từ Hải trong truyện Kiều « vai nắm tắc động thân mười thước cao » cũng gọi là người anh hùng, nhưng người anh hùng của ta không phải thế »..., « người nào vượt khó khăn, làm tròn nhiệm vụ, đó là anh hùng » (2). Người căn dặn các anh hùng phải luôn nhớ rằng « thành tích là thành tích tập thể, anh hùng là anh hùng tập thể, chứ không phải thành tích và anh hùng cá nhân » (3). Chính nhờ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhờ nắm được yếu tố con người là chủ yếu mà quân đội ta đã đánh thắng được mọi vũ khí hiện đại của quân thù.

Sau việc giáo dục tư tưởng chính trị là việc cải tiến tổ chức quân đội. Xuất phát từ đường lối vũ trang nhân dân, Hồ Chủ tịch coi trọng cả việc xây dựng lực lượng vũ trang cũng như lực lượng nửa vũ trang. Khi thành lập **Đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân**, Người đã chỉ thị: « Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. **Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ đi dặt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên** » (4). Nếu trước Cách mạng tháng Tám mới có dân quân du kích, tự vệ địa phương và Giải phóng quân thì đến kháng chiến hệ thống ba thứ quân đã hình thành rõ rệt là dân quân du kích, bộ đội địa phương và quân đội chủ lực. Cho đến cả giai đoạn mà cuộc kháng chiến đang giành được nhiều thắng lợi trên chiến trường chính, tháng 12-1953, Hồ Chủ tịch cũng vẫn chỉ thị phải « kết hợp tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) » (5). Tổ chức 3 thứ quân thể hiện rõ đặc điểm của

đường lối vũ trang toàn dân, trường kỳ kháng chiến, xây dựng lực lượng từ không đến có, từ yếu đến mạnh, từ thiếu đến đủ, từ phân tán đến tập trung, vừa sản xuất vừa chiến đấu, vừa thắng giặc bằng vũ khí thô sơ, vừa thắng giặc bằng vũ khí hiện đại. Trong khi phát triển chủ lực quân, Hồ Chủ tịch vẫn rất coi trọng lực lượng nửa vũ trang. Người coi « Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, thì địch nào cũng phải tan rã » (6). Hệ thống tổ chức 3 thứ quân lại vừa là trường đào tạo rèn luyện thường xuyên lực lượng hậu bị của quân chủ lực. Từ người dân thường đến người chiến sĩ của bộ đội chính quy, chúng ta đã thực hiện một quá trình bồi dưỡng lâu dài và chọn lọc một cách khoa học, làm cho quân đội ta có một chất lượng đảm bảo mà không kẻ thù nào có thể có được. Có thể ví hệ thống 3 thứ quân của ta vững vàng như Kim tự tháp, có nền tảng vững chắc là dân quân, có thân mình phát triển là bộ đội địa phương, có ưu thế tập trung, có tầm mắt nhìn xa thấy rộng, là đội quân chủ lực. Đường lối tổ chức ba thứ quân đã phát huy được đầy đủ những ưu điểm của đội quân nông dân là bám chắc lấy đồng ruộng quê hương, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, tận dụng được hiệu quả của các loại vũ khí thô sơ và kinh nghiệm chiến tranh du kích, tận dụng được ưu điểm của thể phân tán để bổ sung vào nhược điểm của thể tập trung của quân chủ lực, khiến cho lực lượng vũ trang của ta trở thành vô địch.

(1) « Hồ Chủ tịch... » Sách đã dẫn, tr. 80.

(2) — nt — , tr. 118

(3) — nt — , tr. 174

(4) Hồ Chủ tịch... Sách đã dẫn, tr. 17.

(5) Hồ Chí Minh tuyên tập tr. 468.

(6) Hồ Chủ tịch, sách đã dẫn, tr. 30.

XÂY DỰNG KHỐI ĐOÀN KẾT TRONG QUÂN ĐỘI VÀ KHỐI ĐOÀN KẾT QUẦN DÂN LÀM NÔNG CỐT CHO KHỐI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Nếu trong chiến lược cách mạng nói chung Hồ Chủ tịch đặt nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất lên trên khối nghĩa vũ trang (1) thì trong đấu tranh quân sự, chiến lược đoàn kết toàn dân lại được Người đặt dưới chiến lược trường kỳ kháng chiến (2). Nhiệm vụ đoàn kết toàn dân ở đây nhằm phục vụ cho nhiệm vụ trường kỳ kháng chiến. Mục tiêu của đoàn kết toàn dân là trường kỳ kháng chiến.

Trong việc xây dựng lực lượng vũ trang, Người thường coi đoàn kết là «điểm mề». «Điểm này mà thực hiện được tốt thì dễ ra con cháu đều tốt» (3) «Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn giành thắng lợi» (4). Nếu «thực hiện được: «Đoàn kết cảnh giác, nâng cao chỉ khi chiến đấu, truyền thống anh dũng, kiên quyết làm tròn nhiệm vụ», thì quân đội ta bất kỳ thời chiến hay thời bình sẽ là quân đội bất thắng, vô địch» (5). Vì vậy Người chăm lo trước hết đến đoàn kết trong nội bộ quân đội, và khuyên quân đội phải «đoàn kết chặt chẽ giữa chiến sĩ với nhau, giữa cán bộ với nhau, giữa chiến sĩ và cán bộ giữa quân và dân...» (6). Tư tưởng đoàn kết của Người được xây dựng trên nguyên tắc đoàn kết và đấu tranh. Vì vậy, nếu mục đích của đoàn kết là nhằm «phê bình» kẻ thù để quốc bằng vũ khí, thì trong nội bộ, nó lại yêu cầu phải đấu tranh với kẻ thù tư tưởng bằng vũ khí phê bình. Bất kỳ ở nơi nào, lúc nào khi kêu gọi quân đội đoàn kết Người cũng nhắc nhở phải «Tự phê bình và phê bình để thống nhất tư tưởng. Tư tưởng có thống nhất hành động mới thống nhất. Tư tưởng và hành động có thống nhất mới đánh thắng được giặc» (7). Người yêu cầu cán bộ và chiến sĩ phải «phê bình và tự phê bình một cách dân chủ, kiểm thảo từ cấp trên xuống và cấp dưới lên. Các cán bộ các cấp phải lãnh đạo và phải làm kiểu mẫu trong việc kiểm thảo và tự phê bình. Làm như thế thì chúng ta sẽ phát triển thêm ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm. Đánh thắng khuyết điểm của ta tức là đã một phần đánh thắng quân địch» (8).

Song song với việc xây dựng khối đoàn kết trong nội bộ quân đội, Hồ Chủ tịch đã giáo dục quân đội ta củng cố khối đoàn kết quân dân làm cho quân dân nhất trí. Xuất phát từ quần

mà chiến đấu ...» (9). Người yêu cầu quân đội phải «thương dân, trọng dân, tốt với dân» (10). Người nhấn mạnh là quân đội «đánh giặc là vì nhân dân... nhưng không phải là «cứu tinh» của dân mà có trách nhiệm phụng sự nhân dân. Tất cả quân nhân phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu» (11). Ngược lại «nhân dân là nền tảng, là cha mẹ của bộ đội»... (12). Nếu «chiến sĩ ở trước mặt trận thì đưa giết giặc lập công thì đồng bào ở hậu phương thì đưa lương gia sản xuất» (13). Trong thực tế phong trào thì đưa yêu nước đã thắt chặt tình đoàn kết quân dân thành một khối, làm cơ sở vững chắc cho khối đoàn kết toàn dân.

Như chúng ta đã biết khối đoàn kết toàn dân ta do Hồ Chủ tịch xây dựng phải lấy liên minh công nông làm cơ sở. Công nông lại là lực lượng chủ yếu cung cấp sức người sức của cho lực lượng vũ trang. Vì vậy lực lượng vũ trang về thực chất cũng là lực lượng vũ trang công nông. Nó có tác dụng to lớn đến việc tăng cường khối đoàn kết toàn dân, Mỗi thắng lợi của đấu tranh vũ trang diệt địch lại làm cho Mặt trận dân tộc thống nhất có điều kiện phát triển mạnh. Tỉ như trong kháng chiến, thắng lợi quân sự năm 1917 đã đánh tan được sự giao động, hoài nghi của những tầng lớp trên trong quần chúng làm cho Mặt trận Liên Việt được phát triển và củng cố. Cũng như ngày nay thắng lợi vũ trang đã là cơ sở cho việc phát triển Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Ngược lại khối đoàn kết toàn dân càng lớn mạnh thì bộ đội càng có một sức dự trữ dồi dào để bổ xung đội ngũ, để «ăn no và đánh thắng» như Hồ Chủ tịch thường nói.

(1) Hồ Chí Minh tuyển tập, tr 553.

(2) Hồ Chí Minh tuyển tập tr 359

(3) Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân,

(4) — nt — tr. 195

(5) — nt — tr. 187

(6) — nt — tr. 166

(7) — nt — tr. 102.

(8) — nt — tr. 91,

(9) — nt — tr. 84.

(10) — nt — tr. 141,

(11) — nt — tr, 103,

(12) — nt — tr, 51,

(13) Hồ Chí Minh tuyển tập, tr, 350,

THỰC HÀNH CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT CHIẾN TRANH DU KÍCH

Trong cuộc võ trang khởi nghĩa trường kỳ cũng như kháng chiến trường kỳ, về lượng quan lực lượng địch ta, lúc đầu ta so với địch còn ở thế lấy một chọi 10, lấy vũ khí thô sơ chọi với vũ khí hiện đại, lấy quân đội phân tán, bí mật chọi với quân đội tập trung, công khai, nên *du kích chiến* là duy nhất thích hợp. Không những thế trong lãnh đạo đấu tranh, bí quyết của thành công là ở chỗ biết phát huy cái sở trường của ta để lấn công vào cái sở đoản của địch. Do đó chỉ có khu du kích chiến mới làm cho ta lợi dụng được khả năng vô tận của quần chúng, mới làm cho kẻ địch tuy có phương tiện vũ khí và trang bị hiện đại nhưng lại dễ dàng bị cầm, dìm, đuối, mù trước sự tấn công của đối thủ xuất quỷ nhập thần là đội quân du kích. Lịch sử của hàng nghìn năm đấu tranh giải phóng bảo vệ đất nước của chúng ta đã chứng minh như vậy. Và cuộc đấu tranh trên 80 năm chống Pháp vừa qua cũng đã chứng minh như vậy.

Hồ Chủ tịch, người kế thừa truyền thống đấu tranh vũ trang của dân tộc và vận dụng kinh nghiệm của các cuộc chiến tranh giải phóng trên thế giới, đã nâng du kích chiến lên hàng chiến lược trong chiến tranh nhân dân Việt-nam. Ngay từ khi thành lập đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân Người đã lấy du kích chiến làm phương châm hoạt động chủ yếu. Trong chỉ thị đó Người nhấn mạnh: *« Về chiến thuật: Vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay Đổng mai Tây, lai vô ảnh, khứ vô tung »* (1).

Cho đến khi du kích chiến đã tiến lên vận động chiến với quy mô rộng lớn, Người vẫn nhắc nhở quân đội ta không được quên vai trò chiến lược của du kích chiến. Tháng 8-1951, khi mà cuộc vận động chiến quy mô lớn trong chiến dịch biên giới đã kết thúc thắng lợi, Hồ Chủ tịch vẫn chỉ thị cho quân đội ta *« phải luôn luôn nhớ: du kích chiến tranh là chính »* (2).

Người yêu cầu du kích phải được *« tổ chức chặt chẽ và rộng khắp trong vùng địch và xung quanh vùng địch, làm cho làng nào,*

huyện nào, tỉnh nào cũng có du kích, thì nó thành một tấm lưới sắt, một thứ « thiên la địa võng » mà địch không thể nào thoát ra được... Địch đi đến đâu cũng bị chặn đánh. Địch làm cái gì cũng bị phá hoại... Du kích làm cho địch có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, có chân tay cũng như què. Một bộ phận địch thì bị du kích tủa dầm, tủa mòn. Bộ phận địch còn sống sót, thì ăn không yên, ở không yên, nghe gió thổi chim kêu cũng hoảng sợ, rồi cũng bị du kích tiêu diệt nốt » (3). Trong chỉ đạo chiến tranh Người thường đề ra những phương châm tác chiến cụ thể của du kích chiến là *« phải luôn luôn giữ vững chủ động, phải tìm địch mà đánh, phải luôn luôn khuấy rối phá hoại địch, phải cộng những thắng lợi nhỏ thành thắng lợi to »* (4). Khi địch triển khai ra đánh ta thì *« phải tích cực chủ động, bí mật, mau chóng, kiên quyết, dẻo dai, chắc thắng mới đánh. Nhưng tuyệt đối chủ quan khinh địch »* (5). Trong bất kỳ lúc nào Người cũng coi *« giữ bí mật là một bước thắng lợi »* (6) của chiến tranh. Tóm lại phương châm tác chiến nói chung là phải *« đánh khéo, đánh gan, đánh mạnh, đánh dai, đánh cho tan giặc »* (7). *« Hễ lúc nào giặc hở là đánh. Giặc mò ra đâu ta đánh ở đó. Ta làm cho chúng hao mòn sút mẻ, ta cộng nhiều thắng lợi nhỏ thành thắng lợi to. Ta đánh cho chúng không kịp thở. Cho đến lúc ta hoàn toàn tiêu diệt chúng »* (8). Mọi phương châm chiến lược chiến dịch mà Người chỉ ra cho chúng ta đều xây dựng trên điểm cơ bản là đánh.

(1) « Hồ Chủ tịch... » Sách đã dẫn, tr. 18.

(2) « Hồ Chủ tịch... » Sách đã dẫn, tr. 112.

(3) Hồ Chí Minh tuyển tập, tr. 384.

(4) « Hồ Chủ tịch... » Sách đã dẫn, tr. 56.

(5) — nt — tr. 127.

(6) — nt — tr. 96.

(7) — nt — tr. 69.

(8) Hồ Chí Minh tuyển tập, tr. 393.

Phương châm đánh cho tan giặc của Hồ Chủ tịch có ý nghĩa tiêu diệt chiến. Khi chỉ thị về ý nghĩa và mục đích của chiến dịch Người thường nhấn mạnh phải :

*«Tiêu diệt sinh lực địch
Tranh thủ nhân dân
Giải phóng đất đai*

mà nhiệm vụ chính là tiêu diệt sinh lực địch » (1). Đó là đường lối chủ đạo của chiến tranh nhân dân, bởi vì sinh lực địch là dựa vào quân đội đánh thuê, lại từ xa đến nên rất có hạn. Lực lượng ta bắt nguồn từ nhân dân mà ra là vô hạn. Diệt địch giải phóng nhân dân là làm tăng lên cái vô hạn của ta, giảm đi cái hữu hạn của địch. Hơn nữa, xuất phát từ quan điểm nhân dân là chủ đất đai, làm chủ vận mệnh của mình, nên diệt địch tranh thủ được nhân dân, tức là bảo vệ đất đai, vì có người thì sẽ có đất, nhân dân sẽ đứng lên bảo vệ lâu dài đất đai của mình. Hiện nay tiêu diệt chiến đang được phát triển ở một mức độ cao chưa từng có trong cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Trong chỉ đạo du kích chiến Hồ Chủ tịch rất coi trọng tác dụng của vũ khí nhưng không khi nào Người đề quá cao tác dụng của vũ khí. Trong tư tưởng quân sự của Người, *yếu tố vũ khí bao giờ cũng đi kèm theo và đặt dưới yếu tố con người*. Khi kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Người nhấn mạnh: *«Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước* » (2). Vũ khí tuy thô sơ, nhưng trước xe tăng đại bác của

quân thù, Người vẫn giữ vững một niềm tin sắt đá vào con người cầm vũ khí: *«Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về ta* » (3).

Cuối cùng là vấn đề *tranh thủ thời cơ*. Trong chiến lược cũng như trong chiến thuật, Hồ Chủ tịch không coi nhẹ vấn đề tranh thủ thời gian. Ở đây chúng ta thấy có sự kết hợp một cách khéo léo tư tưởng tranh thủ thời gian *«đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác* » (4) trong lý luận khởi nghĩa vũ trang của chủ nghĩa Mác — Lê nin với tư tưởng võ trang trường kỳ của cách mạng Việt-nam. Trong chiến đấu trường kỳ Hồ Chủ tịch luôn luôn nhắc nhở: *«Phải tranh thủ thời gian chuẩn bị. Đó là một điều kiện để thắng đối phương* » (5). Việc chuẩn bị trong điều kiện chiến đấu trường kỳ phải đi đôi với vấn đề nắm vững thời cơ, tận dụng thời cơ thuận lợi. Nếu trong đấu tranh xã hội nói chung Hồ Chủ tịch coi *«Thiên thời không quan trọng bằng địa lợi mà địa lợi không quan trọng bằng nhân hòa* » (6), thì trong quân sự Người lại coi *«Thời gian là rất quan trọng, điều kiện thiên thời đứng vào bậc nhất, trước địa lợi và nhân hòa. Có tranh thủ được thời gian mới bảo đảm được yếu tố thắng địch* » (7). Tư tưởng chuẩn bị điều kiện, nắm vững thời cơ của Hồ Chủ tịch cũng là một trong những yếu tố quan trọng của chiến tranh du kích. Nó đã góp phần quyết định vào việc thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến trường kỳ mà Hồ Chủ tịch là linh hồn, là người lãnh đạo.

V

KẾT HỢP CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC CHÂN CHÍNH VỚI LÒNG YÊU HÒA BÌNH, CHÍNH NGHĨA VÀ CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ VÔ SẢN

Chiến tranh nhân dân thường là chiến tranh tự vệ nên trong bản thân nó đã mang yếu tố chính nghĩa. Nó chống những lực lượng chà đạp lên quyền tự do và quyền sống của con người. Lòng yêu hòa bình chính nghĩa vốn là của chung nhân loại tiến bộ nên nó không bị ngăn cách bởi hàng rào dân tộc hẹp hòi và thường được kết hợp với lòng yêu nước chân chính. Lịch sử Việt-nam đã thường chứng tỏ như vậy. Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi không giết kẻ đầu hàng mà còn hậu đãi, cung cấp

lương thực và phương tiện cho về nước. Nguyễn Huệ chiến thắng kẻ thù một cách oanh liệt nhưng cũng không muốn kéo dài nạn binh đao làm cho nhân dân hai nước đều

(1) « Hồ Chủ tịch... » đã dẫn, tr. 137

(2), (3) — nt — tr. 24.

(4) Lê-nin « Chủ nghĩa Mác và khởi nghĩa vũ trang », Sự thật 1959, tr. 19.

(5) « Hồ Chủ tịch... », sách đã dẫn, tr. 96

(6) — nt — tr. 65

(7) — nt — tr. 96

hải khổ cực làm than. Lịch sử đã chứng minh là sự kết hợp tinh thần yêu nước với lòng yêu hòa bình, chính nghĩa cũng đã trở thành truyền thống của dân tộc Việt-nam. Lòng yêu hòa bình, chính nghĩa đó xây dựng trên nguyên tắc bảo đảm quyền độc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc như Hồ Chủ tịch đã nói : « Dân Việt-nam không muốn đồ máu, dân Việt-nam yêu chuộng hòa bình, nhưng nếu cần phải hy sinh mấy triệu chiến sĩ, nếu cần phải kháng chiến bao nhiêu năm để giữ gìn độc lập của Việt-nam để cho con cháu Việt-nam khỏi kiếp nô lệ thì thế nào chúng ta cũng vẫn kiên quyết hy sinh » (1). Ở Hồ Chủ tịch lòng yêu nước, yêu hòa bình, chính nghĩa của dân tộc đã hòa với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Lòng xót thương dân tộc bị nô dịch áp bức của Hồ Chủ tịch đã hòa vào lòng xót thương tất cả nhân dân thuộc địa bị đế quốc chà đạp, đã nung nấu cho Người một tinh thần cách mạng vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Khi ở Pháp Người đã đấu tranh cho thắng lợi của giai cấp vô sản Pháp và thắng lợi của các dân tộc thuộc địa chống đế quốc, trong đó có Việt-nam. Tư tưởng của Người đã được hun đúc nên trong quá trình như vậy, nên khi lãnh đạo cuộc chiến đấu vô trang trường kỳ, Người đã thấu suốt được lòng người, biết địch biết ta, biết tìm ra những cái chung chính nghĩa bên những cái riêng thù địch. Người đã dạy cho quân và dân ta phân biệt âm mưu và vũ khí của kẻ thù với người cầm vũ khí. Người linh đánh thuê còn là kẻ thù khi còn cầm vũ khí bắn ta, nhưng họ có thể trở thành bè bạn của ta khi đã hạ vũ khí, rời bỏ hàng ngũ quân thù. Trong Cách mạng tháng Tám, Người đã giáo dục cho quân và dân ta không trả thù những người thường dân Pháp, ngay cả công chức Pháp phục vụ cho bộ máy thực dân, nhưng không chống lại cách mạng Việt-nam. Trong kháng chiến Người cũng đề ra những chính sách khoan hồng đối với tù binh. Trong thư gửi đồng bào Nam-bộ tháng 9-1945, Người viết « Đối với những người Pháp bị bắt trong cuộc chiến tranh, ta phải canh phòng cho cẩn thận, nhưng phải đối đãi họ khoan hồng, phải làm cho thể giới, trước hết cho dân Pháp, biết rằng chúng ta chỉ đòi quyền độc lập, tự do, chứ chúng ta không vì tư thù, tư oán, làm cho thể giới biết rằng chúng ta là một dân tộc thông minh, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước » (2). Người đã giáo dục cho quân và dân ta hiểu một cách sâu sắc rằng những người lính đánh thuê cho chủ nghĩa đế quốc cũng là những công nhân, nông dân

và lao động chính quốc và thuộc địa bị mê hoặc, hoặc bị xô đẩy vào vòng chiến tranh vì quyền lợi ích kỷ của bọn tư sản. Do đó chính sách đối với tù binh, hàng binh của Người không những được phổ biến sâu rộng trong chiến sĩ mà còn được đưa vào nội dung của một trong 6 điều đạo đức của một người tướng, một cán bộ chỉ huy : *Người tướng phải có nhân*; « *Đối với địch hàng, ta phải khoan dung* » (3).

Chính sách đối với hàng binh, tù binh của Người đã có tác dụng lôi kéo binh lính, sĩ quan địch, thậm chí còn cải tạo, bồi dưỡng được hàng binh, tù binh đất họ từ mặt trận phản cách mạng sang hàng ngũ những người tích cực cách mạng. Qua cuộc trường kỳ kháng chiến ở Việt-nam, không ít những tù binh, hàng binh gốc tích ở các thuộc địa Pháp được Đảng và nhân dân ta giúp đỡ nay đã trở thành những người lính xung kích trong phong trào giải phóng châu Phi hiện nay.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản trong tư tưởng chiến tranh nhân dân của Hồ Chủ tịch còn thể hiện ở chỗ Người đã đem lại cho quân đội ta một sức ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới, đặc biệt là nhân dân các nước đế quốc đang tiến hành chiến tranh với ta. Xuất phát từ nguyên lý của chủ nghĩa Mác—Lê-nin : « Một dân tộc mà đi áp bức những dân tộc khác thì không thể là dân tộc tự do được » (4), Người đã biết kêu gọi sự đồng tình của nhân dân chính quốc với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của dân tộc Việt-nam. Trong kháng chiến nhân dân Pháp đã đứng lên đấu tranh chống bắt lính, chống sản xuất, chuyên chở vũ khí sang Việt-nam. Hiện nay nhân dân Mỹ cũng chống chiến tranh, đốt thẻ quân dịch, đòi thực hiện hòa bình và tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Việt-nam. Những hành động đó khách quan đã đưa đến hạn chế việc tăng cường ưu thế quân sự của địch và ngược lại đã làm tăng cường ưu thế chính trị và quân sự của ta.

Tóm lại chủ nghĩa yêu nước, lòng yêu hòa bình, chính nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản mà Hồ Chủ tịch bồi dưỡng và giáo dục cho nhân dân ta, một khi thấm vào quần chúng, đã biến thành sức mạnh vật chất giúp cho cuộc chiến tranh giải phóng của chúng ta, tuy lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.
(Xem tiếp trang 64)

(1) Hồ Chí Minh tuyển tập, tr 217

(2) — nt — tr 214

(3) Hồ Chủ tịch, sách đã dẫn, tr 65

(4) Lê-nin toàn tập, tập 21 ST 1963 tr 109

VỊ TRÍ VÀ Ý NGHĨA QUỐC TẾ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

CÁCH mạng tháng Tám có một vị trí và nghĩa quốc tế rất lớn.

Nhưng muốn hiểu rõ vì sao Cách mạng tháng Tám có một vị trí và ý nghĩa quốc tế lớn như vậy, cũng nên nhắc lại sơ qua những tiếng vang dội của phong trào cách mạng Việt-nam trước đó trên khắp thế giới, nhất là từ 1930.

Ở thời đại chúng ta, cách mạng giải phóng thuộc địa đã trở thành bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Vì, như Hồ Chủ tịch đã nói cách đây gần nửa thế kỷ, chủ nghĩa thực dân là con đũa có hai vôi, một vôi hút máu của giai cấp vô sản chính quốc, một vôi hút máu của giai cấp vô sản thuộc địa. Chủ nghĩa đế quốc, mà cơ sở thống trị quốc tế là chủ nghĩa thực dân, là kẻ thù chung của công nhân, nhân dân lao động các nước tư bản và của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

Một dân tộc bị áp bức nổi dậy chặt dây xiềng của chủ nghĩa thực dân để tự giải phóng mình, đồng thời góp sức vào sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản nước tư bản và các dân tộc thuộc địa khác.

Nếu cao tinh thần đoàn kết giữa giai cấp công nhân các nước tư bản và các dân tộc thuộc địa, vạch ra mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng vô sản ở các nước tư bản và cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa như là một sức mạnh vô địch, như là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng, Lê-nin đã đề ra khẩu hiệu bất hủ ghi bằng chữ vàng trên lá cờ của cách mạng thế giới ở thế kỷ này:

“Những người vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, đoàn kết lại!”.

Vì vậy nên từ đầu năm 1930, sau khi Đảng tiên phong của giai cấp công nhân — Đảng cộng sản Đông-dương ra đời để lãnh đạo cách

mạng Việt-nam ở giai đoạn lịch sử mới, và một cao trào cách mạng oanh liệt chưa từng có nổi lên khắp cả nước, thì Việt-nam trước kia rất xa lạ đối với thế giới, đã trở thành trung tâm chú ý của loài người tiến bộ.

Tinh thần dũng cảm vô song của dân tộc Việt-nam, gương hy sinh cao cả và chí khí anh hùng tuyệt vời của giai cấp công nhân Việt-nam trẻ tuổi và của Đảng tiên phong của nó vừa mới ra đời, khiến cho nhân dân thế giới rất khâm phục, đã tranh thủ được sự đồng tình sâu sắc của họ đối với cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc ta. Một nhân vật trong phong trào công nhân quốc tế hồi đó đã ví giai cấp vô sản Việt-nam như một em bé lớn lên như thổi, em bé khổng lồ, vô hình chung đồng chí đã gọi lên hình ảnh của Phù đổng Thiên vương của ta.

Từ đó, những biến cố lớn của phong trào cách mạng Việt-nam như ngày thành lập Đảng, phong trào xô-viết Nghệ-Tĩnh..., hàng năm được phong trào cộng sản quốc tế kỷ niệm trọng thể. Trong một buổi kỷ niệm ấy, một nhân vật của phong trào cộng sản quốc tế nói: “Cách mạng Việt-nam, với sự xuất hiện chính quyền xô-viết đầu tiên, đã đưa nhân dân Việt-nam vào hàng ngũ của những dân tộc tiên tiến trên thế giới”.

Các bạn bè quốc tế, trong khi nói chuyện về thời sự và đề cập đến triển vọng của cách mạng Việt-nam, tỏ lòng tin tưởng rằng cách mạng Việt-nam sẽ sớm thấy ngày thắng lợi.

Quả thật. Linh tính của bạn bè quốc tế của chúng ta không nhầm. Lòng tin tưởng của họ đối với cách mạng Việt-nam đã được thỏa mãn một cách tốt đẹp. Mười lăm năm sau khi Đảng của giai cấp công nhân ra đời, Cách mạng tháng Tám đã thắng lợi huy hoàng mở một kỷ nguyên mới trong lịch sử bốn nghìn năm của

dân tộc, và đưa Việt-nam lên địa vị vẻ vang làm tiền đồn phía đông của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Vì sao mà ngay từ đầu, giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới có một mối cảm tình sâu sắc đối với dân tộc ta và đối với cách mạng Việt-nam như vậy?

Trước hết, dân tộc ta tổ ra là một *dân tộc anh hùng*. Trong gần một trăm năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân ta đã chiến đấu dẻo dai, chí quật cường không bao giờ tắt, không ngừng phát triển truyền thống anh hùng của dân tộc. Song, trong khi xóa tên tuổi của Việt-nam trên bản đồ thế giới, chủ nghĩa thực dân đồng thời đã bùng bít, ngăn chặn, bóp nghẹt tất cả những gì có thể báo cho nhân dân thế giới sự có mặt và phần đóng góp tích cực của dân tộc ta trong quá trình phát triển của lịch sử loài người, nhất là trong thời kỳ hiện đại.

Phong trào cách mạng mãnh liệt 1930—1931, làm rung chuyển nền thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở Việt-nam, đã giới thiệu một cách đanh thép cho toàn thế giới chí quật cường rạng rỡ và lực lượng cách mạng hùng hậu của nhân dân ta, những đức tính và lực lượng đó, nếu được lãnh đạo đúng đắn và dựa vào hàng triệu quần chúng lao động được giác ngộ, thì như Lê-nin dạy, có thể sáng tạo nên những sự nghiệp kỳ diệu, có thể đánh thắng bất cứ bọn đế quốc nào.

Nhờ có Đảng mác-xít—lê-nin-nít lãnh đạo, phong trào cách mạng 1930—31 ở Việt-nam đã thể hiện đức tính cao quý đó nó tiêu biểu cho khí thế của một dân tộc nổi dậy tự cứu lấy mình giữa một thế kỷ mà giai cấp lịch sử mới — giai cấp công nhân đang vươn lên giành thắng lợi quyền làm chủ thế giới, khí thế đó tức là chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Cách mạng tháng Tám thành công là sự biểu dương hiển hách chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt-nam vốn có sẵn mầm mống trong truyền thống quật cường của dân tộc, và được chủ nghĩa Mác—Lê-nin truyền cho một luồng sinh khí mới. Loài người tiến bộ chào mừng Cách mạng tháng Tám ta, thấy đó là cái kết cấu tất yếu của cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân ta trong 15 năm, kết cấu mà, về phía bạn bè ta

lòng dũ chắc những ngày một hai.

Tuy nhiên, trong hàng ngũ bạn bè ta, cũng có những người lấy làm “ngạc nhiên” khi được tin Cách mạng tháng Tám thành công huy hoàng như vậy. Họ nói: « Không ngờ cách mạng Việt-nam thành công sớm thế! ». Cái gọi

là sự “bất ngờ” đó cũng dễ hiểu. Đối với họ, sự “bất ngờ” đó hoàn toàn không có nghĩa rằng thắng lợi của Cách mạng tháng Tám của ta là một sự tình cờ. Bất ngờ đối với họ là vì họ không theo dõi hoặc không có điều kiện theo dõi cuộc đấu tranh ngoan cường và oanh liệt của nhân dân ta chống Pháp—Nhật trong suốt 6 năm của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Họ chưa biết rằng cuộc Cách mạng tháng Tám thành công vẻ vang là kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài, liên tục và gian khổ, mà những yếu tố quyết định là ở cuộc đấu tranh bền bỉ và bất khuất của hàng triệu quần chúng bị áp bức trong những khó khăn, nguy hiểm và hy sinh vô ngần, ở tình thần giác ngộ cách mạng và tinh thần tổ chức của họ không ngừng được nâng cao, lòng căm thù giặc và ý chí làm chủ của nhân dân không ngừng được rèn luyện, ở sự lãnh đạo khôn khéo, sinh động của Đảng tiên phong biết vận dụng học thuyết Mác—Lê-nin về khối nghĩa, về bạo lực cách mạng, biết kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, biết thực hiện nền đại đoàn kết dân tộc trong giờ phút quyết định, và biết nắm chắc thời cơ để tấn công vào địch lũy của kẻ địch, giành lấy chính quyền và cầm ngọn cờ chiến thắng lên khắp núi sông của Tổ quốc.

Sự “ngạc nhiên” của một số bạn bè đó không có gì đáng làm méch lòng ta cả, mà còn là biểu hiện thiện ý và lòng kính phục trước sự vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, trước khí phách anh hùng của dân tộc ta, trước năng lực sáng tạo của Đảng, giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công đã hơn một tháng, có một số bạn bè nước ngoài cũng chưa nhận rõ tính chất của chế độ mới ở ta, chưa biết các nhân vật lãnh đạo của ta là ai. Nhưng, khi được biết đích xác Cách mạng tháng Tám là do nhân dân ta làm, có Đảng ta lãnh đạo, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa là chế độ dân chủ nhân dân đầu tiên ở toàn châu Á, và Chủ tịch nước là lãnh tụ cách mạng vĩ đại HỒ CHÍ MINH, thì nỗi vui mừng, sung sướng tràn ngập trái tim họ. Nhiều người tự động tổ chức ngay những buổi liên hoan, nhiệt liệt tung hô:

Cách mạng Việt-nam thành công muôn năm!

Việt-nam độc lập muôn năm!

Việt-nam dân chủ cộng hòa muôn năm!

Hồ Chủ tịch muôn năm!

Những buổi liên hoan ấy giản dị, thanh đạm, vì ở nước bạn lúc ấy đang có nội chiến, nhưng tình môi rãng, tình đoàn kết chiến đấu rất thâm thiết, nồng nhiệt, biểu thị tinh thần

*Quan sơn muốn đắm một nhà,
Bốn phương vô sản đều là anh em.*

Biểu thị lòng sung sướng trước thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, đồng thời họ biểu thị lòng kiêu hãnh của tất cả những người chiến đấu vì một sự nghiệp, một lý tưởng chung, họ coi thắng lợi của Cách mạng tháng Tám như thắng lợi của bản thân họ, thấy ở thắng lợi hôm nay của Việt-nam là một cổ vũ lớn cho thắng lợi ngày mai của họ. Thắng lợi oanh liệt của Cách mạng tháng Tám đã tăng thêm lòng tin tưởng của họ vào thắng lợi tất yếu và không xa của sự nghiệp giải phóng của dân tộc họ.

Cách mạng tháng Tám là một cuộc *tấn công thắng lợi* của dân tộc ta vào một dinh lũy kiên cố của chủ nghĩa đế quốc. Cách mạng tháng Tám thành công rực rỡ bởi vì nó là một biểu hiện hiển ngang và độc đáo tinh thần cách mạng tấn công của thời đại.

Phong trào cách mạng 1930-31 ở Việt-nam đã thu hút sự chú ý, lòng kính phục, mối cảm tình và gây nên một niềm hy vọng tốt đẹp của nhân dân yêu chuộng độc lập và tự do trên thế giới, bởi vì họ thấy ở phong trào ấy một dấu hiệu của tinh thần cách mạng tiến công của cả một thế giới cần lao, nơi gương của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vĩ đại, tiến theo hướng mà Lê-nin đã chỉ ra, vùng dậy đập tan xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc đang bị lún ngập trong cuộc tổng khủng hoảng. Trong hoàn cảnh lịch sử đó, chỉ có tinh thần cách mạng tiến công mới bảo đảm cho cách mạng thắng lợi. Cách mạng tiến công là biểu hiện quyết tâm giành quyền làm chủ.

Những năm 30 là lúc, như một nhân vật lãnh đạo phong trào cộng sản quốc tế hồi ấy đã nhận định, tư tưởng cách mạng tiến công đang chín muồi nhanh chóng trong ý thức của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức. Phong trào cách mạng 1930-31 ở ta với đỉnh cao là Xô-viết Nghệ-Tĩnh, đã nói lên ý thức của giai cấp công nhân Việt-nam đối với sứ mạng lịch sử của mình, là khi mới xuất hiện trên vũ đài chính trị như là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng, đã mang lại ý thức cách mạng tiến công cho phong trào đấu tranh giải phóng của nhân dân lao động, đã biểu thị khí thế của những người quyết tâm giành quyền làm chủ đất nước mình và vận mệnh mình.

Cách mạng tháng Tám thành công là kết quả của tinh thần cách mạng tiến công của nhân dân Việt-nam không ngừng được tôi luyện và nâng cao trong 15 năm, và kết quả của tinh thần cách mạng tiến công ấy, là nhân dân Việt-nam đã trở nên người chủ của đất nước mình, số phận mình, dân tộc Việt-nam sống

trên 4.000 năm, đã tái sinh trong mùa xuân của nhân loại, góp phần sáng tạo ra lịch sử.

Bởi vậy cho nên, như Hồ Chủ tịch đã dạy, *“chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt-nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”*.

Cách mạng tháng Tám thành công, đã nêu một tấm gương thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, cho các dân tộc thuộc địa, trước hết là các dân tộc bị áp bức ở khu vực Đông Nam Á. Cách mạng tháng Tám thắng lợi và sự ra đời của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa cũng giới thiệu với họ con đường *phát triển không phải tư bản chủ nghĩa*, con đường cho phép các dân tộc vừa thoát khỏi ách của chủ nghĩa thực dân vượt qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, giành độc lập và tự do vững chắc và nhanh chóng trở nên giàu mạnh.

Bọn đế quốc và tay sai của chúng, trong đó có bọn cải lương hàng trăm năm gieo rắc vào đầu óc của các dân tộc thuộc địa rằng họ không thể nào tự giải phóng khỏi nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc, rằng chỉ có *«hợp tác»* với chủ nghĩa thực dân để tiếp thu cái *«văn minh»* của bọn đế quốc đưa lại cho và lớn lên từ từ thì sau này mới có thể *«mở mày mở mặt»* với thế giới!

Tuy nhiên, sự áp bức, bóc lột dã man của chúng ở thuộc địa đã làm cho những lời đường mật bịp bợm của chúng mất hết hiệu lực. Các dân tộc thuộc địa sớm đã được thức tỉnh và từ khi ở các thuộc địa, phong trào cộng sản đã nảy nở và lớn lên, các dân tộc ấy đã tiến hành một cuộc đấu tranh ngày càng mãnh liệt, có ý thức và có tổ chức. Việt-nam là một tấm gương sáng ngời. Cách mạng tháng Tám Việt-nam thắng lợi không những đã đưa lại cho họ niềm hy vọng chung về thắng lợi sẽ đến của họ. Nó còn vạch cho họ thấy *rất cụ thể* nhân dân Việt-nam đã thắng lợi như thế nào. Bài học quan trọng nhất mà họ rút ra được ở sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là: một dân tộc dù nhỏ, nhưng nếu có quyết tâm chiến đấu và đoàn kết chặt chẽ, cũng có thể đánh bại được bọn đế quốc, dù chúng mạnh đến đâu.

Tấm gương tốt đẹp đó đã gây nên trong các dân tộc bị áp bức một mối tình cảm sâu sắc và nồng nhiệt đối với nhân dân Việt-nam.

Nhiều bạn bè ta ở các nước Đông Nam Á, châu Phi, v.v... sau khi tin Cách mạng tháng Tám đã truyền đến họ, không ngần ngại thừa nhận Việt-nam là mẫu mực đối với họ. Khi thực dân Pháp gây cuộc chiến tranh xâm lược thứ hai đối với đất nước ta, thì một phong trào mạnh mẽ ủng hộ Việt-nam kháng chiến đã nổi lên trong các dân tộc Đông Nam Á, châu Phi, Mỹ la-tinh. Sở dĩ có phong trào ủng hộ mạnh mẽ đó là bởi vì họ nhận thức rằng Việt-nam kháng chiến là để bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám, cuộc cách mạng đó đã tranh thủ được trái tim và khối óc của họ. Họ ủng hộ Việt-nam kháng chiến tức là họ bảo vệ đường lối của Cách mạng tháng Tám, đường lối mà họ đã nhận là mẫu mực đối với họ. Chiến thắng lịch sử Điện-biên-phủ, sau cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi tháng Tám 1945, là một thắng lợi chấn động năm châu của đường lối của Cách mạng tháng Tám. Như một luồng điện, nó đã mang lại một niềm hân hoan, phấn khởi và tự hào cho các dân tộc thuộc địa và những người yêu chuộng độc lập, tự do và hòa bình trên toàn thế giới. Các nhà lãnh đạo phong trào độc lập của các dân tộc châu Phi đã tuyên bố: «Điện-biên-phủ đã mở đầu một giai đoạn mới, giai đoạn các dân tộc thuộc địa chiến thắng chủ nghĩa đế quốc», «Việt-nam đã đánh gãy một móc trong dây xích của hệ thống đế quốc chủ nghĩa», «chúng tôi biết ơn nhân dân Việt-nam đã nêu gương sáng cho chúng tôi», «chúng tôi nhận Việt-nam là thầy của chúng tôi», v.v...

Mỗi cảm tình sâu sắc của các dân tộc bị áp bức đối với Cách mạng tháng Tám không phải chỉ vì cách mạng đó đã đánh đổ ách thực dân, giành lại độc lập cho dân tộc, mà còn vì, cùng với độc lập dân tộc, Cách mạng tháng Tám đã đưa lại tự do dân chủ cho nhân dân Việt-nam, còn vì ở Việt-nam đã thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, chính thể dân chủ cộng hòa.

AI đã cướp mất quyền sống độc lập của các dân tộc thuộc địa, nô dịch, đẩy họ, gây nên cho họ biết bao tang tóc thống khổ trong hàng mấy trăm năm, nếu không phải chủ nghĩa tư bản dưới lột thực dân? Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Lê-nin, được Cách mạng tháng Mười Nga lần đầu tiên vạch ra cách giải quyết, các dân tộc bị áp bức dần dần nhận thức được rằng độc lập và tự do dân chủ là không thể tách rời, muốn có độc lập thực sự thì phải có tự do, nhân dân có làm chủ thì dân tộc mới giữ vững được quyền độc lập. Vì vậy, họ nhận thấy rằng giành lại được độc lập, họ có thể không cần trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, không cần quay

về con đường giữ đặc quyền đặc lợi cho một số ít, chính nó đã làm cho họ mất độc lập và tự do. Chịu đau khổ lủi nhục trong hàng trăm năm, được thức tỉnh bởi kinh nghiệm bản thân và được gương của cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi lần đầu trên thế giới — Cách mạng tháng Mười Nga soi sáng và khích lệ, các dân tộc bị áp bức phấn đấu theo một con đường giải phóng thực sự — không tách rời độc lập và tự do, theo một phương hướng lịch sử mới, không phải tư bản chủ nghĩa, đó là con đường thực hiện một cách triệt để, trọn vẹn quyền dân tộc tự quyết.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân, thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á — một khu vực thuộc địa với những quyền lợi phức tạp rối ren của các tập đoàn, các hệ thống đế quốc chủ nghĩa, đã đưa lại cho các dân tộc bị áp bức một bằng chứng đanh thép rằng đã đến lúc họ có thể đi thẳng vào con đường ấy, tự họ họ có thể thực hiện được quyền tự quyết ấy.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi ở Việt-nam là nơi xa các chiến trường lớn, xa những nơi quyết định số phận của phát-xít Đức — Nhật như Đông Âu và Đông Bắc Á. Đương nhiên, một điều kiện vô cùng quan trọng, có tính chất quyết định đối với sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, là sự thất bại của phát-xít Đức — Nhật dưới những đòn tiến công quyết liệt của đội chủ lực trong liên minh các lực lượng dân chủ lúc đó, là Hồng quân Liên-xô. Tuy nhiên, không phải bất cứ ở đâu sự sụp đổ của phát-xít Đức — Nhật cũng đưa lại thắng lợi ngay cho cách mạng, nhất là những nước ở xa các chiến trường quyết định. Nói cách khác, tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt-nam đã nắm vững thời cơ là sự sụp đổ của chủ nghĩa phát-xít, để hoàn toàn tự tay mình giải phóng cho mình, đã chủ động phá tung một móc trong dây xích của hệ thống đế quốc chủ nghĩa, biến khả năng thắng lợi của cách mạng thành hiện thực.

Phát-xít Đức bị đánh bại, hàng chục nước Đông Âu bị quân Hit-le chiếm đóng và nô dịch, đã thoát khỏi nanh vuốt của ngoại xâm, đồng thời nhân dân đã giành được chính quyền và thiết lập chế độ dân chủ nhân dân. Như thế là thời gian khi Cách mạng tháng Tám ở Việt-nam thắng lợi và nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời, về căn bản ăn khớp với thời gian khi ở châu Âu xuất hiện hình thái đầu tiên của hệ thống chính trị — xã hội mới — hệ thống xã hội chủ nghĩa, tuy Việt-nam thiếu

những điều kiện quốc tế thuận lợi như các nước Đông Âu lúc đó.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi với sự xuất hiện nước Việt-nam dân chủ cộng hòa là một sự *đóng góp lịch sử, chủ động vào sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới*. Sự đóng góp đó rất quan trọng đối với việc củng cố hệ thống ấy, tầm quan trọng ấy ngày càng tăng, bởi vì sau khi thành công, cách mạng Việt-nam phải đương đầu và thắng lợi vượt qua bao nhiêu thử thách, đã đánh bại tất cả những âm mưu bao vây, bóp chết cách mạng, can thiệp, lật đổ và xâm lược vũ trang của các tập đoàn đế quốc và các lực lượng phản động ngoài và trong nước, bởi vì nó kiên trì và không ngừng phát huy tác dụng như là liên-đồn phía Đông của phe xã hội chủ nghĩa, bởi vì nó luôn luôn giữ trong cao ngọan cơ bảo vệ độc lập và tự do cho dân tộc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi có một vị trí hàng đầu và một ảnh hưởng lớn trên trường quốc tế còn nhờ có một yếu tố cực kỳ quan trọng này nữa, là *vai trò rất to lớn, kiệt xuất của sự hoạt động cách mạng trong bao nhiêu năm của Hồ Chủ tịch trên quốc tế*.

Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mỗi bước phát triển mới của cách mạng Việt-nam gắn chặt với tên tuổi và sự hoạt động của Người. Chiến tranh vừa kết thúc, Hồ Chủ tịch, với bản yêu sách nổi tiếng, đã bắn một phát súng vào pháo đài của bọn đế quốc — Hòa hội Véc-xai. Phe đế quốc chiến thắng đương đường tự đắc, bần nhau chia quả thực của chiến thắng mà những mục tiêu cơ bản là tăng cường ách nô dịch đối với các dân tộc bị áp bức, bao vây và bóp chết nước Nga xô-viết, đè bẹp cơn bão táp cách mạng đang bốc cháy ở châu Âu và ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

Việc đưa "bản yêu sách" đó đã nổ ra trong lòng chúng như một quả bom. Đó là một lời cảnh cáo đối với chúng của nhân dân Việt-nam, mà thực chất là của các dân tộc bị áp bức nói chung, lần đầu tiên và công khai, hiện ngang đòi lại những quyền dân tộc cơ bản của mình. Nó nói cho chúng biết: nhân dân Việt-nam, cũng như các dân tộc thuộc địa khác đã được thức tỉnh và từ nay sắp đi, bên cạnh giai cấp vô sản các nước tư bản, có hàng trăm triệu nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa chiến đấu để thoát khỏi ách nô lệ của chúng.

Miếng đồn ấy khá đau đối với bọn đế quốc. Bằng chứng là 26 năm sau, khi nói đến Cách

mạng tháng Tám và vị lãnh tụ của cách mạng, việc đầu tiên là chúng nhắc lại tung tích của Hồ Chủ tịch. Tháng 10-1945, trong một bài xã luận nói về Cách mạng tháng Tám, tờ báo Mỹ «News Week» (Tin hàng tuần) đã viết: "Chủ tịch nước Việt-nam dân chủ cộng hòa Hồ Chí Minh tên thật là Nguyễn Ái Quốc, người đã gửi đến Hòa hội Véc-xai 1919 bản yêu sách nổi tiếng".

• Từ đó sắp đi sự hoạt động của Hồ Chủ tịch một mặt là nhằm tạo ra cho cách mạng Việt-nam một cơ sở chính trị, tư tưởng và tổ chức vững chắc để đi đến thắng lợi, mà những yếu tố quyết định là: có đường lối cách mạng đúng đắn, thành lập Đảng tiên phong của giai cấp công nhân, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng, khối liên minh công nông vững mạnh và khối đoàn kết rộng rãi của toàn dân chống chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, là tăng cường sự đoàn kết chiến đấu quốc tế, giữa giai cấp công nhân ở các nước tư bản và dân tộc thuộc địa, và giữa các dân tộc bị áp bức.

Trong một phần tư thế kỷ, hoạt động của Hồ Chủ tịch trên trường quốc tế, với sự giúp đỡ của phong trào cộng sản quốc tế, mà Người là một nhân vật lãnh đạo, đã xây dựng và tích tụ lực lượng tạo tiền đề cho cách mạng Việt-nam thắng lợi, đồng thời, bằng nhiệt tình cách mạng mà Người là tấm gương chói lọi, bằng hoạt động cách mạng không một mồi, tinh thần chịu đựng và vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, nêu cao gương đạo đức cách mạng sáng ngời như pha-lê, tinh nguyên tắc cao độ, không khoan nhượng, kết hợp với sự khôn khéo, mềm dẻo diển hình; tinh thần nhân đạo cao cả và bao la, và sự tiếp xúc, liên hệ chặt chẽ và hòa mình với quần chúng, Người đã góp phần rất tích cực trong việc nhen lên tinh thần cách mạng trong giai cấp công nhân các nước tư bản và các dân tộc bị áp bức ở Âu, Mỹ, Á, Phi, đã góp một phần rất quan trọng trong việc xây dựng và tăng cường tinh thần đoàn kết chiến đấu trong phong trào cộng sản quốc tế, đã lãnh đạo Đảng ta trong việc vận dụng một cách tài tình, sáng tạo học thuyết Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt-nam, phát triển và làm giàu thêm lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa.

Trước Cách mạng tháng Tám, trong những năm 20 và 30, khi nhắc đến tên tuổi của Hồ Chủ tịch, những nhân vật của phong trào công nhân các nước tư bản và của phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa đều nói lên những lời nói ấm áp, triu mến và kính trọng

sâu sắc. Cho nên, khi Cách mạng tháng Tám mới thành công, mặc dầu họ chưa biết gì hết về tính chất của Cách mạng tháng Tám,

nhưng khi chỉ mới biết được Hồ Chủ tịch đứng đầu Chính phủ cách mạng, thì mọi người đều tỏ sự vui mừng và niềm tin tuyệt đối.

Như vậy, chúng ta nhận thấy rằng: thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và vị trí và ảnh hưởng quốc tế của nó, là: xuất phát từ sự vận dụng đúng đắn và độc đáo, sáng tạo học thuyết của Mác Lê-nin về cách mạng giải phóng dân tộc ở những mặt chính sau đây:

1. Về lý luận: triệt để vận dụng theo tinh thần cách mạng một trong những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa đế quốc là mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa đế quốc, gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và dân chủ, kết hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản ở các nước tư bản do mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa hai giai cấp ấy. Hai giòng thác cách mạng ấy kết hợp lại trong một mặt trận thống nhất quốc tế chống kẻ thù chung — chủ nghĩa đế quốc. Đó là cơ sở giai cấp của cách mạng giải phóng thuộc địa.

Mâu thuẫn giữa bọn đế quốc, nó là mâu thuẫn cơ bản thứ ba của thời đại, cũng rất quan trọng, nhưng là phụ. Nó chỉ tạo thời cơ, một hoàn cảnh khách quan thuận lợi nhất định, chứ không quyết định được thắng lợi của cách mạng. Khi cần, có thể và phải lợi dụng nó, song phải đứng vững trên lập trường giai cấp nói trên — sự đoàn kết trong mặt trận chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc của phong trào cách mạng của giai cấp công nhân các nước tư bản và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa.

Ví dụ điển hình về mặt ấy là việc Cách mạng tháng Tám đã phá được âm mưu của các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế chúng hòng bóp chết cách mạng trong thời kỳ quân « đồng minh » kéo vào Việt-nam.

Nếu chỉ dựa vào mâu thuẫn giữa bọn đế quốc mà không có cơ sở, lập trường giai cấp, không đi theo đường lối cách mạng của giai cấp vô sản, thì cái kết quả không tránh khỏi là thay đổi xiềng xích nô lệ, thay thầy đổi chủ, đầu có núp dưới chiêu bài « độc lập » hay « quốc gia » gì đó (như bọn Đại Việt thân Nhật, bọn Việt quốc, Việt cách thân Mỹ — Tưởng). Trong giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ hai, thì đó là con đường đầy dẫy nước vào nanh vuốt của chủ nghĩa thực dân mới.

Đi theo đường lối cách mạng của giai cấp vô sản — đường lối của chủ nghĩa quốc tế vô sản, thì cách mạng thuộc địa, trong một hoàn cảnh quốc tế nhất định, hoàn toàn có khả năng thành công trước khi giai cấp công nhân giành thắng lợi ở chính quốc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là một sự thuyết minh huy hoàng cho luận điểm của Lê-nin rằng trong thời đại chúng ta, thời đại cách mạng vô sản thắng lợi, các dân tộc bị áp bức có thể góp phần tích cực quyết định vận mệnh của loài người.

Điểm quan trọng thứ hai, là đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản, mặc dầu hoàn cảnh quốc tế chưa thuận lợi, mặc dầu còn ở trong tình thế bị các lực lượng thù địch bao vây, cách mạng vẫn có thể đứng vững. Vấn đề là không sợ đế quốc và kiên trì cách mạng.

2. Tinh thần cách mạng tiến công. Trong thời đại suy vong của chủ nghĩa đế quốc và thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tinh thần cách mạng triệt để, cách mạng tiến công là nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi. Nhưng phải hiểu và vận dụng một cách biện chứng tinh thần đó. Tinh thần đó không có nghĩa là trong một lúc, ở khắp nơi, cách mạng nổi lên đồng loạt, theo một công thức như nhau và đánh sụp toàn bộ chủ nghĩa đế quốc ngay tức khắc. Nó có nghĩa là đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc từng bước, đánh đổ nó từng bộ phận. Tất nhiên bất cứ ở đâu và lúc nào, bất cứ đối với tên đế quốc nào, không dùng bạo lực cách mạng thì không thể đánh đổ nó được. Nhưng, việc vận dụng bạo lực cách mạng phải rất sáng tạo, tùy nơi và tùy lúc.

3. Đường lối độc lập, tinh thần chủ động. Để thực hiện tinh thần cách mạng nói trên, yếu tố rất quan trọng là Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng phải có đường lối độc lập, có tinh thần chủ động. Có đường lối độc lập, có tinh thần chủ động để đưa cách mạng tiến lên, góp phần tích cực và có hiệu quả nhất vào cuộc cách mạng tiến công chung của thời đại, chứ không phải để thỏa hiệp với đế quốc, để đưa cách mạng thụt lùi. Nhờ có đường lối độc lập, nhờ chủ động, phát huy sáng kiến cách mạng theo tinh

thần nói trên mà Cách mạng tháng Tám đã đạt được ba mục tiêu, thực hiện một cách vẻ vang nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ quốc tế của mình:

1) Giải phóng cho dân tộc khỏi xiềng xích nô lệ;

2) Phá vỡ một mối trong sợi dây xích của hệ thống đế quốc chủ nghĩa quốc tế, giúp thiết thực cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa khác;

3) Góp phần củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Chiến tranh xâm lược mà đế quốc Mỹ tiến hành chống nhân dân ta với một tinh thần ngoan cố, tàn bạo, dã man và quy mô chưa từng có, đó là một sự tấn công của chủ nghĩa thực dân mới vào một trong những đỉnh lũy kiên cường của cách mạng thế giới.

Nhưng đó là cuộc tấn công trong thế yếu, của chủ nghĩa đế quốc nói chung. Bởi vì Cách mạng tháng Tám, dưới ngọn cờ của nó, nhân dân ta tiến lên trong 24 năm, có một vị trí và ảnh hưởng quốc tế ngày càng lớn. Nó là một trở ngại lớn trên con đường giành lại những vị trí đã mất của chủ nghĩa đế quốc.

Nhân dân ta ngày nay đã mạnh hơn khi Cách mạng tháng Tám mới thành công, mạnh hơn lúc tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp, mạnh hơn khi miền Bắc mới đi vào chủ nghĩa xã hội. Phe xã hội chủ nghĩa ngày nay mạnh hơn cách đây hơn 20 năm. Trong hơn 20 năm nay, phong trào giải phóng dân tộc cũng đã giành được những thắng lợi vĩ đại. Cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân ở các nước từ bản phát triển ngày càng mạnh. Cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội của đông đảo các tầng lớp trí thức, thanh niên, sinh viên ở các nước từ bản dâng lên ngày càng cao. Chủ nghĩa đế quốc bị đánh sụp từ mảng này đến mảng khác, bị đẩy lùi từ vị trí này đến vị trí khác, sấm sét từ bốn phương giáng vào đầu nó.

Nhân dân ta, gương cao ngọn cờ của Cách mạng tháng Tám, đang thắng lợi vượt qua cơn thử thách lớn nhất của thời đại, đang đánh thắng tên đế quốc mạnh nhất trên thế giới, kẻ thù số một của loài người. Ta đang đánh thắng nó và sẽ hoàn toàn đánh thắng nó bởi vì ta có ngọn cờ chính nghĩa của Cách mạng tháng Tám tiêu biểu cho chí quyết cường của 4.000 năm lịch sử của dân tộc và tinh thần làm chủ của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong giai đoạn lịch sử ngày nay. Ta đánh thắng đế quốc Mỹ, bởi vì ta có sự ủng hộ của toàn cả loài người tiến bộ, và cuộc đấu tranh thắng lợi của ta lại là một sự động viên, cổ vũ và đầy mạnh phong trào của nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam, chống Mỹ.

Ta đánh thắng đế quốc Mỹ, đó là đòn thất bại nặng nề đầu tiên của chủ nghĩa thực dân mới. Chủ nghĩa thực dân mới là sản phẩm của sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc bị dồn vào thế thủ, thì nhất định nó bị thất bại khi nó húc đầu vào ý chí của một dân tộc đã chiến thắng chủ nghĩa thực dân và đứng trong hàng ngũ các lực lượng tiến bộ thế giới đang tiến công chủ nghĩa đế quốc khắp nơi, trong cuộc tấn công đó nhân dân ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay luôn luôn đứng ở tuyến đầu.

Không sợ đế quốc, không khoan nhượng, thỏa hiệp với đế quốc, và có khả năng thắng nó và biết thắng nó, đó là bài học to lớn mà Cách mạng tháng Tám đã nêu lên, mà cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã phát triển đến cao độ.

Vì vậy, nhân dân thế giới chân thành tặng cho nhân dân ta danh hiệu cao quý là *vinh dự của loài người*. Ủng hộ nhân dân Việt-nam chống Mỹ đã trở thành một nghĩa vụ, một tiêu chuẩn của tinh thần cách mạng, của chính nghĩa, của tiến bộ. Bởi vì vấn đề không phải chỉ là thông cảm với nhân dân Việt-nam đang chịu những hy sinh đau khổ vô ngần, mà còn là vì quyền lợi thiết thân của các dân tộc. Không phải chỉ là vấn đề lương tri, mà nó còn có quan hệ đến vận mệnh của các dân tộc nữa.

Sự quang vinh bất diệt của Cách mạng tháng Tám là không những nó đã thực hiện sự tái sinh của dân tộc ta, mà nó còn mở đường cho dân tộc ta tham gia tích cực và có hiệu quả vào việc phá tan xiềng xích của các dân tộc khác. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta vì độc lập, tự do là một cống hiến kiệt xuất cho cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của các dân tộc. Đối với toàn thể loài người, không gì quý hơn độc lập, tự do. Vì vậy, mà cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta có một sức hấp dẫn kỳ diệu đối với sự tập hợp, động viên, đoàn kết các lực lượng tiến bộ trên thế giới ủng hộ nhân dân ta ngày càng mạnh mẽ, điều mà cả loài người tiến bộ nhận là một nghĩa vụ quang vinh của mình, nghĩa vụ của tình cảm và lý trí của hàng triệu người trên trái đất.

Khởi nghĩa ở Đệ tứ chiến khu

Hồi ký của TRẦN CUNG

« Đệ tứ chiến khu » — căn cứ địa cách mạng của vùng mỏ, vùng duyên hải và nông thôn ở miền Đông Bắc, được xây dựng từ tháng sáu năm 1945 và góp phần vào thắng lợi to lớn của Cách mạng tháng Tám.

Nhân dịp này, để bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo về lịch sử Cách mạng tháng Tám, chúng tôi đăng dưới đây một đoạn trong bản thảo tập hồi ký dài Những màu chuyện về Đệ tứ chiến khu của đồng chí Trần Cung — một trong những cán bộ lãnh đạo của chiến khu.

Tạp chí N.C.L.S

... **C**hỉ thị « Nhật — Pháp bắn nhau và hành động của ta » của Thường vụ Trung ương đến với chúng tôi giữa không khí sôi sục, khẩn trương mà phức tạp của tình hình đầu năm 1945, như một ngọn đèn pha bật thẳng lên một luồng sáng soi tỏ con đường đi tới cho chúng tôi. Đối với những cán bộ Đảng hoạt động ở các tỉnh Hải-dương, Hòn-gai, Quảng-yên, Kiến-an, Hải-phòng... lúc ấy, chỉ thị của Đảng đã nhanh chóng trở thành cương lĩnh hành động.

Chuẩn bị tổng khởi nghĩa cướp chính quyền! Khởi nghĩa! Lập chiến khu! Sức mạnh và trí lực của cán bộ, địa hình và địa thế ở trong miền, chỗ mạnh và chỗ yếu, khả năng và triển vọng..., tất cả những điều đó, ngày này qua ngày khác, đem đối chiếu cặn kẽ với nội dung và tinh thần của *Chỉ thị*, chúng tôi cố gắng suy tính, bàn bạc, cân nhắc, tính toán, đề rồi cuối cùng, báo cáo lên trên và đi đến quyết định: chuẩn bị trực tiếp khởi nghĩa ở trong miền!

I

CÁCH MẠNG SỬA SOẠN RA QUÂN

« Lấy súng địch để đánh địch » và công việc vận động binh lính bỏ hàng ngũ địch.

Một trong những công việc quan trọng và cấp thiết để tiến tới lập chiến khu là chuẩn bị vũ khí. Anh em chúng tôi — cán bộ cũng như quần chúng — ai cũng ngày đêm lo nghĩ về vấn đề này.

Một hôm, đến họp với tổ thanh niên phố Phả-lại — ở sát ngay kho súng của đồn lính Nhật — tôi đem việc « xoay » súng ra bàn với anh em.

— Ta thì đang cần súng để chuẩn bị Tổng

khởi nghĩa, các cậu lại nằm ngay bên đồng súng! Có cách gì không?

Nghe tôi nói, anh em nhìn nhau, mỉm cười. Tôi đoán có lẽ họ đã lấy được súng, hay ít ra thì cũng đã có ý định ấy rồi. Anh em đề nghị nghỉ họp mấy phút « để suy nghĩ ». Sau đó, khi trở lại họp, một anh lẳng lặng rút từ trong người ra một khẩu súng lục kiểu *Uy-ních 7.65*, dúi vào tay tôi:

— Đề anh dùng đi công tác. Của thằng đội Nhật Nô-ha-ra đấy...

Nô-ha-ra là thắng đội Nhật ngày trước đóng ở đồn Phả-lại. Anh em trong tổ thanh niên Phả-lại đã làm quen được với nó khi vào đồn nhận việc khâu thuê và nhận đó biết nó có hai khẩu súng lục. Đang định kế hoạch lấy súng của tên này thì đột nhiên, Nô-ha-ra bị đổi về đóng ở tận trại Tòng, Sơn-tây. Không bỏ con mồi, anh em bàn cách cử người đến tận chỗ đóng quân mới của Nô-ha-ra, vờ tìm nó để xin việc làm, rồi thừa cơ lấy súng cho kỷ được. Hai thanh niên được giao phó việc này đã mượn xe đạp, lặn lội lên đường và hẹn với nhau: «Nếu chẳng may thắng nào bị bắt thì chỉ được khai là ăn cắp đem bán lấy tiền đóng gạo (1), chứ nhất định không được khai ra tổ chức, quá lắm, chịu mỗ bụng là cùng... ».

Quyết tâm đó, cùng với gan dạ và mưu trí, đã giúp anh em thành công. Vượt nằng mưa và đường dãi, nhận đối nhện khắt, thoát được bao trạm gác và những hiểm nghèo khác, anh em đã lọt vào được tận nhà của tên đội Nhật, thừa lúc nó sơ hở, lấy được một khẩu súng, đem về...

Nhận khẩu súng anh em trao tận tay, khẩu súng đầu tiên về với chiến khu đang xây dựng, cùng một lúc, theo dõi câu chuyện tổ chức lấy trộm súng, tôi vừa phấn khởi, vừa cảm động. Quân chúng đã đóng góp cho cách mạng, tha thiết và cụ thể đến như thế!

Từ đây, công việc «xoay» súng được tiến hành thận trọng nhưng rất khẩn trương. Từ trong ý thức, mỗi người đều thấm thía rằng muốn khởi nghĩa, lập chiến khu thì phải có súng. Nhưng tiền đâu mà mua súng? Hơn nữa, cho dù có tiền cũng chẳng dễ mà mua! Cho nên chỉ có một cách tốt nhất là «lấy súng của địch để đánh địch». Và tất cả chúng tôi đều quyết tâm như thế.

Việc tổ chức lấy súng của Nhật được tiến hành song song với việc vận động anh em binh lính bỏ hàng ngũ địch về với cách mạng có mang theo vũ khí. Và hầu hết những công việc đó là do anh Nguyễn Bình thực hiện. Nhờ có sự thông minh, tháo vát, tính gan dạ, bình tĩnh và lòng hy sinh, tận tụy của anh, công việc buổi đầu có nhiều khó khăn, phức tạp và nặng nề đó đã vượt qua được những nguy hiểm, gian nan, tạo ra được những cơ sở vật chất đầu tiên cho việc thành lập chiến khu. Việc lấy súng ở trong nhà, trong đồn, trong kho lính Nhật, việc tổ chức cho binh lính bỏ hàng ngũ địch về với cách mạng, mang theo vũ khí, ngày càng có kinh nghiệm.

Theo kế hoạch của Nguyễn Bình, có lần anh em thủy thủ tàu «Com-măng-đăng Buốc-

đơ» đã tổ chức tháo hãn được hai khẩu đại liên trên tàu mang về với Cách mạng. Công việc này lúc đầu vấp phải rất nhiều trở ngại; do sự canh phòng cẩn mật của địch và do những yếu tố bất ngờ làm trục trặc sự phối hợp hành động giữa chúng tôi và anh em lính lính trên tàu. Có lần anh em binh lính đã tính cả đến chuyện dõc thuốc dõc vào món thịt bò sào của bọn Nhật chỉ huy tàu, để dễ bề đem vũ khí về với cách mạng. Nhưng cũng không thành. Cuối cùng, một đêm, thừa cơ bọn Nhật lao vào cuộc đổ đên cờ bạc, anh em lén lên boong, tháo súng, ra khỏi bệ, chuồn bị chuyển lên bờ.

Hì hục dõc vận vừa xong thì đột nhiên vờ dõm bạc, bọn Nhật vừa cãi nhau ầm ĩ, vừa rầm rập kéo lên boong. Tình hình rất khẩn cấp. Anh em binh lính một mặt nhanh chóng lấy bạt vờ dõ che những khẩu đại liên lại như cũ, một mặt kín đáo rút súng cầm tay sẵn sàng đối phó. May sao, bọn Nhật lại kéo nhau ra đầu tàu bàn bạc. Sau một lúc rất lâu—càng lâu đối với những người căng thẳng trong tư thế theo dõi, đối phó—bọn Nhật mới lục tục kéo nhau xuống lòng tàu. Hai khẩu đại liên và hai hòm đạn được ròng dõ thả gọn xuống chiếc xuống gỗ dõ ngay cạnh dõ, bõ vớ vào bờ.

Nguyễn Bình đã bố trí người chờ anh em tại dõ. Nhưng từ dõ vào tới khu căn cứ tạm thời, còn phải vượt qua nhiều trạm gác và các đội tuần tra nữa của địch. Kể vác súng, người khiêng đạn, đội lấy trộm súng được tổ chức thành một đội tuần tra giả, do một người biết tiếng Nhật đi đầu, tiến thẳng ra mé sông Kinh Thầy. Dõc dõng, mỗi lần bị chặn lại, «đội trưởng người Nhật» lại câu kinh gặt gặt quát tháo một hồi, rồi ra lệnh vượt ngay lẹ.

Cứ thế mà đi, vừa lợ bùn lại xuống rệ sông thì đã thấy Nguyễn Bình với chiếc thuyền chực sẵn ở dõ. Nhưng kiểm dõm lại thì bỗng phát hiện còn thiếu mất một khẩu súng và một người. Thì ra, thấy lấy được súng, đồng chí đó mừng quá, xốc ngay súng lên vai—khẩu súng bình thường phải hai người mới mang nổi—hăm hở đi đến nỗi lạc cả đường. Bước thấp bước cao, ngã dõu ngã dõu giữa đêm tối như bưng, lại vấp phải trạm gác, cuối cùng, người đành phải dõ súng vào bụi cỏ dõ lần về với đoàn.

Vốn mê súng như vợ con, Nguyễn Bình tiếc súng ngần cả người, quyết định quay trở lại tìm, mặc lời can ngăn của mọi người, và kể cả trời đã sắp sáng. Nhưng vì mất kèm, phải nũ lấy người khác dõ đi, thành ra vừa

(1) Lúc này nạn đói đã hoành hành dữ dội ở khắp nơi.

được một quăng, Nguyễn Bình đã ngã lẩn kên, lúi cả bạn ngã theo. Bị sai chân sút trán, lúc ấy Nguyễn Bình mới chịu xuống thuyền về căn cứ với anh em.

Thế lại là có thêm súng về với cách mạng. Và lần này là súng đại liên chứ không phải súng lục. Mà đại liên thì không thể cầm trên tay hay đặt trực tiếp trên bờ đất mà bắn như súng trường được. Nó cần có một bộ chân ba càng thật vững. Khi còn ở trên tàu, nó nằm trên một cái bệ lớn đóng liền vào sàn tàu mà anh em thủy thủ không thể lấy đi theo được. Nguyễn Bình cùng mấy anh em thủy thủ nghiên cứu mãi để vẽ ra một cái chân súng và đi tìm người làm. Về Hải-phòng đã ba bốn ngày mà vẫn không giải quyết được việc làm chân súng, Nguyễn Bình lại lộn trở lại Mạo-khe. Anh đem tình hình ra bàn với một đồng chí công nhân là cơ sở của ta ở trong nhà máy cơ khí. Không ngờ công việc lại được giải quyết ổn thỏa ngay. Chỉ hai ngày sau, bộ chân súng đại liên đã được anh em công nhân nhà máy Mạo-khe bí mật làm xong. Có nhiệt tình, bàn tay và khối óc công nhân, công việc chẳng phải chỉ dừng lại ở đây. Tiếp theo bộ chân súng là đạn, rồi là lựu đạn. Xưởng cơ khí Mạo-khe đã dần dần biến thành một công binh xưởng bí mật của chiến khu. Nhiều trường hợp sửa chữa và chế tạo vũ khí về sau đã được tiến hành ở đây.

Một trong những nơi mà Nguyễn Bình gây cơ sở để tổ chức lấy súng và vận động binh lính bỏ hàng ngũ địch còn là trại lính khổ xanh Kiến-an. Cuối tháng 4 năm 1945, Nguyễn Bình đã về thẳng Kiến-an để gặp nhân mối của ta ở trong trại lính tại đây. Anh đã được cơ sở báo cáo rất tốt về tình hình binh lính trong trại. Nhiều người đã công khai tỏ rõ thái độ chán ghét bọn Nhật và tay sai. Chỗ nào cũng nghe thấy bàn tán về những chuyện Việt minh phá kho thóc, Việt minh trừng trị mật thám, viết gian... Mỗi khi nhận được một tờ « Cứu quốc » hoặc « Cờ giải phóng », mỗi lúc thấy xuất hiện một tờ truyền đơn cách mạng, anh em lại xúm xít nhau đọc rồi truyền tay cho nhau, làm cho bọn quản, đội, cai tức tối lồng lộn, tìm đủ mọi cách để ngăn chặn, trấn áp.

Nắm được đầy đủ tình hình thuận lợi cũng như khó khăn, Nguyễn Bình chủ trương vận động anh em binh lính lấy súng đạn của địch chuyển dần về căn cứ trước, rồi thận trọng và chu đáo, tổ chức đưa anh em về với cách mạng sau. Thực hiện chủ trương đó, các nhân mối cơ sở của ta ở trong trại khổ xanh Kiến-an hoạt động ráo riết. Anh em tìm đủ mọi cách để sang bên trại lính khổ đỏ —

nơi bọn Nhật đóng quân — lấy về, khi thì súng trường và đạn, lúc thì súng lục, chuyển dần về căn cứ. Ròng rã mấy tháng liền, một số lượng quan trọng vũ khí đã từ trại khổ xanh Kiến-an về với cách mạng và đến lúc công việc chuẩn bị để đưa toàn bộ anh em binh lính ở đây về chiến khu đã chín muồi, thì cuộc Tổng khởi nghĩa bùng nổ. Lực lượng binh lính được giác ngộ đã nhanh chóng trở thành hạt nhân tham gia khởi nghĩa ở Kiến-an. Nhiều anh em ở đây đã đứng trong hàng ngũ của Đảng và trở thành cán bộ quân sự của Đảng.

Công việc chuẩn bị người và vũ khí cho việc xây dựng chiến khu cứ như thế tiến hành, khẩn trương mà thận trọng. Bên cạnh việc vận động tổ chức trong công nhân, nông dân những lực lượng chủ chốt trung kiên của cách mạng, việc bắt mối, gây rẽ, bồi dưỡng hạt nhân, tổ chức cốt cán cũng được tiến hành ngày càng sâu rộng trong lực lượng binh lính ở các đồn trại địch. Trong khoảng hai ba tháng, chúng tôi đã cố gắng chuẩn bị gấp rút những điều kiện để thành lập sớm một đơn vị bộ đội vũ trang đầu tiên của chiến khu. Trong vấn đề này, nổi lên vai trò của các anh em ở đơn vị Cửa Ông.

Đây là những binh lính đã được giác ngộ cách mạng đóng ở đồn Cửa Ông ngoài Cẩm-phả, do anh Phan Mạnh Hà — lúc đó đóng chức « cai », nên thường gọi là Cai Hà — đứng đầu. Sau khi đã bàn định, lựa chọn, cân nhắc, chúng tôi quyết định đưa gọn đơn vị của anh Hà về chiến khu, xây dựng thành đơn vị bộ đội vũ trang đầu tiên của cách mạng. Anh Nguyễn Bình đã thay mặt ban lãnh đạo thành lập chiến khu Duyên hải Đông Bắc bí mật truyền đạt kế hoạch hành động cho anh Cai Hà: Lợi dụng hai ngày lễ liền nhau, ngày Quốc tế lao động 1-5 và ngày « Gia long khai sản » 2-5, vờ dẫn binh lính đi tuần biển rồi đưa thẳng người và vũ khí về chiến khu!

Lá thư bí mật của Nguyễn Bình đến Cửa Ông chiều ngày 1-5. Lệnh hành quân thật gấp mà binh lính trong đồn thì lại nhàn ngày lễ, đã rời trại đi chơi gần hết. Tuy vậy, đến tối, Cai Hà cũng đã bố trí được một đơn vị gồm 16 người trong tổ chức « quân nhân cứu quốc » với 12 khẩu súng trường, 1 súng phóng lựu và 2 hòm lựu đạn, không kể các túi dết cá nhân đầy đạn, sẵn sàng lên đường.

1 giờ sáng ngày 2-5, chiếc thuyền chở các binh lính yêu nước rời bến Cửa Ông, phóng thẳng ra vịnh Bái tử long. Rạng sáng hôm đó, Cai Hà cho thuyền ghé vào núi U-bò rậm rạp giấu quân, chờ đến tối, lại tiếp tục lên đường.

Qua Tuần-châu, Cát-hải, Quảng-yên, thuyền đi suốt đêm đến hừng sáng thì rẽ vào cửa sông Bạch-đăng. Ngược dòng sông lịch sử, vừa đến cầu Đá-bạc thì 6 chiếc phóng pháo của Mỹ tuốt đánh bọn Nhật ầm ầm bay tới. Gặp thuyền của ta, chúng sa xuống nã đạn tới tấp, nhưng anh em đã lái thuyền tránh được. Thoát khỏi máy bay Mỹ, tránh được bọn tuần tra Nhật và bọn lính đoan, chiếc thuyền chở anh em binh lính Cửa Ông lại vượt dòng sông Bạch-đăng, vào sông Đá-bạc và sông Kinh Thầy, tới sông Đạm-thủy. Ở đó, họ đã gặp Nguyễn Bình chờ sẵn, đón lên chùa Ngọc-thanh.

Sáng ngày 10-5-1945, trước 16 anh em binh lính đồn Cửa Ông và 3 thủy thủ tàu «Com-măng-đăng Buộc-đe» giờ đã được tổ chức thành tiền đội du kích tập trung đầu tiên của chiến khu, đồng chí Nguyễn Bình xúc động và phấn khởi tự hào, thay mặt Ban lãnh đạo chiến khu trao cho anh em lá cờ đỏ sao vàng của Mặt trận Việt minh. Đơn vị bộ đội vũ trang đầu tiên của chiến khu đã chính thức ra đời.

Trừng trị việt gian, phân hóa kẻ thù.

Ở vùng Duyên hải, vào khoảng đầu năm 1945, chính quyền bù nhìn cũng như phát xít Nhật đều tỏ ra hết sức bất lực trong việc trị an. Thỏ phi cướp bóc nổi dậy như rươi. Ngay chính bọn cường hào, nhiều tên đứng ra làm tay sai cho giặc trong các chức vụ lý trưởng, chánh tổng..., cũng một mặt cố sức tăng công với chủ, chống phá cách mạng, một mặt, ý thức làm càn, ức hiếp đồng bào tàn tệ. Nhân dân sống trong tình trạng ngày đêm nom nớp lo sợ. Công tác cách mạng do đấy mà cũng gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Để bảo vệ đời sống an ninh của nhân dân, cũng như nhằm giảm bớt khó khăn cho hoạt động cách mạng, nạn thỏ phi và trộm cướp phải được giải quyết. Chủ trương của Tỉnh ủy Hải-dương lúc ấy là tranh thủ phân hóa, kiểm chế rồi làm tan rã và tiêu diệt những bọn phản động và phá hoại đó. Khi được giao nhiệm vụ thực hiện chủ trương này, chúng tôi đã nhận thấy rằng muốn tranh thủ phân hóa được bọn thỏ phi, trước hết phải trừng trị một hai tên đầu sỏ để cảnh cáo chúng đã.

Chúng tôi chú ý trước tiên đến tên Lý Thùy ở huyện Chí-linh. Tên này là một cường hào đại gian ác, tay chân của tri phủ Kinh-môn Đỗ Quang Giai. Ngoài việc đè nén tàn tệ và bóc lột nhân dân đến tận xương tủy, Lý Thùy còn là đầu sỏ của một bầy lưu manh từ nhiều nơi tụ về, chuyên cướp bóc hãm hiếp nhân dân quanh vùng. Bọn chúng có súng lại thạo võ,

sinh hoạt thì khi tụ khi tan bất thường. Riêng Lý Thùy, lúc nào cũng có năm sáu tên thủ túc lợi hại túc trực chung quanh.

Chúng tôi đề một thời gian nghiên cứu kỹ tình hình cơ sở quần chúng của ta ở vùng này và kiểm tra cẩn thận qui luật sinh hoạt của bọn Lý Thùy. Thế rồi, vào một buổi chiều giữa tháng 5-1945, tôi đã cùng anh Hải Thanh và «Đội danh dự cách mạng» đến làng An-mô để thi hành «Bản án Lý Thùy» của Tòa án cách mạng. Chúng tôi bố trí lực lượng trừ gian thành ba tổ: một tổ ở đầu làng An-mô là nơi hành hình, một tổ ở đầu ngõ nhà Lý Thùy để tiếp ứng và một tổ theo anh Hải Thanh vào tận nhà tên phản động để bắt nó.

Từ chỗ ngụ cư của hắn, tên Lý Thùy đã bị điệu ra địa điểm hành hình và đền tội ở đó. Bản cáo thị về việc xử tử tên Lý Thùy, được dán khắp các huyện Chí-linh, Đông-triều, Kinh-môn, Nam-sách. Tên tri huyện Chí-linh vội vã phái bọn chánh phó tổng Chí-ngãi về An-mô điều tra, nhưng không một tên nào dám động cựa.

— Quan có khám xét thì về mà khám xét chứ chúng tôi không dám! Chúng nói như vậy vì sợ chữ ký «Tòa án Cách mạng Việt minh» ở các bản cáo thị dán ở khắp nơi.

Sau tên Lý Thùy ở Chí-linh, các tổ chức cách mạng còn trừng trị tên Vệ Thu ở Thủy-nguyên, tên Nhuệ ở Kinh-môn... Bọn trộm cướp từ đó phải chùn đi một bước. Còn nhân dân thì thở ra nhẹ nhõm và ngày càng tin tưởng, ủng hộ Việt minh.

Lúc này, sau những công việc bước đầu nhằm cảnh cáo bọn cướp phi như thế, tiếp tục thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Hải-dương, chúng tôi chuyển sang trực tiếp đối phó với những toán thỏ phi tập trung ở trong miền.

Lực lượng của bọn này không phải nhỏ. Chúng có nhiều toán, mỗi toán hoành hành ở một vùng, nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Toán nào cũng có hàng trăm tên, trang bị vũ khí đầy đủ. Những thắng đầu bọn đều là đặc vụ của Trưởng Glóit Thạch. Những người mà chúng lập hợp làm phỉ là những tên buôn lậu và lưu manh ở vùng Đông Bắc, cùng với một số quần chúng lao động vì sinh kế túng quẫn mà bị chúng lôi kéo.

Bọn thỏ phi hoạt động rất ngang ngược, đặc biệt là sau ngày 9-3-1945. Chúng cướp phá làng mạc giữa ban ngày, vây các thị trấn, các chợ, đặt súng máy ở hai đầu phố rồi vào các nhà vợ vét tự do. Có khi chúng viết thư tổng tiền, có khi chúng đốt sạch cả xóm sau khi đã cướp hết tài sản. Các đồn lính khố xanh đều không dám động đến chúng. Chúng đánh lại

cả lính Nhật và giương lên lá cờ « Trung Việt du kích quân » (1).

Khi bàn về chủ trương tranh thủ phân hóa bọn này, tuy có những ý kiến khác nhau, nhưng tôi và Hải Thanh vẫn thấy rằng lúc này uy thế của cách mạng đang lên cao, buộc được bọn chúng phải kiêng nể. Trên cơ sở đó, chúng tôi tin rằng sẽ có thể tranh thủ và kiềm chế được chúng.

Vào khoảng trung tuần tháng 5, tôi được ủy nhiệm nhân danh Tỉnh bộ Việt minh Hải-dương, viết một lá thư cho bọn trùm phi vùng Hồ Sếu, Cổ-mạnh (Chí-linh) là Lương Sâm, Lương Đại Bản, dựa vào danh nghĩa « Trung Việt du kích quân » của bọn chúng, đề thuyết phục chúng theo ta đánh Nhật. Kèm theo bức thư còn có một số truyền đơn, cáo thị, kêu gọi đoàn kết xung quanh Mặt trận Việt minh, và cả báo « Cứu quốc » nữa.

Thư gửi đi chưa được bao lâu thì vào khoảng cuối tháng 5, chúng tôi đã nhận được thư trả lời của bọn Lương Sâm. Lúc này, phong trào chống « thóc tạ », chống sưu thuế, phá kho thóc của Nhật càng sôi sục trong nhân dân. Nhiều tên trộm cướp đều sợ liên tiếp bị trừng trị. Ngay tại Chí-linh, tự vệ Phá-lại cũng vừa xử tử một tên ở Hồ Gổ. Những điều này hẳn đã ảnh hưởng đến bọn Lương Sâm. Bức thư hẳn viết cho chúng tôi bằng chữ Hán, có đóng dấu son khắc chữ triện và ký lên « Lương Tư lệnh trưởng », đại ý nói: « Chúng tôi cũng có ý nghĩ như lời trong thư của « quý Đảng ». Vậy xin « quý Đảng » cử đại biểu đến « bản doanh » để đàm luận... ».

Nghiên cứu bức thư của bọn phi và báo cáo của đường dây liên lạc về tình hình và thái độ của bọn phi lúc nhận thư của ta, chúng tôi phân đoán rằng việc vận động thuyết phục toàn Lương Sâm chắc chắn sẽ thu được kết quả. Tuy vậy, đến khi bàn việc cử người đi gặp bọn phi thì ý kiến lại phân kỳ. Một số đồng chí không tán thành đề tôi và Hải Thanh cũng đi vào sào huyệt phi, vì cho rằng như vậy là phiêu lưu, mạo hiểm, có thể dẫn tới những tổn thất lớn cho cách mạng. Các đồng chí nhấn mạnh đến tính chất lưu manh, phản trắc và thực tiễn hung đồ, càn rỡ của bọn phi. Chúng tôi cũng phải đem những tính toán cụ thể và quyết tâm của chúng tôi ra trình bày, phân tích kỹ lưỡng, cuối cùng mới tranh thủ được sự đồng ý miễn cưỡng của anh em.

Sáng ngày 25-5-1945, tôi và Hải Thanh cùng một đồng chí liên lạc lên đường, đi về phía Bắc-nội. Đường vào sào huyệt phi gặp ghềnh hiểm trở. Qua Bến Tắm, chùa Thờ-lời, đường

mòn vắng ngắt len lỏi giữa rừng cây, khe suối và núi cao. Trại phi nằm lọt vào giữa một thung lũng rộng. Lá cờ treo ở giữa sân trại là một lá cờ tế thần, có mang 5 chữ Hán: « Trung Việt du kích quân ».

Chúng tôi được đưa vào « đại bản doanh » và được báo là sẽ có « quan tư lệnh phó » tiếp. Một lát sau, Lương Đại Bản, đi ghệt, cao lớn, tay cầm roi ngựa, lưng đeo « pác-học », vừa rào bước vừa ngang ngựa quát tháo bọn tay chân, từ ngoài tiến vào. Thấy chúng tôi, hắn niềm nở bắt tay chào hỏi, nhưng bỗng lại quay ngay sang chiếc giường bên cạnh, đập roi ngựa đom đóp, hò hét ầm ỹ, đuổi một người đang nằm ở đấy đi nơi khác. Tôi và Hải Thanh nhìn nhau, thầm nhận định về « quan Tư lệnh phó »:

— Thật đúng là tướng phi!

Tướng phi « đàm luận » với chúng tôi, đề cập ngay đến việc cung ứng cho quân lính của hắn:

— Các ông xem, chúng tôi có hơn 1.000 quân (1). Ở đây chỉ có hơn 100 đừa mà ngày nào cũng phải giết lợn, làm gạo nhiều đến thế kia..

Hắn chỉ tay ra ngoài, chỗ một đám lâu la đang lăng xăng làm việc bếp núc. Chúng tôi biết ngay rằng đây chỉ là một màn kịch bố trí để khoa trương lực lượng. Tôi ôn tồn giải thích và giáo dục cho hắn: nếu đã là quân đội chống Nhật, mưu lợi ích cho nhân dân, thì tất nhiên sẽ được nhân dân nuôi dưỡng..

— Hàng nghìn hàng vạn quân du kích thoát ly ở các chiến khu đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ không những đã được nhân dân cung cấp lương thực, mà ngay cả quân trang quân giới cũng được nhân dân trang bị cho đầy đủ!

Tôi cố ý chỉ rõ cho hắn thấy điều quan trọng đó về sức mạnh của Cách mạng.

Bàn đến việc cụ thể phối hợp đánh Nhật, Lương Đại Bản cho chúng tôi biết là bọn hắn định đến đêm mùng 7 rạng ngày 8 tháng 6 thì sẽ khởi sự cướp huyện Chí-linh. Nếu ra kế hoạch của hắn, tướng phi nhằm thăm dò thái độ và khả năng giúp đỡ của chúng tôi. Nhưng rõ ràng đây là một điều có thể gây trở ngại cho kế hoạch khởi nghĩa của Cách mạng. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng và đầy đủ để tiến tới thành lập chiến khu bằng một cuộc khởi nghĩa nổ ra đồng loạt ở nhiều địa điểm, khiến địch trở tay không kịp. Chí-linh là một trong những địa điểm đó. Chúng tôi đã báo cáo kế hoạch khởi nghĩa lập chiến khu với đồng chí Trần Đức Thịnh, đại diện Xứ ủy và đang chờ ý kiến cuối cùng của Xứ

ủy. Quyết định đơn phương đánh cướp Chí-linh của bọn phi rất có thể gây những đảo lộn bột phát và trước mắt là bọn Nhật sẽ tăng cường cảnh giác, tập trung lực lượng để đối phó.

Chúng tôi nhanh chóng quyết định phải biến kế hoạch và lực lượng của bọn phi thành một bộ phận trong kế hoạch và lực lượng của ta. Đồng thời cũng phải ngăn chặn tính chất cướp bóc khủng bố trong hành động của bọn chúng, không cho ảnh hưởng đến tính chất cách mạng trong cuộc khởi nghĩa của ta.

Ở cuộc « đàm luận » và sau đấy, trong bữa ăn thịnh soạn mà Lương Đại Bản thiết chúng tôi, Hải Thanh và tôi đã thuyết phục được bọn phi hoãn kế hoạch đánh Chí-linh của chúng đến 6 giờ sáng ngày 8-6-1945 để phối hợp hành động với chúng tôi. Lực lượng cách mạng sẽ cùng tấn công Chí-linh với bọn phi và sẽ chỉ huy chúng. Đồng thời, lực lượng cách mạng cũng sẽ tấn công Đông-triều, Mạo-kê và Trảng-bạch theo kế hoạch đã định của chúng tôi.

Trước sức mạnh của cách mạng, thế hiện cụ thể ở qui mô của kế hoạch khởi nghĩa của chúng tôi, « quan Phó Tư lệnh Trung Việt du kích quân » không còn cách nào khác là phải thỏa thuận một cách hoan hỉ.

Đêm trước ngày khởi nghĩa.

Cho đến trước ngày khởi nghĩa, lập chiến khu, chúng tôi đã xây dựng được một số căn cứ an toàn ở vùng Đông Bắc. Trong số những căn cứ này, có ngôi chùa Bắc-mã nổi tiếng được coi là cơ sở lãnh đạo chủ yếu.

Đấy là một ngôi chùa lớn, cổ kính, nằm tựa lưng vào một sườn đồi thoải thoải, cách vùng rừng núi Thanh-mai, Yên-từ 3 cây số về phía Bắc, các dãy núi Ba-đèo, Yên-phụ, Côn-sơn vây kín xung quanh, lọt vào giữa là con đường chiến lược 18 chạy sát ngay dưới chân đồi.

Sư cụ Nguyệt chủ trì ngôi chùa là một nhà tu hành có uy tín lớn ở trong vùng, lại là người rất giàu lòng yêu nước, thường hết sức chờ che, đùm bọc, giúp đỡ chúng tôi làm công tác cách mạng. Sư Tuệ, một bạn tù chính trị với chúng tôi, sau khi thoát tù, cũng khoác áo tu hành, hoạt động cách mạng ở vùng này và cũng thường qua lại tại Bắc-mã.

Nguyễn Bình, Hải Thanh và tôi đã gặp nhau tại ngôi chùa đã trở thành căn cứ cách mạng đó để thống nhất lại một lần nữa chủ trương khởi nghĩa lập chiến khu. Chúng tôi

đã kiểm điểm kỹ lưỡng tình hình, nhắc lại với nhau những điểm chủ yếu trong *Chỉ thị* của Thường vụ Trung ương, phân tích lại tình hình ta và địch ở trong miền, đặc biệt chú ý đến những vấn đề nảy ra từ cuộc tiếp xúc với bọn phi. Chúng tôi đều cảm thấy rõ rệt là đoàn tàu cách mạng ở đây đang sầm sập chạy tới một khúc ngoặt quyết định. Trách nhiệm của những người thợ ngồi trong toa đầu máy đang đè nặng lên chúng tôi. Lúc này chỉ một chút sai sót là sẽ dẫn ngay đến những hậu quả không lường được.

Tôi thận trọng nói ra vấn đề lớn nhất đang làm mình bận tâm, và thử phân tích :

— Tình thế cách mạng ở trong miền đã chín muồi. Đồng chí đại diện Xứ ủy cũng đã đồng ý với chủ trương khởi nghĩa của chúng ta. Chỉ còn vấn đề thời gian khởi nghĩa là chưa có ý kiến của cấp trên. Bây giờ, quyết định khởi nghĩa vào ngày 8-6, chúng ta sẽ chịu trách nhiệm với Xứ ủy và với Trung ương về vấn đề đó. Tuy nhiên ở đây có lẽ vấn đề ý thức tổ chức, tính nguyên tắc cũng thống nhất với tinh linh hoạt, ý thức tự động của người đảng viên. Chúng ta cũng còn là những người chịu trách nhiệm về cả phong trào cách mạng ở miền này. Nếu để lỡ mất thời cơ thì trách nhiệm chúng ta sẽ còn nặng đến đâu?...

Đấy cũng chính là những suy nghĩ nung nấu của Nguyễn Bình và Hải Thanh. Lật lại vấn đề, các đồng chí còn phân tích thêm những khả năng không thuận lợi có thể dồn đến nếu không kịp thời khởi nghĩa vào ngày 8-6-1945: Bọn phi sẽ coi thường lực lượng cách mạng trong khi bọn Nhật sẽ tập trung lực lượng, chuyển chuyên hoặc thu vũ khí của binh lính bản xứ, trong đó có những nhân mối, cơ sở mà ta đã tổ chức được...

Cái nút đã được cởi ra. Chúng tôi đều thấy nhẹ nhõm phần khởi, cùng nhau mê mải làm việc cho đến khuya. Chúng tôi phác ra những kế hoạch tấn công, phối hợp cụ thể, xem xét lại việc bố trí lực lượng, bàn bạc việc huy động và tổ chức quần chúng, đặc biệt xem xét kỹ lưỡng đến các cơ sở công nhân, thanh niên ở các mỏ, các thị trấn và những cơ sở nông dân trong các làng xã quanh miền — chủ lực quân của chúng tôi. Từ đấy trở đi là những ngày đêm làm việc liên miên, cật sức, nhiều khi bỏ ăn, quên ngủ để ráo riết chuẩn bị cho ngày hành động đã được thống nhất : 8-6-1945.

Nguyễn Bình, con người hiện thân của con lốc làm việc, rời Bắc-mã về ngay Hải-phòng, lo liệu nốt những công việc cuối cùng. Hải Thanh và tôi nán lại tại chùa Bắc-mã

mấy ngày rồi mới đi xuống các cơ sở trong vùng để huy động và bố trí lực lượng quần chúng. Chùa Bắc-mã lúc đó đang có một lớp huấn luyện chính trị cấp tốc 7 ngày cho 50 cán bộ địa phương do anh Dương Chính phụ trách. Chúng tôi lập tức chia nhau phổ biến quyết định khởi nghĩa cho từng nhóm học viên, rồi phân công ngay nhiệm vụ tham gia khởi nghĩa cho từng người. Lớp học phải giải tán trước hạn định 4 ngày để các học viên kịp về địa phương chuẩn bị công việc, nhưng nét mặt ai ai cũng đều hồ hởi, hăm hở. Giờ hành động trông đợi bao lâu, nay đã đến rồi!

Chúng tôi hạ lệnh tập trung vũ khí còn phân tán ở các nơi về Bắc-mã. Đồng chí Lê Phú đạp xe dưới trời nắng gắt từ Chi-linh về, mồ hôi nhễ nhại, tháo từ hai bó chiếu buộc ốp vào khung xe ra 2 khẩu súng trường do Chánh Huân, một thân sĩ ở làng Độ gửi quyền góp. Đồng chí Ân, cán bộ thanh niên ở Cẩm-giang cũng gánh về hai bó chiếu lớn, nằm ở trong là 4 khẩu súng trường do đội tự vệ của đồng chí tước được của bọn lính huyện đi đốc thuế ở xã Bằng-quần. Anh em binh lính ở Kiến-an theo kế hoạch của Nguyễn Bình cũng đã gửi về từ trước được 4 khẩu súng trường như thế. Chúng tôi lại còn có trong tay 4 khẩu súng săn hai nòng do đồng chí Trần Đức Thịnh nhờ đổi hộ đăng bộ Bắc-ninh lấy súng liên thanh mà bây giờ, chưa liên lạc được với lái buôn súng, chúng tôi hãy cứ «xin phép mượn tạm». Số súng này cộng với số súng của tiểu đội du kích tập trung do anh

em binh lính Cửa Ông mang về, tất cả thành 26 khẩu. Ngoài số đó, chúng tôi còn có khẩu phóng lựu của đồn Cửa Ông, khẩu đại liên của tàu «Com-măng-đăng Buộc-đe» và một số súng lục nữa.

Vũ khí như vậy kể cũng đã «hùng hậu»! Bây giờ lại phải lo đến việc «quân lương»! Ở mỗi địa điểm khởi nghĩa như vậy phải cung cấp lương thực cho hàng trăm người ăn để đi đánh đồn. Riêng ở chùa Bắc-mã, nơi tập kết của cánh quân đánh đồn Đông-triều, chúng tôi dự tính phải có đủ lương cho 200 người ăn trong một ngày. Lúc này, nạn đói vẫn đang hoành hành trong miền. Tính theo thời vụ thì đã đến lúc gặt chiêm. Nhưng ở đây lại không có đồng chiêm. Chúng tôi đem việc này bàn với sư cụ Nguyệt và sư Tuệ.

Các nhà sư giúp chúng tôi giải quyết khó khăn ngay:

— Hai trăm chữ hai nghìn người ăn cũng được!

Sư Tuệ hăng hái nói như vậy và phân tích rằng đồng bào đương đói nhưng tinh thần cách mạng lại lên cao hơn bao giờ hết. Các nhà giàu cũng nhiều người còn thóc. Ai nấy đều mong Cách mạng khởi nghĩa như đại hạn mong mưa rào. Bây giờ vận động góp gạo để nuôi quân đánh đồn thì ai là người chẳng vui lòng giúp ngay? Sư cụ Nguyệt cũng sôi nổi xin đứng ra công đáng việc lo liệu «quân lương» và đảm bảo rằng chẳng những có gạo, mà sẽ còn có cả thịt nữa để «khao quân»!

II

KHOI NGHĨA THẮNG SÁU

Ngày 6-6-1945, đúng hẹn, Nguyễn Bình, Hải Thanh và tôi đều trở về chùa Bắc-mã. Nguyễn Bình đem theo về 4 lá cờ đỏ sao vàng lớn, 200 băng đeo tay nền đỏ sao vàng và 3 phù hiệu bằng vải đỏ, hình chữ nhật xanh sẫm, thêu 3 chữ TCH (1) dành cho ba chúng tôi trong ban lãnh đạo khởi nghĩa.

Ban lãnh đạo khởi nghĩa họp ngay đêm đó. Chùa Bắc-mã đang rộn rịp người vào ra, nên địa điểm hội nghị rời sang làng Đạm-thủy, bên kia đường 18. Chúng tôi có mời thêm người đầu mối tổ chức binh lính là anh Nguyễn Hiền, lúc ấy đóng chức «Đội» ở đồn Bảo an Đông-triều, cùng đến dự hội nghị. Trong đêm đó, chúng tôi cùng nhau kiểm điểm tình hình lần cuối cùng, bàn bạc kỹ lưỡng những chi

tiết trong kế hoạch khởi nghĩa và sau hết, phân công chỉ huy các mặt trận:

— Nguyễn Bình chịu trách nhiệm đánh Đông-triều, có Nguyễn Hiền phối hợp,

— Hải Thanh chỉ huy đánh Chi-linh,

— Trần Cung phụ trách đánh chiếm Mạo-khe và Tràng-bạch, cùng phối hợp, có Nguyễn Văn Đài là người đầu mối tổ chức trong công nhân.

Chiều ngày 7-6-1945, chúng tôi triệu tập các cán bộ phụ trách các đội nghĩa quân đến chùa Bắc-mã. Phổ biến nhiệm vụ cụ thể và chỉ tiết cho các đơn vị xong xuôi, chúng tôi chia tay

(1) Tổng chỉ huy.

nhau, đi về các địa điểm tập kết của các mặt trận. Những nắm tay xiết chặt, những ánh mắt long lanh và những lời chúc tụng, hứa hẹn chiến thắng, còn lắng đọng mãi trong chúng tôi cho đến giờ hành động.

Tấn công Đông-triều.

Cánh quân đánh đồn Đông-triều lấy ngay chùa Bắc-mã làm địa điểm tập kết. Lực lượng của ta có gần 100 người, đặt dưới sự chỉ huy của Nguyễn Bình. Suốt đêm ấy, không ai ngủ được, kể cả sư cụ Nguyệt. Nhà sư già phe phẩy chiếc quạt, có mặt ở khắp nơi: khi thì ghé vào chỗ anh em «hỏa đầu quân» đang hoạt động, khi thì cùng đi xem xét tình hình với anh em có trách nhiệm bảo vệ chùa. Sân chùa ngồn ngộn cỏ, lộn, gạo của nhân dân đem đến ủng hộ, chỗ này một nhóm thổi cơm, chỗ kia một nhóm giết lợn...

Đúng 9 giờ tối, có lệnh phát khẩu phần cho các chiến sĩ: mỗi người 2 nắm cơm, 2 miếng thịt lợn luộc. Khẩu phần này sẽ dùng một nửa trước khi xuất quân và một nửa đem theo để dùng sau khi đánh đồn xong.

Đúng 10 giờ, Nguyễn Bình tập hợp nghĩa quân, phổ biến kế hoạch và khẩu lệnh khi tiến khi lui trong lúc khởi nghĩa. Tình hình binh lính ở trong đồn Đông-triều đã ngã theo cách mạng cũng được phổ biến cặn kẽ. Sau đấy thì có lệnh cho chiến sĩ nghỉ ngơi để lấy sức. Nhưng rõ ràng là không một ai nằm yên được nữa trong những giờ phút náo nức ấy. Các chiến sĩ soát lại vũ khí, ôn lại khẩu lệnh, hồi hộp, phấn khởi chờ giờ xuất quân. Và với tâm trạng ấy, anh em đã lên đường khi trời vẫn còn tối đen, thẳng hướng Đông-triều tiến phát.

4 giờ sáng, toàn nghĩa quân cuối cùng rời khỏi chùa. Sư cụ Nguyệt ra tận cổng tiễn chân, vẫy chào từng người và chúc to: «Đại thắng!» Nhà tu hành còn đứng đấy, nhìn mãi theo hướng quân đi. Cho đến lúc trời đổ xuống một trận mưa to, sư cụ Nguyệt mới chịu trở về chùa, miệng vẫn còn nhẩm khẽ:

— Ngộ vũ tắc cát... (1).

Trong khi đó, ở Đông-triều, anh Nguyễn Hiền cũng đã hoàn thành việc chuẩn bị phối hợp với nghĩa quân theo đúng kế hoạch đã thống nhất với ban lãnh đạo khởi nghĩa. Sau cuộc họp bàn với chúng tôi ở Đạm-thủy, 1 giờ sáng, Nguyễn Hiền phóng ngựa trở về đồn Đông-triều ngay. Trời còn chưa rạng, anh đã đánh thức mấy anh em binh lính nòng cốt của cơ sở trở dậy, phổ biến quyết định khởi nghĩa của ban lãnh đạo chiến khu. Nghe tin khởi nghĩa, tất cả đều mừng rỡ muốn nhảy lên mà

reo, nhưng theo sự phân công của Nguyễn Hiền, mọi người đều phải cố kìm nổi vui, tất bật lao ngay vào việc chuẩn bị phối hợp với nghĩa quân.

Sau giờ điểm danh thường lệ, Nguyễn Hiền gọi hai người cai trong đồn lên bàn giấy và cấp giấy phép cho họ về thăm nhà. Những binh lính không nằm trong tổ chức của ta, cũng hạ lệnh cho đi làm «cỏ vè», lấy củi ở xa. Sau đấy, anh đi kiểm tra một lượt tất cả súng đạn ở trong đồn. Chợt nảy ra một ý để đối phó với cảnh lính cơ của huyện Đông-triều đang đóng ở bên huyện đường, Nguyễn Hiền thảo ngay một lá thư, gửi cho tri huyện Đỗ Văn Cang, mời hẳn sang ngủ đêm ở bên đồn, mang theo toàn bộ lính cơ, vì «có tin đêm nay phi sẽ cướp huyện» (1). Nhận được thư, Huyện Cang lật đặt đem cả vợ con vào lô cốt ở, và dẫn theo luôn toàn bộ số lính cơ ở huyện!

Đêm hôm ấy, Nguyễn Hiền cất lại tất cả các phiên gác, bố trí toàn người tin cậy ở các chỗ hiểm yếu. Anh lại phái một tiểu đội gồm những người đã ở trong tổ chức, xuống phố huyện đi tuần với khẩu lệnh đã thống nhất với nghĩa quân. Nhiệm vụ của tiểu đội này là đón gặp nghĩa quân và mở đường cho nghĩa quân vào đồn.

Rạng sáng 8-6-1941, Nguyễn Hiền nổi lệnh tập trung và già súng trong trại, đồng thời, dồn hết lính ngoài tổ chức của ta lên cả trên thượng tầng lô cốt.

Sau đó một lúc thì cánh quân do Nguyễn Bình chỉ huy tràn vào Đông-triều. Là cơ sở sao vàng bay phấp phất dẫn đầu đoàn quân. Các chiến sĩ sẵn sàng vũ khí, băng vài nền đồ sáo vàng đeo ở cánh tay. Tổng chỉ huy Nguyễn Bình đứng ở giữa miêng vải đỏ với ba chữ: T.C.H.

Đến ngã tư sông huyện, theo kế hoạch đã định, một tiểu đội do đồng chí Lê Tâm chỉ huy, tách ra khỏi hàng quân, dùng câu liêm giật hết dây điện thoại trên các ngã đường và chiếm «Nhà dây thép». Một tiểu đội nữa do đồng chí Dương Chính chỉ huy, chiếm gọn lấy công đường huyện. Nguyễn Bình dẫn đại bộ phận nghĩa quân tiến thẳng lên đồn Đông-triều. Nghĩa quân nổ một phát súng lệnh rồi nhanh chóng tỏa ra chiếm lĩnh các nơi hiểm yếu trong đồn. Vừa lúc ấy, Nguyễn Hiền xuất hiện, lớn tiếng kêu gọi:

— Bộ đội của Việt-minh đến giải phóng đồn ta! Anh em binh lính mau đi theo Việt-minh, giải phóng Tổ quốc!

(1) Gặp mưa là điểm lành!

Bình lính trong đồn rầm rập nghe theo, xuống tập trung cả ở sân đồn. Lá cờ đỏ sao vàng vẫy gọi trên đỉnh cao lộ cốt. Nghĩa quân chia nhau đi lấy vũ khí. Nguyễn Bình nói với những binh lính tập trung ở giữa sân:

— Từ nay, giải tán chính quyền tay sai của Nhật. Anh em binh lính hãy đi theo quân du kích cách mạng! Ai muốn trở về quê hương làm ăn cũng sẽ được bảo đảm an toàn. Ai đi theo Việt minh thì giờ tay lên và đứng sang một bên!

Hơn 40 binh lính trong đồn giờ tay và chạy sang hàng ngũ nghĩa quân. Chỉ có 7,8 người nặng gánh gia đình, đứng lại, xin về quê. Họ đều được cấp tiền, cấp giấy đi đường đầy đủ.

Giải quyết xong đồn Đông-triều, đội quân cách mạng đông thêm người, nhiều thêm vũ khí, kéo xuống phố tuần hành. Nhân dân thị trấn đã hay tin Việt minh đánh đồn, mở cửa, ủa ra đường chào đón. Một cuộc mít-tinh sôi nổi được tổ chức ngay ở ngã tư cổng huyện. Nguyễn Bình đứng lên nói về việc khởi nghĩa đồng loạt ở Đông-triều, Chí-linh, Mạo-khê và Trảng-bạch, tuyên bố giải tán bộ máy chính quyền Nhật, thành lập "Đệ tứ chiến khu", thành lập chính quyền nhân dân cách mạng và kêu gọi mọi người ủng hộ Việt minh, gia nhập quân du kích cách mạng, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Lúc ấy, Huyện Cang và "Nghị viên" Tuệ cũng đã được dẫn đến trước cuộc mít-tinh. Nguyễn Bình hỏi ý kiến nhân dân về tội trạng của hai "quan" bù nhìn đang đứng run cầm cập. Nhiều người có ý kiến xin tha tội cho họ, vì so với bọn tay sai đế quốc khác thì tội họ chưa nhiều. Thế theo ý kiến của nhân dân, Cang và Tuệ được tha ngay tại chỗ.

Cuộc mít-tinh kết thúc giữa những tiếng hô khẩu hiệu, tiếng reo hò, tiếng vỗ tay ồn ào, hả hê. Nhân dân lũ lượt kéo đi phá kho thóc của Nhật để cứu đói. Hai tiểu đội đi chiếm nhà dây thép và công đường huyện cũng đã làm xong nhiệm vụ, đốt hết giấy tờ, tịch thu tiền thuế, máy chữ, máy điện thoại, điện tín, mang về căn cứ. Một tiểu đội nữa được lệnh đến làng Vên — cạnh mỏ Vên, Đông-triều — bắt tên Ngô Quốc Lâm — viết gian tay sai đắc lực của Pháp và Nhật, tịch hết vũ khí trong nhà của hắn và kêu gọi mọi người vào phá kho thóc của hắn chia cho các gia đình.

Giữa lúc ấy, có tin 6 chiếc thuyền thóc của Huyện Cang nấp lên tỉnh đã rời bến lên đường từ sớm. Một tiểu đội nghĩa quân được lệnh đuổi gấp theo lấy lại ngay. Anh em vừa đi vừa chạy, đến gần Ba Kèo (ngã ba sông Kinh Thầy và sông Văn-úc) thì bắt gặp đoàn thuyền

đang lênh đênh giữa dòng. Mười hai khẩu súng của nghĩa quân chĩa vào 6 chiếc thuyền và 5 lính khố xanh đi theo áp tải. Nghĩa quân yêu cầu ghé thuyền vào bờ, rồi lên thuyền giải thích cho anh em lái thuyền và binh lính về chủ trương của Việt minh. Họ đều vui lòng tuân lệnh, đem thóc và súng về căn cứ chiến khu.

Thế là cuộc khởi nghĩa ở Đông-triều đã hoàn toàn thắng lợi. Đông-triều là một thị trấn quan trọng ở Đông Bắc. Thắng lợi của cách mạng ở Đông-triều đã gây được ảnh hưởng chính trị sâu rộng đối với nhân dân trong vùng, và truyền đi rất nhanh tới các địa phương lân cận. Một không khí phấn khởi, sức sôi cách mạng bốc cao, lan tràn, hết như một chất men mạnh, cuốn hút tất cả các tầng lớp nhân dân về với Việt minh và "Đệ tứ chiến khu".

Giải phóng Chí-linh.

Hải Thanh, cùng đi có đồng chí Lê Hai, theo kế hoạch, đến thẳng trại phi vào lúc 10 giờ tối 7-6-1945. Trong khi chờ gặp tướng phi, các anh soát lại một lượt những truyền đơn, cáo thị đem theo. Bọn lính phi tò mò đứng xem xúm xít xung quanh. Hải Thanh tranh thủ giải thích ngay cho chúng những lời kêu gọi trong truyền đơn, cáo thị: « Đoàn kết dưới lá cờ Việt minh, vùng lên chống-Nhật », « Không nộp thóc, nộp thuế », « Phá kho thóc Nhật để cứu đói », « Tiêu trừ việt gian, phản động »...

Bọn phi chăm chú đứng nghe, gât gù, xi xào ra dáng khâm phục. Với thái độ đĩnh đạc tự hào, Hải Thanh cười, nói:

— Đây là vũ khí tối tân của chúng tôi!

Bọn phi ò lên cười theo và nói: « Hầu lớn! » (1).

Sau đây thì vào cuộc họp bàn giữa các đồng chí của ta và bọn thủ lĩnh phi. Hải Thanh yêu cầu thống nhất chủ trương về mấy vấn đề trước khi đi đánh Chí-linh:

1. Cần tuyên truyền giải thích cho nhân dân hiểu rõ mục đích đánh huyện Chí-linh là thành lập chiến khu, và kêu gọi nhân dân cùng nổi dậy chống Nhật.

2. Chiếm huyện xong, phải phá hết kho thóc của Nhật, chia cho nhân dân để cứu đói.

3. Đốt hết giấy tờ trong huyện. Nếu bắt được tri huyện thì giao cho Việt minh xử trí.

4. Cấm ngặt không ai được xâm phạm đến tài sản của nhân dân.

(1) Tốt!

Sau khi bàn bạc với nhau, bọn thủ lĩnh phải chỉ đồng ý với ta 3 điểm trên, còn điểm thứ 4 thì không chịu. Chúng viện lý do: « Dân Chí-linh theo Nhật cả (1). Nếu không lấy của họ thì lấy gì nuôi quân đánh Nhật? ». Hải Thanh ra sức thuyết phục, nói cho bọn chúng biết rằng nhân dân Chí-linh ủng hộ Việt minh, nếu lấy của họ thì họ sẽ không ủng hộ Việt minh chống Nhật nữa. Bọn phải nhượng bộ:

— Nhà nào theo Việt minh thì các ông vạch phần ở ngoài cửa!

Dĩ nhiên, Hải Thanh không chấp nhận biện pháp « võ hiệp tiểu thuyết » đó. Cuộc thảo luận kéo dài gần một tiếng đồng hồ. Bọn phải chỉ bàn ngang và khăng khăng xua tay:

— Mâu tắc! Mâu tắc! (1)

Hai đồng chí ta vẫn cứ kiên trì giải thích. Hải Thanh nghiêm giọng nói:

— Mấy hôm trước, chúng ta đã thỏa thuận hợp tác đánh Nhật. Quân đội kháng Nhật phải được nhân dân tham gia và ủng hộ. Vậy mà ta lại xâm phạm tài sản của nhân dân thì tuyệt đối không thể được!

Trước lời lẽ đanh thép đó, « phó tư lệnh » Lương Đại Bản chuyển trước. Hắn quay lại nói thêm một hồi với bọn thủ lĩnh. Cuối cùng tất cả đều gật đầu thỏa thuận.

Bọn thủ lĩnh phải đột nhiên hỏi vào kế hoạch đánh Chí-linh. Hải Thanh chưa hề đến Chí-linh, chưa nắm được cụ thể tình hình ở đó nên có đôi chút bị bất ngờ. Nhưng anh đã trả lời ngay với giọng quân sự có vẻ sành sỏi:

— Được, các ông có bản đồ Chí-linh không? Đem ra đây, ta bàn!

Bọn phải bị động, vác một tấm bản đồ ra. Tướng phải Lương Đại Bản buộc phải trình bày kế hoạch bố trí đánh đồn của bọn phải trước. Hải Thanh vừa nghe, vừa gật gù suy nghĩ. Anh chỉ còn cần phải lái kế hoạch của phải cho ăn khớp với kế hoạch của ta ở các mặt trận khác, đồng thời, sắp xếp lại lực lượng của ta và của phải cho thích hợp với sự chỉ huy của ta. Để cho bọn phải thêm tin tưởng vào lực lượng của ta, Hải Thanh chính thức bảo cho chúng biết là hai đơn vị du kích cách mạng đã được lệnh bố trí chặn các ngã đường đi Phủ-lại và Nam-sách, chặn đường tiếp viện của bọn Nhật cho Chí-linh.

Cuộc họp bàn chấm dứt. Cuộc hành quân bắt đầu vào lúc nửa đêm về sáng. Qua Bến Tắm, rồi đến chợ Ngái. Đột nhiên, đầu hàng quân nổi hiệu báo động. Ở phía đầu chợ cũng nghe có tiếng quát hỏi vọng lại. Hải Thanh vội vã chạy lên, vì biết rằng đêm nay là đêm hành quân của nhiều lực lượng khác nhau.

Quả nhiên, anh nhận ra đó là đội tự vệ Cẩm-giang được huy động đi Đông-triều làm nhiệm vụ. Anh em cầm động ôm ghì lấy nhau, trước khi lại chia tay nhau, lên đường.

Trận mưa to vào lúc gần sáng đã làm cho cuộc hành quân đến Chí-linh bị chậm. Một tiểu đội được phân công đặt một khẩu trung liên ở chân đồi sau huyện đã để lộ cho trạm gác của lính bảo an biết. Lính đồn vội kêu la, báo động ầm ĩ. Đạn súng đôi bên lập tức nổ ran, dữ dội. Nhân dân phố huyện choàng tỉnh dậy, tưởng phải đến cướp phố, cũng hò la ném gạch đá chai lọ ra đường. Từ các nhà gác trong phố cũng nghe có tiếng súng bắn ra.

Lúc này, quân phải đã lọt cả vào trong phố, nổ súng bắn lung tung. Hải Thanh và Lê Hai sợ tình trạng hỗn độn đó kéo dài, nhân dân sẽ có người bị trúng đạn, hoặc nếu có tên phải nào bị giết, bọn chúng sẽ có cớ để đốt phá cướp bóc nhân dân. Hai anh vội vã chia nhau men theo hè phố, lớn tiếng kêu gọi nhân dân:

— Đồng bào! Đồng bào hãy ngừng bắn, ngừng ném! Chúng tôi là Việt minh đây! Chúng tôi chỉ đánh Nhật, tước vũ khí trên đồn! Chúng tôi đảm bảo an toàn cho đồng bào! Đồng bào hãy tin tưởng, ủng hộ Việt minh!

Ngọn cờ đỏ sao vàng trong tay Hải Thanh phất cao lên theo lời kêu gọi. Hai đồng chí của ta thoảng nghe thấy những tiếng nói trong các nhà:

— Việt minh!... Việt minh!... Không phải phải!

Được một lát thì im tiếng súng trong phố và gạch đá chai lọ cũng không thấy ném ra nữa.

Nhưng từ các lỗ châu mai của đồn lính bảo an trên đỉnh đồi và từ phía cổng đường lên huyện, súng vẫn nổ. Dưới bản lên, trên bản xuống đã hơn một tiếng đồng hồ, mà đối phương lại lợi thế hơn, vì ở trên cao, lại có lỗ cốt cố thủ. Thấy tướng phải Lương Đại Bản đã lúng túng, Hải Thanh bàn với Lê Hai tìm cách giải quyết bằng chính trị. Hai anh thảo nhanh một lá thư, chuyển lên đồn, kêu gọi lính bảo an ra hàng. Để cho binh sĩ tin tưởng, kèm với thư, còn có cáo thị và truyền đơn của Việt minh. Một lúc sau thì có thư trả lời chuyển tới: « Chúng tôi cũng muốn theo Việt minh lắm, nhưng sợ bị nhục... ».

Cán bộ ta hiểu ngay rằng anh em binh lính tin phục Việt minh nhưng không chịu thua

(1) Không được! Không được!

thờ phỉ. Hải Thanh và Lê Hai quyết định lên thẳng đồn để thuyết phục họ.

Là cờ đỏ sao vàng liến trước, băng vải đỏ sao vàng đeo ở cánh tay, hai đồng chí của ta đang hoảng leo lên dốc đồn. Hải Thanh lớn tiếng gọi:

— Anh em, hãy mở cổng để chúng tôi vào nói chuyện. Chúng tôi là cán bộ Việt minh, là những người bạn của anh em đây!

Hai tấm cổng đồn dùng dằng rồi bật tung. Anh em binh lính trong đồn ùa ra vây lấy cán bộ ta.

— Khô quá, mong các anh như đại hạn mong mưa, thế mà hôm nay gặp nhau lại cứ bắn nhau mãi! Có anh nào chết hay bị thương không?

Binh lính trong đồn cứ xuyết xoa mãi như vậy. Hải Thanh tiếp tục kêu gọi binh lính ủng hộ Việt minh đánh Nhật cứu nước. Anh còn giải thích cho anh em binh lính rõ tại sao Ban lãnh đạo khởi nghĩa lại để cho bọn phỉ tham gia đánh đồn, dưới sự chỉ huy của ta, và chúng đã phải chịu theo những điều kiện của ta như thế nào.

Sau khi nghe Hải Thanh nói thêm về chủ trương khởi nghĩa, lập chiến khu, tiến tới Tổng-khoi nghĩa, tất cả cai đội và binh lính đồn Chí-linh đều phản khởi ngả theo cách mạng. Mọi người đổ đi lùng tìm huyện quan Nguyễn Ngọc Hà nhưng hắn đã trốn mất. Lập tức, các giấy tờ sổ sách trong công đường huyện đều bị nổi lửa đốt sạch. Hải Thanh dẫn đầu đoàn binh lính đi ngả theo cách mạng xuống phố huyện gặp nhân dân.

Lúc này, trật tự an ninh ở phố huyện vẫn được giữ vững. Trước uy tín của Việt minh, bọn phỉ không dám động đến tài sản của nhân dân và Lương Đại Bản cũng tỏ ra dè dặt. Được tin báo có mấy tên phỉ len lút lấy trộm ở mấy hiệu buôn và Hải Thanh yêu cầu phải trả lại hết, Lương Đại Bản chạy đi tập hợp bọn lâu la và tuyên bố ngay: «Đứa nào lấy của dân phải lập tức đem trả! Nếu còn giấu giếm sẽ bị xử bắn!». Những tên ăn trộm vội chla ngay ra mấy đôi giày và mấy chai rượu trước những cặp mắt và nét mặt rạng rỡ phấn khởi của nhân dân.

Một cuộc mít-tinh đã hình thành ngay lúc đó. Nhân dân nô nức kéo đến vây quanh cán bộ của ta. Đồng chí Lê Hai báo cáo trước nhân dân là quân cách mạng đã giải phóng Đông-triều, Trảng-bạch, Mạo-khê và tuyên bố giải tán bộ máy chính quyền bù nhìn, thành lập chính quyền nhân dân cách mạng. Trước nhiệt tình sôi sục của nhân dân, Lê Hai kêu

gọi mọi người đoàn kết ủng hộ Việt minh, tham gia tổ chức cứu quốc và tự vệ chiến đấu, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa!

Đồng bào hoan hô sôi nổi, rầm rộ theo Hải Thanh và Lê Hai hướng dẫn, tràn tới phá kho thóc của Nhật.

Khoảng gần trưa thì hoàn thành mọi công việc ở Chí-linh. Hải Thanh cho quân phỉ về rừng. Còn quân du kích cách mạng và anh em binh lính tình nguyện đi theo thì hành quân trở về khu căn cứ.

Cuộc khởi nghĩa ở Chí-linh đã thắng lợi hoàn toàn, và cùng với Đông-triều, Trảng-bạch, Mạo-khê, gây những tiếng vang lớn ở trong miền, mở đường cho sự thành lập «Đệ tứ chiến khu», tiến tới Tổng khởi nghĩa thắng Tám.

Đánh chiếm Trảng-bạch — Mạo-khê.

Công việc khởi nghĩa giải phóng cả hai nơi này cùng một lúc, đòi hỏi phải có một lực lượng chiến đấu khá lớn, vũ khí, lương thực đủ dùng cho 200 người. Thế mà chỉ trong vòng một tuần lễ, chúng tôi đã có sẵn sàng đầy đủ cả!

Trảng-bạch, Mạo-khê là hai nơi có mỏ than lớn, có hàng nghìn công nhân. Từ những năm 1927—28, các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Đặng Châu Tuệ đã đến hoạt động ở đây và vào năm 1929, tôi cũng đã đến gây cơ sở ở làng Hạ-chiều nơi tập-trung đông đảo công nhân mỏ. Từ khi Đảng Cộng sản Đông-dương ra đời, ở đây đã có phong trào công nhân đấu tranh mạnh mẽ chống thực dân Pháp, liên tục cho đến đầu năm 1945, khi tôi trở lại gây cơ sở ở chợ Mạo-khê.

Khi đến xem xét tình hình chuẩn bị khởi nghĩa ở đây, tôi đã được đồng chí Nguyễn Văn Đài—bạn tù chính trị cũ của tôi, người đầu mối tổ chức trong công nhân địa phương—nói cho, hay tâm trạng phấn khởi cách mạng, sự chuẩn bị khởi nghĩa gần như công khai của anh chị em công nhân. Các đội tự vệ chiến đấu, các tổ công nhân cứu quốc, thanh niên phụ nữ cứu quốc, ra sức ngày đêm luyện tập quân sự, mua sắm vũ khí, rèn sửa giáo mác, kiếm, dao... Lợn gạo đủ cho 200 người ăn, do công nhân tích cực đóng góp, đã tập trung rất nhanh chóng. Chúng tôi rất yên tâm cùng với anh em bàn bạc cụ thể kế hoạch đánh đồn, chiếm mỏ...

Theo đúng kế hoạch đã định, từ tối 7-6-1945 các lực lượng chiến đấu cần huy động cho việc đánh chiếm cả hai địa điểm Trảng-bạch và Mạo-khê đã tập hợp nhanh chóng và đầy đủ ở

một khu trại nhỏ của nông dân nằm giữa cánh đồng, cách sở mộ Mạo-khê hơn 1 ki-lô-mét. Ngoài lực lượng công nhân mộ, theo yêu cầu của kế hoạch khởi nghĩa là cần có một số người lạ mặt, biết tiếng Pháp, để sẽ trực tiếp "nói chuyện" với Tây chủ mỏ, chúng tôi còn điều động thêm đồng chí Nguyễn Bách, cán bộ huyện Chí-linh cùng 10 anh em nông dân và thanh niên Phao-sơn (Chí-linh), Ngô-dồng (Nam-sách) đến tham gia khởi nghĩa.

Khu trại nhỏ đây áp những người mà vẫn giữ được bí mật, lặng lẽ — cái lặng lẽ của bầu trời trước cơn giông. Mọi công việc đều đã sẵn sàng, chỉ còn chờ kế hoạch hành động cụ thể do tôi mang tới. Hôm đó, vì phải lo giải quyết nốt những công việc cuối cùng ở Bắc-mã, nên đến gần nửa đêm, tôi mới kịp cách đáp chiếc xe bánh đặc tới được nơi tập kết của mặt trận Trảng-bạch — Mạo-khê. Vừa trông thấy tôi, anh em đã ùa cả tới, vỗ vập hỏi han, vì lúc đó, chờ đợi sốt ruột, nhiều người đã lo lắng, sợ có những sự bất trắc đã xảy ra cho tôi.

Đáp lại nhiệt tình của anh em, tôi vui vẻ phổ biến kế hoạch hành động cụ thể cho từng bộ phận, từng tổ chiến đấu. Sau khi đã kiểm tra tình hình chuẩn bị lần cuối cùng, tôi hạ lệnh phát khẩu phần cho anh em: mỗi chiến sĩ hai nắm cơm và hai miếng thịt lợn luộc. Lúc ấy là 1 giờ sáng ngày 8-6-1945.

Đúng 4 giờ sáng 8-6-1945, cánh quân đánh đồn Trảng-bạch do tôi trực tiếp chỉ huy, bắt đầu xuất phát. Lực lượng của chúng tôi gồm có một đội tự vệ chiến đấu của công nhân làm lò ở Hạ-chiều do đồng chí Trần Quang phụ trách, đi trước để bố trí chung quanh đồn; một tiểu đội du kích vũ trang tập trung của chiến khu, với 12 súng trường, do đồng chí Phan Mạnh Hà làm đội trưởng; một tổ súng máy, gồm một khẩu đại liên và một khẩu phóng lựu, có 5 xạ thủ, do đồng chí Trần Sinh phụ trách.

Hôm đó, tôi ăn mặc có vẻ quân nhân: các thứ quần áo mũ giầy đều rộng như đi mượn. Cùng đi bên tôi là đồng chí Lê Phú, đeo kính trắng và thanh kiếm dài giắt bên hông, đóng giả sĩ quan Nhật.

Đoàn quân đi đã được hồi lâu, trời sáng dần. Đồn Trảng-bạch hiện ra mờ mờ trong màn mưa nhẹ. Qua khu nghĩa địa ngoài phố, tổ súng máy rẽ vào, đặt khẩu đại liên lên chiếc lăng đá và bố trí khẩu phóng lựu ở gần đấy. Tiểu đội du kích vũ trang tiến thẳng đến trước cổng đồn. Lúc này trời đã sáng rõ.

Trước cánh cổng đồn đóng chặt, «quan Nhật» bỗng vừa nói một tràng tiếng Nhật, vừa đập cò vật dôm dộp vào cổng. Tôi đóng vai thông ngôn mà cũng không hiểu «quan Nhật» nói gì, đành cứ lớn giọng quát tháo chen vào:

— Mở cổng! Quan Nhật đem quân đi tuần từ Uông-bí, mở ngay cổng để quan dân lính vào đồn!

• Chúng tôi cứ thi nhau quát tháo như thế để áp đảo tinh thần binh lính trong đồn. Quả nhiên, cánh cổng bỗng mở toang ra, lính gác bỗng sùng chào. Nghĩa quân lập tức tràn ngay vào trong đồn, nhanh như chớp, chia làm ba mũi, tiến thẳng vào nhà giấy, nhà kho, lò cốt.

Chúng tôi quát hỏi người lính gác:

— Đội đồn đâu?

Người lính lưỡng cuống thừa bầm, chỉ lên thượng tầng lò-cốt. Chúng tôi và đồng chí Phan Mạnh Hà cùng hai nghĩa quân ập vào lò-cốt, xông lên tầng thượng, bắt ngay tên Cai Huỳnh phản động, chỉ huy đồn, trong lúc nó đang nằm gối đầu lên súng ngủ.

Lúc này nghĩa quân đã phá toang cửa nhà giấy, nhà kho, tịch thu tất cả quân trang, quân dụng và toàn bộ vũ khí, đạn dược, đốt hết giấy tờ sổ sách trong đồn. Binh lính trong đồn được lệnh tập hợp ở giữa sân. Trước mặt họ là đội ngũ nghĩa quân tề chỉnh dưới bóng cờ đỏ rực sao vàng. Tôi đứng ra nói chuyện với anh em binh lính về chủ trương khởi nghĩa, lập chiến khu của cách mạng và kêu gọi anh em đứng vào hàng ngũ cách mạng. Người nào nặng gánh gia đình muốn trở về quê quán thì tùy ý. Còn Cai Huỳnh — chỉ tay vào tên phản động bị trói ở một góc — tôi vạch tội phản động của hắn: dám trả lời với cán bộ Việt minh đến vận động hắn rằng «sẽ chống bọn nhọ đít (1) đến cùng». Tôi tuyên bố sẽ giải nó về căn cứ để Tòa án cách mạng xét xử.

Tất cả binh lính trong đồn đều tỏ ý tán thành chủ trương của cách mạng. Một số người có gia đình ở trong đồn xin với chúng tôi rằng sẽ thu xếp đưa vợ con về quê rồi đi theo chúng tôi.

Nhiệm vụ đánh chiếm đồn Trảng-bạch đã hoàn thành. Tôi ra lệnh bắn hai phát súng báo hiệu thu quân rồi dẫn theo Cai Huỳnh và khuôn vác chiến lợi phẩm, đưa toàn bộ nghĩa quân kéo về căn cứ qua đường ven núi, theo đúng kế hoạch đã định.

(1) Tức công nhân mỏ than.

Cũng theo đúng kế hoạch đã định, trong khi chúng tôi hành động ở Trảng-bạch thì ở Mạo-khê, các đồng chí của ta cũng ra tay.

Từ khi nhận được lệnh khởi nghĩa, toàn mỏ đã sục sôi chuẩn bị. Tổ thợ máy gấp rút làm xong lựu đạn và đạn súng đại liên rồi đem thử; mặt khác, ra sức thu nhặt vật liệu, dụng cụ, thứ gì có thể làm vũ khí được thì đều tận dụng. Tổ xe lửa chuẩn bị một số toa để phục vụ chuyên chở. Tổ làm lò chuẩn bị choồng, búa, xẻng, cuốc. Tổ cảnh sát mỏ chuẩn bị lấy súng. Có nhiều việc làm rất lộ liễu: nhận được một khẩu súng lục Mô-de nhưng không biết cách sử dụng, bí quá, một thanh niên đã đem hỏi thẳng tên Tây sắp mảy!...

Những hoạt động sôi nổi ấy, nhiều người xung quanh đã nhận thấy. Họ đều biết có một việc gì lớn lao sắp xảy ra và trong thâm tâm ai ai cũng sẵn sàng đứng về phía Cách mạng. Chính vì vậy mà khi khởi nghĩa bùng nổ, quần chúng đã nhiệt liệt ủng hộ bằng mọi cách của họ.

Rạng sáng 8-6-1945, sau khi tôi đã cùng cánh quân đánh đồn Trảng-bạch xuất phát, các đồng chí trong Ban khởi nghĩa Mạo-khê: Đài, Phụng, Bách, Thụy, Quát lại phổ biến tình hình và giao nhiệm vụ cụ thể cho số anh em còn lại một lần nữa. Các chiến sĩ đang nóng lòng chờ giờ hành động thì đột nhiên một trận mưa rào ập đến. Các đồng chí của ta nhìn mưa mà lo lắng, sốt ruột: nếu đến sáng mà mưa vẫn kéo dài, bọn chủ mỏ không sang bàn giấy làm việc, cảnh sát mỏ cũng sẽ không nộp súng vào kho, thì có thể sẽ lỡ kế hoạch hành động. Mạo-khê sẽ không phối hợp được với các mặt trận khác đúng giờ qui định.

May sao, cơn mưa bỗng ngừng và trời cũng hửng dần. Còi tầm 6 giờ rúc lên một hồi dài. Tiếng còi tầm hôm nay thật đã trở thành hiệu lệnh chiến đấu. Nghĩa quân đi lẫn vào dòng thác công nhân lũ lượt kéo đi làm. Nhưng ở sở mỏ, hôm nay đã xảy ra sự việc khác thường: những người có mặt đã không người nào vào ngay việc này, mà thợ máy, thợ điện cũng như thợ lò, nhiều người chỉ đến kho lấy dụng cụ, rồi tùm tùm nằm tùm ba, đứng rải rác thành từng nhóm quanh sở. Các bộ phận sản xuất đều chưa hoạt động, nhiều bộ phận lại không có người, máy không chuyển, xe lửa cũng chỉ chạy đến sở rồi dừng lại, khiến cho một số người ngoài tổ chức ngờ ngác đứng nghe ngóng chờ xem chuyện sắp xảy ra. Mấy tên mặt thám và tay sai của địch cũng đã đánh hơi thấy có sự việc gì, đang nhón nhác đi lại...

Đúng 6 giờ. Ban trình sát bảo tin: chủ Tây đã đến bàn giấy và cảnh sát đã nộp hết súng vào kho, giao chìa khóa cho chủ Tây như thường lệ. Bức thì là cờ đỏ sao vàng rực rỡ hiện ngay lên giữa đám đông đang đứng vây kín xung quanh « nhà giấy », trong đó có tới 200 nghĩa quân lên băng đỏ sao vàng trên cánh tay phải, với vũ khí đầy đủ: súng ống, giáo mác, búa choồng... Trong nháy mắt, Nguyễn Bách đã cùng hai thanh niên lực lưỡng xuất hiện trước bàn giấy chủ mỏ. Anh nói tiếng Pháp với chủ nhất Ri-sa A-ri-ba:

— Chúng tôi là Việt minh, được lệnh đến tịch thu vũ khí của sở mỏ. Yêu cầu các ông giao ngay súng đạn của mỏ cho chúng tôi để chúng tôi đánh Nhật!

Mấy tên chủ Tây mặt tái mét. Chủ nhất Ri-sa ập ứng nói:

— Các ông thu súng thì lấy gì bảo vệ mỏ?

Cán bộ ta trả lời đồng dục:

— Bảo vệ mỏ là phải đủ sức chống phi và chống cả Nhật nữa. Vài chục khẩu súng của các ông thì làm gì được? Hãy giao súng cho chúng tôi, tính mạng của các ông và tài sản của mỏ sẽ được bảo đảm!

Ba tên chủ Tây bàn khê với nhau rồi giao chìa khóa kho súng cho Nguyễn Bách.

— Các ông cứ tiếp tục khai thác than như thường — Bách nói tiếp với bọn chủ mỏ — Nhưng quyền lợi của công nhân phải được bảo đảm và phải chịu sự kiểm soát của quân đội Việt minh!

Cửa kho súng đã bị mở toang. Tiếng reo hò vang dậy ở ngoài sân: « Việt minh muôn năm! », « Việt-nam độc lập muôn năm! », « Đả đảo giặc Nhật! ». Cùng lúc đó, ở các nhà máy ngoài bến tàu hỏa, lò than, ngôi khu phố, anh chị em công nhân và thanh niên đã bố trí canh gác, kiểm soát sự đi lại. Truyền đơn, cáo thị bằng giấy hồng điều xuất hiện ở khắp nơi, với những dòng chữ lớn: « Không nộp thuế nộp thóc cho Nhật! », « Hãy tham gia mặt trận Việt minh! », « Gia nhập quân du kích cách mạng của chiến khu! », « Vâng lên đánh đuổi phát xít Nhật! »...

Cuộc khởi nghĩa đã diễn ra rất nhanh. Chưa đầy hai tiếng đồng hồ, nghĩa quân đã hoàn thành kế hoạch. Chúng ta đã thu được 20 khẩu súng trường và nhiều đạn dược, mang về căn cứ. Còn một kho mìn, ở trong hầm núi, ngày hôm sau cũng được công nhân phát hiện, và cán bộ cơ sở mỏ cũng cho chuyển ngay về căn cứ. Số mìn này, sau đây, được dùng ngay vào việc phá cầu, chặn đường quân Nhật tiến vào chiến khu.

Cùng ngày chuyển mìn về chiến khu, cán bộ của ta đã xuống bến, gặp anh em công nhân và thủy thủ tàu «Đi-a-măng», lúc ấy đang bốc xếp 600 bao gạo để chở đi Hòn-gai. Đồng chí của ta báo cho anh em công nhân và thủy thủ biết tin mìn Mạo-khê đã do quân du kích cách mạng của «Đệ tứ chiến khu» kiểm soát và kêu gọi họ đứng vào hàng ngũ cách mạng. Cán bộ ta nói chưa dứt lời thì anh em công nhân và thủy thủ đã nhảy lên:

— Chúng tôi đã nghe tiếng Việt minh từ lâu! Chúng tôi mong chờ các anh như cá mong nước...

Toàn thể số gạo của tàu «Đi-a-măng» lập tức được chuyển lên kho bằng máy chuyển tàu hỏa, rồi là cờ tam tãi trên tàu cũng biến đi mất, thay vào đó là lá cờ đỏ sao vàng. Ban cán bộ cách mạng được phái xuống tàu, cùng công nhân và thủy thủ lập thành một tiểu đội thủy quân. Tàu «Đi-a-măng» được đổi tên là tàu «Bạch-đăng». Từ đây, trên các dòng sông Kinh Thầy, Hạ-chiều đã xuất hiện chiếc tàu đầu tiên của quân cách mạng làm nhiệm

vụ tuần tiễu đường thủy bảo vệ chiến khu, cũng như sau này làm nhiệm vụ vận chuyển bộ đội.

Nhà máy của sở mìn Mạo-khê cũng chính thức biến thành công binh xưởng của chiến khu, chuyên sản xuất và sửa chữa vũ khí. Hàng loạt lựu đạn, đạn và thuốc súng của ta đã được chế tạo tại đây.

Để xây dựng một vùng căn cứ tiền đồn vững chắc, bảo vệ vùng mìn và bảo vệ chiến khu, chúng tôi cũng đã cho thành lập ở Mạo-khê một trung đội du kích địa phương, mà lực lượng nòng cốt là anh em công nhân mìn và đơn vị của anh Cai Hoàn ở Trảng-bạch. Cai Hoàn là người đã có sẵn cảm tình với cách mạng. Hôm chúng tôi hạ đồn Trảng-bạch, Cai Hoàn dẫn 10 người lính đi tuần vắng. Được tin khởi nghĩa, anh đã đem toàn bộ đơn vị và vũ khí tìm về với cách mạng.

Ban lãnh đạo chiến khu cũng đã chú ý đến việc thành lập cơ sở hậu cần của cách mạng ở Mạo-khê. «Nhà thương» của mìn đã được tổ chức thành «quân y xá» của chiến khu..

Đây là những ngày chuẩn bị và thành lập «Đệ tứ chiến khu», những ngày tháng Sáu sôi nổi, bắt tay đương đầu với những khó khăn phức tạp để giành lấy thắng lợi cho Cách mạng.

Chiến khu đã thành lập sau khi các đồn bót, các huyện lỵ ở phía Bắc Hải-dương, Kiến-an và Quảng-yên đã bị tước hết vũ khí. Quân Nhật cũng không tự do xộc sạo vào khu giải phóng được nữa vì các cầu phà đã bị phá sạch. Bọn quan lại tay sai cũng đã bỏ trốn đi hết hoặc bị trừng trị, phải nằm im. Ủy ban nhân dân cách mạng được thành lập ở hầu hết các xã trong các huyện thuộc vùng do chiến khu kiểm soát. Các đội du kích hoạt động công khai, phối hợp với các đội thủy quân và tự vệ chiến đấu của nhân dân, để bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh, đồng thời kiểm soát khắp các đường giao thông thủy bộ trên cả khu vực rộng lớn ấy.

Được nhân dân hết lòng ủng hộ, các cơ sở quân sự, chính trị, kinh tế của chiến khu

đã phát triển nhanh chóng, thành một lực lượng lớn mạnh. Nhưng không phải chỉ có những lực lượng vật chất và tinh thần ấy đã tạo những điều kiện mạnh mẽ cho cuộc Tổng khởi nghĩa sau này. Đối với chúng tôi, những bài học kinh nghiệm đã rút được từ trong cuộc chuẩn bị và khởi nghĩa thành lập chiến khu là rất quý. Đó là những bài học thiết thực, cụ thể, từ việc chủ động, tích cực tạo và giành thời cơ, đến việc vận động công nhân, nông dân, binh lính, những bài học về đối sách với kẻ thù và chiến thuật, kỹ thuật quân sự, những bài học về tổ chức khởi nghĩa và tổ chức chính quyền...

Những bài học về tháng Sáu là những bài học đầu tiên, rút ra từ những điều đã được Đảng huấn luyện, giáo dục, trực tiếp là rút ra từ Chỉ thị «*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của ta*», đem áp dụng trong buổi đầu tập làm công tác quân sự cách mạng. Những bài học tháng Sáu đã giúp chúng tôi rất nhiều trong nhiệm vụ cách mạng tiếp theo ngay hai tháng sau đây: những nhiệm vụ của tháng Tám...

Tài liệu tham khảo

THÔNG TIN LIÊN LẠC TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP THẮNG LỢI (1945 — 1954)

ĐẶNG TRẦN CẦU

CÁCH mạng tháng Tám thành công, Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời.

Thông tin liên lạc của Đảng bước sang giai đoạn mới, giai đoạn công khai phục vụ công cuộc bảo vệ và củng cố nền chuyên chính nhân dân hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân tiến dần tới xây dựng xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện đó Bureau điện phải là công cụ chuyên chính của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhiệm vụ của nó là góp sức chống lại mọi âm mưu xâm lược từ bên ngoài vào và những hoạt động phản cách mạng ở bên trong, bảo vệ và phát triển những thành quả của cách mạng, phục vụ việc quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, tiến tới thủ tiêu hoàn toàn quan hệ sản xuất cũ.

Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa tiếp thu ngành Bureau điện trong điều kiện ở ngành Bureau điện chưa có cơ sở Đảng. Để thay đổi tính chất của Bureau điện, biến Bureau điện cũ thành một tổ chức thông tin liên lạc nhân dân, một lòng một dạ phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân lao động, Đảng đã ra sức giáo dục, thuyết phục, tranh thủ công nhân, nhân viên, đưa họ vào hàng ngũ mặt trận Việt minh. Vì vậy mà anh chị em cán bộ công nhân viên Bureau điện đã có những đóng góp đáng kể trong việc đấu tranh chống bọn phá hoại trong Bureau điện và khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ, nhiều anh chị em đã chiến đấu

rất dũng cảm, có nhiều người đã hy sinh rất vẻ vang.

Cách mạng tháng Tám thành công, nhưng kẻ thù không phải đã chịu bỏ tay, chúng tìm mọi cách chống phá cách mạng hồng giành lại những quyền lợi đã bị cách mạng tước đoạt. Trước tình hình chính trị hết sức phức tạp ấy, vấn đề then chốt để giữ vững chính quyền là đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng chống đế quốc, bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy, dù bất cứ tình hình nào, việc trấn áp các phần tử phản động vẫn là cần thiết. Vì vậy, một mặt Đảng ta ra sức giáo dục thuyết phục những người tiến bộ, trước đây đã làm trong Bureau điện thời Pháp Nhật, mặt khác tìm mọi cách cô lập và trấn áp những kẻ chống phá cách mạng, lợi dụng tình hình phức tạp lúc đó còn giữ được địa vị khá quan trọng trong ngành Bureau điện. Tình hình đó đặt ra cho giai cấp công nhân phải kiên quyết chiếm lấy toàn bộ bộ máy Bureau điện sẵn có để phục vụ cho mục đích chính trị của mình. Tuy vậy để giữ vững sự đoàn kết đối với mọi tầng lớp, Đảng ta đã tỏ ra mềm dẻo, phương pháp đoạt quyền lãnh đạo đã rất linh hoạt. Đảng ta đã dùng những hình thức quá độ phù hợp với hoàn cảnh và tình hình cách mạng phát triển nhưng không bao giờ quá nhân nhượng.

Việc cải tạo nội dung Bureau điện, sát nhập Bureau điện với Ban giao thông phải được đặt ra. Cách mạng tháng Tám đã thắng lợi, quan hệ sản xuất cũ đã bị phá vỡ, Bureau điện cũ vẫn chưa hoàn toàn thay đổi tính chất và nội

dung (1) của nó, các thủ tục thể lệ, lề lối làm việc và cơ cấu bộ máy vẫn giữ nguyên như hồi Pháp thuộc. Việc này làm cho Bưu điện không đảm đương được nhiệm vụ thông tin liên lạc mà cách mạng yêu cầu. Vì thế ở miền Bắc xuất hiện hai hình thức thông tin liên lạc song song tồn tại: Một là các ban giao thông liên lạc của các cơ quan, đoàn thể cách mạng, một nữa là Bưu điện cũ. Còn ở Nam-bộ và cực Nam-Trung-bộ sau ngày 23-9-1945 thực dân Pháp gây hấn thì Bưu điện cũ bị tan rã hoàn toàn, vì thế ở trong đó không có hai hệ thống thông tin liên lạc như ở ngoài Bắc mà do nhu cầu thiết thực, bước đầu mỗi địa phương, mỗi cơ quan tự tổ chức ban giao thông liên lạc của riêng mình, rồi tìm bắt liên lạc với trên, xây dựng thành hệ thống.

Trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, Đảng đã đấu tranh quyết liệt chống tư tưởng sai lầm có tính chất nguyên tắc cho rằng Bưu điện là một ngành chuyên môn kỹ thuật không dính dáng gì đến chính trị, không có gì phải chấn chỉnh lại. Những người có quan niệm này lợi dụng chỗ yếu của ta là chưa củng cố và tăng cường được sự lãnh đạo của Đảng trong Bưu điện nên họ cho rằng Đảng không hiểu gì về chuyên môn kỹ thuật. Họ đi vào con đường chuyên môn thuần túy, thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, không muốn đặt dưới sự kiểm tra đôn đốc của các Ủy ban kháng chiến hành chính, thoát ly quan điểm phục vụ nhân dân, tiếp tục làm việc theo kiểu « của quyền » của Bưu điện thực dân. Số người này tuy không nhiều, nhưng cũng gây trở ngại cho việc sát nhập Bưu điện với các Ban giao thông làm cho việc sát nhập Bưu điện với các Ban giao thông mãi đến năm 1950 mới hoàn thành. Cuộc đấu tranh để xóa bỏ ảnh hưởng của Bưu điện thực dân là một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ.

Sau cách mạng tháng Tám, ngoài Ban giao thông của Đảng ra, còn có nhiều Ban giao thông khác nữa như Ban giao thông quân sự, Ban giao thông công an, Ban giao thông của Mặt trận Việt minh, Ban giao thông của Tổng liên đoàn lao động Việt-nam, Ban giao thông của bộ Nội vụ v.v. và Bưu điện. Các tổ chức giao thông liên lạc này dần dần hình thành ba hệ thống tổ chức chính:

- Ngành Bưu điện
- Ban giao thông kháng chiến
- Ngành vô tuyến điện

1 — *Ngành Bưu điện*: Bưu điện là một ngành thông tin liên lạc của thực dân Pháp để lại. Cách mạng tháng Tám thành công, Bưu điện

đã nghiêm nhiên thành Bưu điện của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Vì nội dung của Bưu điện chưa được cải tạo, sự lãnh đạo của Đảng ở đó chưa vững chắc nên Bưu điện chỉ được giao vận chuyển những công văn thường của các cơ quan và các thư từ, bưu kiện, bưu phẩm của nhân dân, tuy vậy, Bưu điện vẫn chưa đảm nhận được tốt vì thế bộ Nội vụ phải tổ chức giao thông riêng để lưu thoát công văn của các cơ quan. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Bưu điện không chuyển hướng kịp thời. Cách làm việc vẫn theo lối công chức hành chính. Vì thế chiến tranh lan rộng đến đâu thì Bưu điện tan rã đến đó. Nhà Bưu điện trung ương sau ngày 19-12-1946 rút lui về Hà-đông rồi Phú-thọ, Tuyên-quang đến Bắc-cạn thì hầu như bị tan rã sau trận nhảy dù của giặc. Nhà Bưu điện sau này mới được củng cố lại. Thiếu nguyên vật liệu, thiếu kinh nghiệm công tác trong thời chiến, địa bàn hoạt động lại bị chia cắt, sự vận chuyển thư từ bằng xe ô-tô, xe lửa không có nữa, ngành Bưu điện chỉ còn hoạt động cầm chừng trong khu vực tự do cho đến ngày sát nhập vào Ban giao thông kháng chiến.

2 — *Ban giao thông kháng chiến*: Ban giao thông kháng chiến là tổ chức do Đảng thành lập từ kháng chiến toàn quốc bùng nổ lấy Ban giao thông của Đảng trước đó làm nòng cốt. Vì thế cán bộ và giao thông viên hầu hết là đảng viên của Đảng. Sang năm 1947 thì Ban giao thông kháng chiến đã có một hệ thống dọc từ trung ương xuống tận huyện, xã ở mỗi cấp, ban giao thông đều do cấp ủy trực tiếp chỉ huy lãnh đạo, ngành dọc đảm nhiệm việc lãnh đạo chuyên môn và nắm đường trục qua các địa phương. Ban giao thông kháng chiến đã đóng vai trò quyết định trong việc giữ vững liên lạc từ trung ương đến các khu, tỉnh, thành, kể cả khu V và Nam-bộ. Tất thấy những nơi khó khăn nhất, gian khổ nhất trên đường dây liên lạc đều do các đồng chí giao liên kháng chiến đảm nhận.

3 — *Ngành vô tuyến điện*: Từ sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1951, tổ chức vô tuyến điện do bộ Quốc phòng nắm. Ngành vô tuyến điện gặp nhiều khó khăn vì thiếu máy và phụ tùng sửa chữa. Tuy vậy cán bộ công nhân vô tuyến điện đã tìm mọi cách để bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt.

(1) Khác với các công cụ chuyên chính khác là cách mạng phải đập tan hoàn toàn bộ máy cũ, cả hình thức cũng như nội dung, nhưng Bưu điện qua các chế độ có thể giữ một số hình thức cũ nhưng về nội dung thì Bưu điện của mỗi chế độ đều có tính chất và nội dung riêng của nó.

Trong thực tiễn cách mạng, Đảng ta đã nhận thức rõ là vấn đề giao thông liên lạc có ảnh hưởng rất lớn đến nhiều mặt công tác của Đảng. Vì thế trong những ngày đầu kháng chiến của Nam-bộ và nam Trung-bộ, Trung ương có nhắc « Điều cốt tử là phải giữ vững liên lạc » (1). Trong hội nghị cán bộ trung ương lần thứ nhất (2) cũng có nhận định là một trong những nguyên nhân gây nên những khuyết điểm trong thời gian qua là giao thông liên lạc chưa được nhanh chóng. Nhận thức đầy đủ vị trí và tác dụng của giao thông liên lạc, Đảng luôn luôn quan tâm củng cố và tăng cường nó. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng vẫn chăm lo củng cố ban giao thông riêng của Đảng. Vì thế khi toàn quốc kháng chiến, mặc dù đường sá bị tắc nghẽn, tình thế giao thông liên lạc có nhiều khó khăn nhưng sự liên lạc từ Trung ương đến các tỉnh cũng vẫn giữ vững. Để gấp rút chấn chỉnh giao thông liên lạc, hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai họp từ ngày 6-4-1947 có quyết nghị: Hợp ngay một hội nghị của hệ thống giao thông (quốc phòng, hành chính, đoàn thể) để nghiên cứu việc thống nhất và chấn chỉnh hệ thống giao thông liên lạc toàn quốc » ... « về vô tuyến điện, sắm thêm máy móc, dùng người tin cậy, đào tạo thêm người chuyên môn, năng thay đổi mật mã. Hết sức lợi dụng vô tuyến điện làm phương tiện liên lạc để lãnh đạo » (3).

Trong thời gian đầu của cuộc kháng chiến, mặt trận còn thu hẹp ở một vài thành phố. Đường giao thông còn dễ dàng, phương tiện vận chuyển còn dùng được xe đạp. Đến khi mặt trận lan rộng, địch chiếm các thành thị, các đường giao thông bị phá hoại thì khả năng dùng xe đạp cũng bị thu hẹp lại, phương tiện có hiệu lực nhất lúc đó là đôi chân và hai vai. Nhưng anh chị em công tác thông tin liên lạc cách mạng vẫn dùng các hình thức hoạt động trong hời bí mật, linh hoạt áp dụng các biện pháp truyền đưa tin tức, phục vụ đắc lực cho sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong bất kỳ tình huống nào, dù phải chịu bao hy sinh gian khổ. Ngoài việc chuyển đưa công văn tài liệu, đưa đón cán bộ, người giao liên trong kháng chiến chống Pháp còn phải làm nhiệm vụ tình báo, cung cấp tình hình địch cho các cơ quan quân, dân, chính. Người giao liên cũng phải làm nhiệm vụ gây cơ sở cách mạng trong vùng tạm bị chiếm.

Giữa năm 1947, bọn thực dân Pháp chuẩn bị đánh vào căn cứ địa chúng ta với âm mưu « bao vây vùng Việt-bắc và cản trở việc giao thông liên lạc tiếp tế giữa Việt-bắc với ngoài »

Trung ương kịp thời chỉ thị « Về việc phải phá tan cuộc liên công mùa Đông của giặc Pháp, các địa phương các thành phố phải có kế hoạch đối phó, phải thay đổi cách tổ chức và làm việc theo nguyên tắc giản đơn, bí mật, quân sự hóa cho thích hợp với tình hình mới » (5) và trong chỉ thị ngày 15-10-1947, Trung ương có chỉ rõ là phải « củng cố giao thông liên lạc theo một hệ thống linh động và bán công khai hay bí mật, đặt địa điểm liên lạc dự bị, đặt giao thông song hành. Thay luôn mật mã và giờ làm việc của các điện đài, quân sự hóa các cơ quan điện đài và mật mã » (6) Chấp hành chỉ thị đó, Ban giao thông liên lạc phân tán lực lượng xuống các địa phương, củng cố tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Việc phân tán ấy lúc đầu cũng gây nhiều khó khăn nên hoạt động liên lạc có phần nào rời rạc, tùy tiện, không ăn khớp. Sau trận Việt-bắc trong tờ sinh hoạt nội bộ số 4 — 5 và trong báo *Sự thật* số 89, đồng chí Trường Chinh có nhận định rằng việc liên lạc của ta chậm, liên lạc của ta kém là một nguyên nhân trong những nguyên nhân hạn chế sự thắng lợi của ta. Sau đó theo chỉ thị ngày 21-3-1948 của thường vụ Trung ương về việc phát động phong trào thi đua yêu nước, ngành giao thông liên lạc cũng đã lấy đó làm đà để tăng cường mọi hoạt động trong ngành, làm cho ngành gây được nhiều thành tích to lớn. Những cá nhân, những đơn vị xuất sắc này nọ trong phong trào thi đua đã trở thành nòng cốt làm cho ngành tiến lên bảo đảm thông tin liên lạc một cách vững chắc hơn.

Để chuẩn bị sự hợp nhất giữa giao thông liên lạc và Bưu điện, Đảng đã tăng cường cán bộ có trình độ chính trị cho Bưu điện và chủ trương cải tổ cơ cấu bộ máy Bưu điện, nhằm thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong Bưu điện, làm cho Bưu điện thực sự là cơ quan thông tin liên lạc của Nhà nước chuyên chính nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, làm cho Bưu điện có khả năng phục vụ tốt công cuộc kháng chiến chống Pháp.

(1) Chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương về kháng chiến kiến quốc 11-1945

(2) Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ nhất họp từ ngày 31-7 đến 1-8-1946

(3) Nghị quyết hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai, mục D : Phát triển và củng cố đoàn thể, tiểu mục 14: Giao thông liên lạc.

(4) Chỉ thị của Trung ương ngày 15-10-1947.

(5) Chỉ thị đã dẫn, mục IV « Không sợ địch nhưng không khinh địch ».

(6) Chỉ thị của Trung ương ngày 15-10-1947.

Chấp hành nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, tháng 5-1948 Bộ Giao thông công chính, ra quyết định sát nhập Bru điện với Ban giao thông, nhằm bước đầu thống nhất tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc, để làm cho bộ máy thông tin liên lạc trong cả nước được hợp lý và điều hòa. Sự thống nhất ấy cũng phải trải qua một thời gian đấu tranh chống những quan điểm chuyên môn đơn thuần, mê tin nghiệp vụ cũ, bảo thủ trong tổ chức, phi giai cấp trong phục vụ của một số người làm công tác trong Bru điện. Trong quá trình tiến hành sự thống nhất đó, để bảo đảm an toàn thông suốt, bí mật mối liên lạc của Đảng từ trên xuống dưới, tháng 11-1948. Ban giao thông liên lạc thành lập một tổ chức mới gọi là Ban Hỏa tốc. Thực chất của Ban Hỏa tốc là ban giao thông liên lạc của Đảng. Từ ngày sát nhập với ban giao thông, Bru điện đã hoàn toàn đổi mới. Không còn tình trạng chỉ làm việc ban ngày theo giờ hành chính nữa, sổ sách đã đơn giản hơn, phù hợp với thời chiến, phương thức cũng được sửa đổi lại, nếp sinh hoạt cơ quan cũng thay đổi, cán bộ nhân viên cũng được sàng lọc lại theo yêu cầu của nhiệm vụ. Sự sáp nhập Bru điện với ban giao thông phải tiến hành trong hai năm trời mới hoàn thành trong cả nước. Có tình sáp nhập nhanh, có tình chậm tùy theo sự giác ngộ chính trị nhanh chậm của anh chị em trong Bru điện.

Cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công. Để đóng góp thực hiện nhiệm vụ trên, ngày 27-5-1949 hội nghị cán bộ giao thông Trung ương được triệu tập. Hội nghị chủ trương tiến hành chấn chỉnh hơn nữa bộ máy thông tin liên lạc kháng chiến với những biện pháp cụ thể.

Căn cứ vào cơ sở vật chất thiết bị thông tin và yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ, bộ máy thông tin lúc này chia làm hai bộ phận:

I — Bộ phận thường lệ gọi là Ban thư tín. Bộ phận này do đường thư thường lệ trước đây Bru điện đảm nhận, gồm có đường thư liên tỉnh và đường thư nội tỉnh. Bộ phận này có nhiệm vụ chuyển thư từ cho các cơ quan chính quyền và nhân dân, chuyển công văn, tài liệu thường cho các hội và đoàn thể quần chúng.

2. Một bộ phận nữa là Ban Hỏa tốc, có nhiệm vụ chuyển công văn, tài liệu đặc biệt khẩn cấp và bí mật của Đảng và chính quyền cách mạng. Ban Hỏa tốc có một hệ thống dọc từ Trung ương xuống tận chi bộ xã, vào tận cả các vùng tạm chiếm sâu. Những đường thư trước đây bị đứt quãng này được chấp nối lại.

Đường thư thường lệ sau một thời gian chấp nối đã chuyển đều từ biên giới đến liên khu V. Những đường thư hỏa tốc đã trở thành mạch máu chính của bộ máy kháng chiến, nó vận chuyển đều ở ngoài vùng tự do cũng như trong vùng địch kiểm soát.

Kháng chiến ngày càng thắng lợi, Ban Hỏa tốc ngày càng phát triển. Theo thống kê, tính đến tháng 5-1950, Ban Hỏa tốc Trung ương tăng từ 160 người lên 300 người. Ở các tỉnh, Ban Hỏa tốc cũng tăng nhanh để đáp ứng yêu cầu ngày một cao. Để đào tạo cán bộ và nâng cao trình độ cho giao thông viên, trong năm 1950, ngành đã mở lớp trạm trưởng đầu tiên. Trong thời gian này việc phổ biến tài liệu và kinh nghiệm chuyên môn cũng được tiến hành thường xuyên hơn. Tuy phương tiện ăn thiếu thốn nhưng ngành cũng xuất bản được một số tài liệu về công tác thông tin liên lạc (1) để phục vụ cho yêu cầu học tập nghiệp vụ của anh chị em giao thông viên.

Thông tin liên lạc của ta ở vùng địch kiểm soát cũng được chấn chỉnh, ta bố trí lại một số cơ sở liên lạc bị lộ, cử các đồng chí có tinh thần dũng cảm, kiên cường đảm nhiệm công tác giao liên trong vùng địch hậu. Vì công tác giao liên ở vùng địch hậu vô cùng gian khổ. Phải ở hầm suốt tháng, suốt năm, ăn uống thiếu thốn, tinh thần luôn luôn căng thẳng vì bị quân địch lùng ráp luôn. Đường thư từ Trung ương đến tận các khu miền Nam cũng được thông suốt. Sự liên lạc với các xã, các phố trong vùng địch tạm chiếm mặc dù địch khủng bố gắt gao, vẫn giữ được. Hà-nội đã đạt được liên lạc mật thiết với các xã ngoại thành và các khu phố trong nội thành. Các thị trấn phố lớn như Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định, Sài-gòn v.v. cũng có liên lạc với Trung ương. Phương tiện vận chuyển lúc này chủ yếu là đôi chân và hai vai. Vận chuyển qua vùng địch tạm chiếm chủ yếu là do Ban Hỏa tốc đảm nhiệm, còn ở vùng tự do phần lớn do ban thư tín đảm đương.

Tuy nhiên, về mặt tổ chức và tình hình chính trị, nhìn chung toàn ngành, nhất là trong ban thư tín chưa thật ổn định.

Tháng 5-1950, hội nghị cán bộ giao thông Trung ương lần thứ hai họp và đề ra nhiệm vụ là phải kiên quyết thống nhất bộ máy giao thông liên lạc trong cả nước, lấy ban giao

(1) « Trạm », « Lên đường », « Ai kiểm soát », « Mật mã ». Đó là bốn tài liệu về nghiệp vụ thông tin liên lạc đầu tiên trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

thông liên lạc làm nòng cốt, đồng thời Đảng đưa sang Bru điện nhiều cán bộ lãnh đạo để chấn chỉnh và thống nhất từ trên xuống dưới, làm cho bộ máy thông tin liên lạc chỉ có một hệ thống duy nhất của Đảng, của Nhà nước, để tiến hành hàng chiến thắng lợi.

Sau hội nghị này, đường thư thường lệ được chấn chỉnh. Các tỉnh đặt lại địa điểm của các ty, phòng, trạm, phối hợp hình thức công khai của trạm thường lệ với nguyên tắc bí mật của trạm hỏa tốc, bố trí lại cán bộ nhân viên và ưu tiên cho các tuyến đường quan trọng, định giờ chạy tiếp sức cho hợp lý hơn nữa v.v...

Từ cuối năm 1950, địch mở rộng vùng chiếm đóng, lập thêm vùng đại trắng, lập phòng tuyến chia cắt địa bàn làm nhiều khu vực, ngăn cản đường giao thông liên lạc của ta. Để thực hiện âm mưu ấy, địch tăng cường ném bom bắn phá, ta lại phải nghiên cứu bố trí lại các đường dây liên lạc. Để giữ an toàn các đường dây, ta kéo vòng dây, dịch dây tránh cầu và các khu vực trọng điểm để đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt. Các đường thư được phát triển hơn trước, mạng lưới được tu bổ và xây dựng thêm. Ngoài những đường điện đã phục vụ ở khu Việt-bắc, khu III, khu IV, khu V, ta còn có một đường trục dài 300 km liên lạc từ Trung ương xuống các khu. Tốc độ bưu vận cũng đã tăng, ta đã sử dụng 3.100km đường xe đạp và trên mỗi tuyến đường giao thông viên chạy suốt ngày đêm, năng suất công tác tăng lên không ngừng (1).

Sau chiến thắng của chiến dịch Biên giới 1950 địch càng hoảng hốt, càng ra sức mở rộng phạm vi chiếm đóng, chia cắt nhiều vùng, nhiều khu vực hòng kìm hãm đà thắng lợi của nhân dân ta. Do đó việc liên lạc giữa các khu (2) gặp nhiều khó khăn mới. Nhưng với khẩu hiệu không núi cao, suối sâu nào, không biển cả sông dài nào, không mưa nắng giá rét nào, không đồn bốt nào của kẻ địch, không bom đạn nào của quân thù ngăn được bước chân của người chiến sĩ giao liên, các anh chị em giao liên quyết tâm giữ vững đường dây giao thông liên lạc. Tháng 1-1951, Đại hội Đảng lần thứ hai họp. Đảng nhận định «... để đưa kháng chiến đến thắng lợi, lúc này Đảng phải kiện toàn sự lãnh đạo chính trị, hướng mọi hoạt động của mọi ngành vào việc phục vụ kháng chiến... phải động viên nhân lực vật lực, tài lực vào cuộc kháng chiến, theo khẩu hiệu: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng" (3).

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ hai, ngành Bưu điện tiến hành củng cố tổ

chức một bước nữa và tăng cường xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ công cuộc kháng chiến đầy lực hơn. Sáp nhập với ban giao thông, Bưu điện đã thay xương đổi thịt, đã có khả năng đảm nhiệm những nhiệm vụ nặng nề và quan trọng hơn trước. Vì thế, tháng 6-1951 Chính phủ quyết định sáp nhập ngành vô tuyến điện vào Bưu điện.

Để thực hiện nhiệm vụ chuyển mạnh sang tổng phản công, cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 1951 hội nghị Bưu điện vô tuyến điện toàn quốc họp đã thảo luận và đề ra nhiệm vụ trong giai đoạn mới là kiện toàn và chấn chỉnh tổ chức, củng cố các hệ thống thông tin liên lạc, thống nhất và sửa đổi thể lệ và thủ tục khai thác về bưu và điện, ra sức đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất cải tiến kỹ thuật và thiết bị thông tin. Hệ thống Bưu điện được củng cố từ trung ương tới xã. Ở trung ương có nhà Bưu điện vô tuyến điện, ở khu cơ sở, ở tỉnh có ty, ở huyện có phòng, ở xã có trạm. Để bảo đảm bí mật và phục vụ kịp thời cho các cấp ủy Đảng tổ chức Bưu điện còn đặt một bộ phận nữa là Bưu điện đặc biệt mà tiền thân của nó là ban hỏa tốc. Bộ phận này cũng được tổ chức có hệ thống từ trên xuống dưới. Ở Trung ương, có ty đặc biệt trực thuộc nhà Bưu điện vô tuyến điện, ở khu có phòng đặc biệt trực thuộc sở, ở tỉnh có trạm trực thuộc ty Bưu điện vô tuyến điện.

Sau chiến dịch Biên giới, và những năm 1951, 1952, 1953, ta liên tiếp mở các chiến dịch, sau năm 1953, hầu hết miền rừng núi Bắc-bộ đã được giải phóng. Địch chỉ còn chiếm Hà-nội và trung châu sông Hồng. Ngoài các đô thị lớn và đường giao thông quan trọng, căn cứ du kích của ta lan rộng, các vùng tự do cũng được mở rộng, được củng cố và ngày càng vững chắc. Theo đó Bưu điện cũng phát triển mạnh để đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc.

Trước tình hình cách mạng ngày càng có lợi cho ta, bọn địch ở trong các vùng tạm chiếm càng ra sức đàn áp phong trào kháng chiến của nhân dân; chúng truy lùng, phục kích, bắn giết giao liên của ta. Nhưng với khẩu hiệu quyết bám dân, không rời dân, các

(1) Mỗi giao thông viên mang nặng từ 15 đến 30 kg tài liệu và tốc độ chạy bộ tăng từ 30km/ngày lên 60km/ngày.

(2) Theo nghị định số 82NB/KL ngày 18-1-1949 của Bộ Giao thông công chính gồm có khu Việt-bắc, liên khu 3, 4, 5 và Nam-bộ.

(3) Trích nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ hai

chiến sĩ giao liên tăng cường đào thêm và cải tiến các loại hầm bí mật. Mặc dù địch cố sức phá hoại giao thông liên lạc của ta, chúng ta vẫn giữ vững đường dây liên lạc. Có những vùng du kích ta kéo cả đường dây thông thoại vào. Không những thế, ta còn đặt cả điện đài ngay trong lòng Hà-nội và xuyên liên lạc theo định kỳ (1)

Sức chống càn là công tác quan trọng là công việc thường xuyên của anh em giao liên vùng địch hậu. Trong mỗi trận càn, tình hình chiến trường diễn ra rất ác liệt, đường giao thông và các đầu mối liên lạc bị đảo lộn, người chiến sĩ giao liên phải chịu đựng rất nhiều hy sinh gian khổ mới hoàn thành được nhiệm vụ của mình nhất là trong những trận càn quý mỗ, kéo dài ác liệt như các trận càn Quả chuông, Trái chanh, Trái quýt, Con lạc đà, (khu Tả ngạn) và các trận Kangourou, Amphibie Tarantes (khu 3). Anh chị em giao liên vừa chống càn vừa chiến đấu dưới làn mưa đạn để bảo vệ tài liệu, bảo vệ cán bộ và nhân dân.

Ở vùng tự do, với khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến" ngành Bưu điện ra sức chuẩn bị mọi lực lượng vật chất, gấp rút đào tạo cán bộ, công nhân để mở rộng hơn nữa mạng lưới bưu và điện góp phần vào công cuộc tổng phản công đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Tháng 4 - 1953, ngành mở lớp trung cấp kỹ thuật Bưu điện khóa 2 có 20 học viên. Trong khi đó ở các khu, các ty cũng mở các lớp bồi túc nghiệp vụ cho trưởng ty, mở lớp sơ cấp kỹ thuật (2)

Tính đến cuối năm 1953 chỉ kể mạng lưới phục vụ ở nông thôn có tới 4.787 trạm bưu xã. Lúc này Bưu chính phục vụ nông thôn đã phát triển và phục vụ đắc lực cho đợt phát động quần chúng giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất. Với khẩu hiệu "đội đi đến đâu, dây theo đến đấy", Bưu điện đã phục vụ đắc lực cho cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn.

Thắng lợi ngày càng lớn, vùng giải phóng ngày càng rộng, nhu cầu thông tin liên lạc ngày càng cao, khó khăn mới do đó càng phát sinh. Tuy nhiên với tinh thần phục vụ cao, với tinh cảm cách mạng mãnh liệt, cho nên càng khó khăn thì thành tích càng lớn, sáng kiến càng nhiều. Trong thời gian này ta đã có tới 9.144km đường điện báo—thoại với 40 điện đài lớn nhỏ hoạt động đều đặn trong các mặt kinh tế văn-hóa và quốc phòng v.v... Tin báo, tin tức đã được thông báo kịp thời cho các cơ quan có trách nhiệm và đến tận cả các ủy ban kháng chiến hành

chính xã. Sách báo đã chuyển nhanh chóng và kịp thời đến tay người đọc. Trong các chiến dịch, ngành Bưu điện đã đặt những đường dây để bảo đảm nối thông liên lạc giữa hậu phương với tiền tuyến, giữa các ban chỉ huy với từng trận địa v.v... phục vụ có hiệu quả các công tác điều động dân công, thương binh, tù binh, hàng binh, v.v...

Trong thời gian đó ở Nam trung-bộ và Nam-bộ, cuộc kháng chiến của quân và dân ta cũng giành được nhiều thắng lợi. Ta giữ vững vùng tự do rộng lớn, đồng thời phát triển thêm nhiều căn cứ du kích trong vùng địch tạm chiếm. Anh chị em giao liên ở vùng liên khu V, trước đây là những thành viên của các ban giao thông liên lạc kháng chiến, ban vận tải miền Nam, ban giao thông liên lạc quân sự thống nhất lại. Với vị trí ở vùng bản lề của hai miền Nam Bắc, anh chị em đã nối thông liên lạc, đưa công văn chỉ thị từ Trung ương vào tận Nam-bộ, đã tự trang bị chế nhiều loại tổng đài lớn nhỏ. Tính đến đầu năm 1954, số tổng đài tăng gấp 3 lần so với hồi đầu kháng chiến. Ngoài ra còn dựng được 500km đường dây và đường giao thông dự bị.

Ở Nam-bộ, anh chị em giao liên đã phải chịu đựng nhiều gian khổ nhưng với quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, anh chị em đã vượt qua những vùng nguy hiểm như sông Tiền giang, Hậu giang, những vùng đầy đồn bốt địch, những vùng tạm chiếm nhiều bọn phản động để giữ vững sợi dây liên lạc của cuộc kháng chiến từ rừng U-minh qua Đồng-tháp-mười lên chiến khu Đ và đến những vùng đất xa xôi hẻo lánh. Ngành thông tin liên lạc ở Nam-bộ cũng đã xây dựng được mạng lưới vô tuyến điện để giữ vững sự liên lạc ở Nam-bộ với Trung ương và giữa Ủy ban hành chính kháng chiến Nam-bộ với các tỉnh.

Từ cuối năm 1954 ta giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Phát huy mọi thắng lợi trong các lĩnh vực, ta tập trung lực lượng giải quyết bước cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Tháng 3 - 1954, chiến dịch Điện-biên-phủ mở màn đáng đòn quyết định vào bọn thực dân

(1) Theo tài liệu của sở Bưu điện Hà-nội thì ta có 2 điện đài nhỏ. Mỗi ngày liên lạc độ 15, 20 phút với căn cứ kháng chiến.

(2) Lớp trưởng ty có 54 người. Ngoài ra các khu còn bổ túc thêm 59 trưởng phòng, 17 điện khí viên, 10 hiệu chỉnh viên và giao thông viên. Còn số đó tuy ít nhưng lúc này rất quý.

Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA TƯ TƯỞNG CHIẾN TRANH NHÂN DÂN CỦA HỒ CHỦ TỊCH

Toàn bộ các quân điểm trên đây là những quan điểm tư tưởng chiến tranh nhân dân của Hồ Chủ tịch. Có thể còn có những quan điểm khác nữa mà chúng tôi chưa thấy rõ hết được.

Hồ Chủ tịch tuy không biên soạn cho quân đội và nhân dân ta một tác phẩm riêng biệt nào về binh thư, binh pháp, về chiến lược, chiến thuật. Nhưng tư tưởng chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng của Người kể trên đã thấm vào các chỉ thị nghị quyết của Đảng và đã biến thành hành động thực tiễn của quần chúng. Có thể nói lịch sử đấu tranh vũ trang của dân tộc ta trong hơn 30 năm là một cuốn sách sống về chiến tranh nhân dân mà Hồ Chủ tịch là người phát động và lãnh đạo. Qua những lời huấn thị và kêu gọi của Người, tư tưởng chiến tranh nhân dân đã ăn sâu vào tâm trí quân và dân ta. Điều đó không có gì lạ lạ bởi vì tư tưởng của Người là kết tinh của tinh thần cách mạng của dân tộc, là xuất phát từ nhân dân mà ra. Qua sự tôi luyện bởi tinh thần cách mạng vô sản và kinh nghiệm cách mạng thế giới mà Người hấp thu được, tư tưởng đó lại trở về với nhân dân với một trình độ khoa học hơn, sâu sắc hơn.

Nhân dân ta cùng nhân dân bị áp bức trên thế giới hiện nay cũng cùng chung một cảnh ngộ, có chung một kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc. Cái mà chúng ta đã và đang đấu tranh với chủ nghĩa đế quốc cũng là cái mà nhân dân các thuộc địa đang làm. Do đó không lấy làm lạ nếu có những nhà cách mạng giải phóng dân tộc ở châu Á và châu Mỹ la-tinh đã coi Hồ Chủ tịch cũng là một chiến sĩ tiên phong của dân tộc họ. Ngày nay bạn bè của chúng ta ở khắp năm châu vui mừng khi thấy tư tưởng « quân với dân như cá với nước » của Hồ Chủ tịch đã thắng « quốc sách áp chiến lược » của bọn đế quốc và tay sai, khi thấy súng trường của dân quân ta đã hạ được máy bay phản lực của đế quốc Mỹ. Tư tưởng coi « nhân dân là mẹ », « chính trị làm gốc » « đoàn kết là sức mạnh vô địch » v.v... mà Hồ Chủ tịch đề xướng, cũng như kinh nghiệm tổ chức ba thứ quân, thực hành chiến lược, chiến thuật chiến tranh du kích mà Hồ Chủ tịch lãnh đạo đều là những món quà quý báu mà dân tộc ta thân tặng các dân tộc bạn bè đang đấu tranh cho nền độc lập của mình.

20-1-1966

Một vài suy nghĩ bước đầu...

(Tiếp theo trang 36)

Pháp. Với khẩu hiệu « Tất cả cho Điện-biên-phủ », Bưu điện đã cử hàng nghìn cán bộ, công nhân tham gia phục vụ chiến dịch này. Anh chị em bưu điện đã vượt qua hàng ngàn cây số đường rừng, khe núi, cùng với nhân dân và các đơn vị khác cung cấp cho tiền tuyến hàng vạn tấn gạo, hàng ngàn tấn thực phẩm, tu sửa đường sá, vận tải đạn dược v.v... Bưu điện cũng đã mắc thêm gần 200 km đường dây chỉ trong 10 ngày. Anh chị em cũng đã thường trực suốt ngày đêm để chuyển hàng trăm bức điện, hàng ngàn bức thư ủy lạo chiến sĩ và thư của gia đình báo tin được chia ruộng đất v.v... là những vũ khí tinh thần của hậu phương tiếp viện cho tiền tuyến, động viên chiến sĩ quyết chiến quyết thắng. Chiến dịch Điện-biên-phủ thắng lợi và cuộc kháng chiến của nhân dân ta thành công.

Nhìn lại lịch sử phát triển của ngành thông tin liên lạc sau Cách mạng tháng Tám qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp là một nền thông tin liên lạc thực sự của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nó sinh ra và trưởng thành trong ngọn lửa chiến đấu. Quá trình phát triển của nó gắn liền với cuộc đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ chính quyền và đấu tranh giải phóng dân tộc của Đảng ta, của nhân dân ta.

Cũng qua chín năm kháng chiến, bước trưởng thành của ngành thông tin liên lạc Việt-nam ngày một lớn và vững chắc, và đã có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của toàn Đảng toàn dân, đã thực sự trở thành công cụ chuyên chính của giai cấp công nhân, của Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

ÉTUDES HISTORIQUES

Organe mensuel de l'Institut d'Histoire près le Comité d'État des
Sciences sociales de la République Démocratique du Vietnam

Directeur : NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Secrétaire de la rédaction : VĂN TÂN

N° 126

SEPTEMBRE 1969

SOMMAIRE

- ★ Testament du Président HỒ CHÍ MINH. 4
- ★ Appel du Comité Central du Parti des Travailleurs du Vietnam. 6
- ★ Bibliographie sommaire du Président HỒ CHÍ MINH. 8
- ★ Hommage funèbre du Comité Central du Parti des Travailleurs du Vietnam lu par le camarade Lê Duẩn, Premier secrétaire, à la cérémonie solennelle à la mémoire du Président HỒ CHÍ MINH. 11

NGUYỄN KHÁNH TOÀN — L'ONCLE HỒ vivra à jamais dans nos coeurs, sa mémoire se perpétuera chez notre peuple héroïque, dans les fleuves et les montagnes de notre Patrie, dans notre grande oeuvre. 14

TRẦN HUY LIỆU

— Premières réflexions sur la pensée militaire du Président HỒ CHÍ MINH. 18

NGUYỄN KHÁNH TOÀN — Place et signification internationales de la Révolution d'Août. 37

TRẦN CUNG — Insurrection déclenchée dans la 4^e zone de guérilla en 1945 (souvenirs). 44

ĐẶNG TRẦN CẦU — La branche des transmissions et liaisons de la Révolution d'Août à la fin de la résistance contre les colonialistes français (1945-1954). 58

TÌM ĐỌC

Tạp chí KHẢO CỔ HỌC

của VIỆN KHẢO CỔ

Thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam

TẠP CHÍ KHẢO CỔ HỌC PHỔ CẬP CÁC
HIỂU BIẾT VỀ MÔN KHOA HỌC KHẢO
CỔ TRONG QUẦN CHÚNG, CÔNG BỐ CÁC
TƯ LIỆU VỀ KHẢO CỔ HỌC, ĐẨY MẠNH
VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ TRAO ĐỔI Ý KIẾN
VỀ KHẢO CỔ HỌC Ở NƯỚC TA, PHÁT
HÀNH BA THÁNG MỘT LẦN. NỘI DUNG
CHỦ YẾU CỦA NHỮNG SỐ RA TRONG
NĂM 1960 NƠI VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN
CỨU THỜI KỶ LỊCH SỬ HÙNG VƯƠNG —
AN DƯƠNG VƯƠNG.

HIỆN NAY, SỐ 1 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH.
CÁC CƠ QUAN CẦN MUA, CÓ THỂ LIÊN
HỆ VỚI TÒA SOẠN Ở 61, PHAN CHU
TRINH, HÀ NỘI.

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

27, Trần Xuân Soạn, Hà-nội — Dãy-nội : 4773
